

Chi nhánh/Branch: TỪ LIÊM
Số: /BC03a

SAO KÊ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG/ACCOUNT STATEMENT

Từ ngày/From Date: 01/01/2025 Đến ngày/To Date: 31/12/2025

Khách hàng/ Customer: BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY Địa chỉ/ Address: NHA CHUNG CU SAPPHIRE, 136 HO TUNG M AU, PHU DIEN, BAC TU LIEM TP. HA NOI VN

Mã KH/ Cif No: 14259016

Tên tài khoản/ Account name: BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G Loại tiền tệ/ Currency: VND

Số tài khoản/ Account No: 1260000151

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
Số dư đầu kỳ (Opening balance)						397,328,035.00							
1	04/01/2025 17:13:20	04/01/2025	DD	0.00	1,173,600.00	398,501,635.00	1276	990B2 BIN	990000	TKThe :0560105182122 tại BFTVVNVX. MBVCB.8120537933.088616.S2-12B03 Thanh toán tiền dịch vụ tháng 1/2025.CT tu 1026158122 CAO MANH HUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG - B2B0200970436010417131920 25DBIw088616	1026158122	CAO MANH HUNG	Ngan hang TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
2	07/01/2025 06:17:09	07/01/2025	DD	0.00	987,600.00	399,489,235.00	1277	990B2 BIN	990000	TKThe :0560105182002 tại MSCBVNVX. Toa D can 3007 TT phi dich vu thang 012025 - B2B0200970422010706170820 25XE6C244058	0560105182002	NGUYEN VAN TINH	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
3	07/01/2025 08:50:35	07/01/2025	DD	0.00	700,875.00	400,190,110.00	1278	990CT LN4	990000	TKThe :00302581001 tại Tienphongbank. 12a16 s3 thanh toán phi dich vu va gui xe may T1.2025 -CTLNHIDI000010896554333-1/1-CRE-002	00302581001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
4	07/01/2025 09:49:25	07/01/2025	DD	0.00	1,429,075.00	401,619,185.00	1279	990CT LN4	990000	TKThe :19029048742989 tại Techcombank. S1-2506 thanh toán phi dich vu thang 1 2026 FT25007906010097 -CTLNHIDI000010896947132-1/1-CRE-002	19029048742989	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
5	07/01/2025 10:36:02	07/01/2025	DD	0.00	1,016,025.00	402,635,210.00	1280	9900 MNISM B	501153	1260000151 2902 S3 LE DUY LUC Chuyen tien dich vu thang 1 2025	5010509881	LE DUY LUC	BIDV
6	07/01/2025 11:36:19	07/01/2025	DD	0.00	803,775.00	403,438,985.00	1281	990B2 BIN	990000	TKThe :106003807462 tại ICBVVNVX. QR - 3310 S4 TT phi dich vu T 1 2025 - B2B0200970415010711361820 254rxM755942	106003807462	THAI NGOC LIEN	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
7	07/01/2025 12:13:24	07/01/2025	DD	0.00	1,113,225.00	404,552,210.00	1282	990B2 BIN	990000	TKThe :0978156804 tại MSCBVNVX. S3.3602 Thanh toán phi dich vu T12025 - B2B0200970422010712132220 25EHN0821823	0978156804	NGUYEN HUONG THUY	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
8	07/01/2025 13:52:13	07/01/2025	DD	0.00	949,800.00	405,502,010.00	1283	990CT LN4	990000	TKThe :020013043461 tại Sacombank. IBFT D3506 TT TIEN DV T1 2025 -CTLNHIDI000010898659485-1/1-CRE-002	020013043461	SACOMBANK CK tu SACOMBANK	NH TMCP Sai Gon Thuong tin
9	07/01/2025 14:10:00	07/01/2025	DD	0.00	1,193,025.00	406,695,035.00	1284	990B2 BIN	990000	TKThe :0934943493 tại MSCBVNVX. S2.0505 thanh toán phi dich vu T1.2025 - B2B0200970422010714095920 257FH2188250	0934943493	NGUYEN THI BICH	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
10	07/01/2025 15:15:03	07/01/2025	DD	0.00	767,325.00	407,462,360.00	1285	990B2 BIN	990000	TKThe :0301000299324 tại BFTVVNVX. MBVCB.8149945543.878959.S3.3609 thanh toán phi quan ly va phi gui xe may thang 1/2025.CT tu 0301000299324 LE XUAN PHUC toi 1260000151 BA- B2B0200970436010715150320 25DBkg878959	0301000299324	LE XUAN PHUC	Ngan hang TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
11	07/01/2025 15:34:30	07/01/2025	DD	0.00	1,460,625.00	408,922,985.00	1286	9900 MNISM B	220000	1260000151 PHAN THUY DUNG Chuyen tien D3304 dong phi dv thang 01.2025	2206525814	PHAN THUY DUNG	BIDV



STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
12	07/01/2025 15:48:38	07/01/2025	DD	0.00	987,600.00	409,910,585.00	1287	990CTLNH4	990000	TKThe :19039264147012 tại Techcombank. D1507 thanh toán tiền dịch vụ tháng 1.2025 FT25007849117807 -CTLNHID000010899459767-1/1-CRE-002	19039264147012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
13	07/01/2025 15:58:40	07/01/2025	DD	0.00	801,300.00	410,711,885.00	1288	990CTLNH4	990000	TKThe :00166381001 tại Tienphongbank. S3.0410 Thanh toán tiền dịch vụ quản lý và gửi xe máy xe đạp tháng 01.2025 -CTLNHID000010899536275-1/1-CRE-002	00166381001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
14	07/01/2025 16:31:24	07/01/2025	DD	0.00	788,550.00	411,500,435.00	1289	990CTLNH4	990000	TKThe :0976085892 tại CAKE by VPBank. 12a05 s3 tt tien dvu tháng 1 2025 -CTLNHID000010899792531-1/1-CRE-002	0976085892	TRAN THAI HA 136 ho tung mau/Vietnam	Ngan hang so CAKE by VPBank
15	07/01/2025 16:38:19	07/01/2025	DD	0.00	21,500,000.00	433,000,435.00	1290	990XLDTD	990000	REM 9901CI250107000070988 B/O TNPM F/O-1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KHU DO THI GOLDMARK CITY DTL- REF/2025010720100110008287 01302001 THANH TOAN TIEN THUA THU LAO THANG 12/2024 VAO QUY BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE - GOLDMARK CITY Bank Charge .00 VAT .00	0310101020352	TNPM	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
16	07/01/2025 17:16:53	07/01/2025	DD	0.00	899,325.00	433,899,760.00	1291	9900MNI5MB	215155	1260000151 S3.0706ThanhToanTienDichVuThang012025	2150077489	LE THI THU HUONG	BIDV
17	07/01/2025 17:19:01	07/01/2025	DD	0.00	949,800.00	434,849,560.00	1292	990CTLNH4	990000	TKThe :1994020813 tại Techcombank. D1606 thanh toán tiền dịch vụ tháng 1 2025 FT25007787027503 -CTLNHID000010900203932-1/1-CRE-002	1994020813	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
18	07/01/2025 18:17:33	07/01/2025	DD	0.00	832,950.00	435,682,510.00	1293	990B2BIN	990000	TKThe :0120100825002 tại MSCBVNVX. S3.1217 thanh toán tiền quản lý và xe máy tháng 1.2025 - B2B0200970422010718173120 25R578247828	0120100825002	QUACH VAN THUAN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
19	07/01/2025 19:41:36	07/01/2025	DD	0.00	1,303,350.00	436,985,860.00	1294	990CTLNH4	990000	TKThe :01750579501 tại Tienphongbank. Phi dich vu D3308 tháng 1-2025 -CTLNHID000010901339372-1/1-CRE-002	01750579501	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
20	07/01/2025 20:31:25	07/01/2025	DD	0.00	698,400.00	437,684,260.00	1295	9900MNI5MB	215152	1260000151 S4.0613 thanh toán tiền dịch vụ tháng 01.2025	2151646004	NGUYEN THI BINH MINH	BIDV
21	07/01/2025 21:01:02	07/01/2025	DD	0.00	1,190,625.00	438,874,885.00	1296	990CTLNH4	990000	TKThe :11520635718019 tại Techcombank. CH D.12B04 nop phi dich vu va gui xe dap T1.2025 FT25007999018068 -CTLNHID000010901877703-1/1-CRE-002	11520635718019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
22	07/01/2025 21:02:01	07/01/2025	DD	0.00	934,000.00	439,808,885.00	1297	990CTLNH4	990000	TKThe :10520206507014 tại Techcombank. S2 12B11 thanh toán phi dich vu tháng 1.2025 FT25007022343454 -CTLNHID000010901883854-1/1-CRE-002	10520206507014	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
23	07/01/2025 21:13:32	07/01/2025	DD	0.00	951,225.00	440,760,110.00	1298	990CTLNH4	990000	TKThe :26091986001 tại Tienphongbank. Toa S3 can ho 12B02 thanh toán tiền dịch vụ tháng 1.2025 -CTLNHID000010901955232-1/1-CRE-002	26091986001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
24	07/01/2025 21:14:37	07/01/2025	DD	0.00	835,350.00	441,595,460.00	1299	990CTLNH4	990000	TKThe :26091986001 tại Tienphongbank. Toa S3 can ho 12B07 thanh toán tiền dịch vụ tháng 1.2025 -CTLNHID000010901961846-1/1-CRE-002	26091986001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
25	07/01/2025 21:20:34	07/01/2025	DD	0.00	987,600.00	442,583,060.00	1300	990CTLNH4	990000	TKThe :01266027001 tại Tienphongbank. D0607 thanh toán phi dv va phi xe may tháng 1.2025 -CTLNHID000010901997649-1/1-CRE-002	01266027001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
26	07/01/2025 22:44:44	07/01/2025	DD	0.00	725,400.00	443,308,460.00	1301	9900MNI5MB	432153	1260000151 s3 3711 thanh toán tiền dịch vụ tháng 01.2025	4321080508	NGUYEN THI DIEU LINH	BIDV
27	07/01/2025 22:46:31	07/01/2025	DD	0.00	861,000.00	444,169,460.00	1302	9900MNI5MB	217000	1260000151 PHAM THI THANH Chuyen tien DV T1 2025 CH 3315 S4 Nguyen Thi Ngoc Thuy	2170003655	PHAM THI THANH	BIDV
28	07/01/2025 22:50:21	07/01/2025	DD	0.00	893,925.00	445,063,385.00	1303	990CTLNH4	990000	TKThe :1617091985 tại Techcombank. S3.0510 thanh toán phi dich vu tháng 01.2025 FT25008500709947 -CTLNHID000010902407972-1/1-CRE-002	1617091985	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
29	07/01/2025 23:15:52	07/01/2025	DD	0.00	1,080,825.00	446,144,210.00	1304	990CTLNH4	990000	TKThe :19032575865666 tại Techcombank. s3 1002 tt tien dv va tien gui xe t1.2025 FT25008020244890 -CTLNHID000010902482640-1/1-CRE-002	19032575865666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
30	08/01/2025 08:40:06	08/01/2025	DD	0.00	1,363,715.00	447,507,925.00	1305	990B2BIN	990000	TKThe :0942578827 tại MSCBVNVX. DANG THI KIM NHUNG D3404 - B2B0200970422010808400520 251298716198	0942578827	DANG THI KIM NHUNG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
31	08/01/2025 08:43:33	08/01/2025	DD	0.00	763,200.00	448,271,125.00	1306	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0491000046933 tại BFTVVNVX. MBVCB.8156542337.151615.To a S3 Can Ho 3712 Thanh toan phi dich vu thang 1/2025.CT tu 0491000046933 VU NGOC BAO toi 1260000151 BAN QUAN T-B2B0200970436010808433220 25DBsm151615	04910000 46933	VU NGOC BAO	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
32	08/01/2025 09:30:31	08/01/2025	DD	0.00	1,146,750.00	449,417,875.00	1307	990B2 BIN	99000 0	TKThe :3969698888 tại MSCBVNVX. D1801 ck phi quan ly T1 - B2B0200970422010809303020 252U8G502639	39696988 88	NGUYEN THI DAI	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
33	08/01/2025 09:46:40	08/01/2025	DD	0.00	697,575.00	450,115,450.00	1308	9900 MNISM B	42500 0	1260000151 S3.2912A thanh toan phi dich vu va phi gui xe may thang 01.2025	42514585 65	NGUYEN DUC HUNG	BIDV
34	08/01/2025 10:24:02	08/01/2025	DD	0.00	857,475.00	450,972,925.00	1309	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19025109568019 tại Techcombank. Toa S4 can 0716 thanh toan phi dich vu thang 01.25 FT25008942171043 -CTLNHID000010904102059-1/1-CRE-002	19025109 568019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
35	08/01/2025 10:29:54	08/01/2025	DD	0.00	884,475.00	451,857,400.00	1310	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1507205265619 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151;CH2416 toa S3 tt tien dich vu thang 1 nam 2025 - B2B0200970405010810295420 2587MW011073	15072052 65619	NGUYEN VAN NGOC	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank
36	08/01/2025 10:47:22	08/01/2025	DD	0.00	1,601,775.00	453,459,175.00	1311	990CT LNH4	99000 0	TKThe :01102354001 tại Tienphongbank. d2303 tt phi dv thang 1-2025 -CTLNHID000010904267530-1/1-CRE-002	01102354 001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
37	08/01/2025 10:58:47	08/01/2025	DD	0.00	1,238,550.00	454,697,725.00	1312	9900 MNISM B	11600 0	1260000151 D3301 nop phi dv	11601275 40	NGUYEN THI NGAN	BIDV
38	08/01/2025 11:51:21	08/01/2025	DD	0.00	688,950.00	455,386,675.00	1313	990B2 BIN	99000 0	TKThe :6823061997 tại MSCBVNVX. Toa S4 can ho 1201 Thanh toan phi dich vu thang 1 2024 - B2B0200970422010811511920 252R8I536582	68230619 97	PHAN MINH TU AN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
39	08/01/2025 12:41:57	08/01/2025	DD	0.00	632,775.00	456,019,450.00	1314	9900 MNISM B	21100 0	1260000151 S3-3412A thanh toan phi dich vu thang 01 2025	21107137 85	NGUYEN NGOC TUNG	BIDV
40	08/01/2025 12:42:42	08/01/2025	DD	0.00	64,800.00	456,084,250.00	1315	9900 MNISM B	21100 0	1260000151 S3-3412A thanh toan tien gui xe may thang 01-2025	21107137 85	NGUYEN NGOC TUNG	BIDV
41	08/01/2025 12:49:05	08/01/2025	DD	0.00	833,775.00	456,918,025.00	1316	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19031952114666 tại Techcombank. S4 4009 thanh toan phi dich vu va xe may thang 1 nam 2025 FT2500814859101 -CTLNHID000010905152292-1/1-CRE-002	19031952 114666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
42	08/01/2025 13:00:57	08/01/2025	DD	0.00	1,117,200.00	458,035,225.00	1317	9900 MNISM B	12615 1	1260000151 Can ho D.0602 nop phi dv va xe may T.1 2025	12608946 52	TAO NGOC ANH	BIDV
43	08/01/2025 13:14:26	08/01/2025	DD	0.00	987,600.00	459,022,825.00	1318	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0451000322916 tại BFTVVNVX. MBVCB.8159380727.946127.D3 402. Thanh Toan dich vu xe T1/2025.CT tu 0451000322916 NGUYEN VAN NGHI toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG - B2B0200970436010813142620 25DBxm946127	04510003 22916	NGUYEN VAN NGHI	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
44	08/01/2025 13:18:01	08/01/2025	DD	0.00	1,159,350.00	460,182,175.00	1319	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19022818423025 tại Techcombank. S1 0810 thanh toan tien DV xe may xe dap thang 1 FT25008642095752 -CTLNHID000010905315363-1/1-CRE-002	19022818 423025	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
45	08/01/2025 13:35:22	08/01/2025	DD	0.00	639,375.00	460,821,550.00	1320	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0963271976 tại MSCBVNVX. TRAN THI TAM S3.2017 nop tien phi quan ly thang 1 nam 2025 - B2B0200970422010813352020 25MTOE666475	09632719 76	TRAN THI TAM	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
46	08/01/2025 13:36:24	08/01/2025	DD	0.00	1,028,925.00	461,850,475.00	1321	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19033337381010 tại Techcombank. S3.2414 tt phi dich vu va gui xe t01.2025 FT25008581097805 -CTLNHID000010905417829-1/1-CRE-002	19033337 381010	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
47	08/01/2025 14:11:09	08/01/2025	DD	0.00	1,014,600.00	462,865,075.00	1322	990B2 BIN	99000 0	TKThe :108872418782 tại ICBVVNVX. D12B02 thanh toan tien dich vu thang 1-2025 - B2B0200970415010814110920 25UtNo149073	10887241 8782	HOANG THI THU HA	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
48	08/01/2025 15:14:14	08/01/2025	DD	0.00	1,201,425.00	464,066,500.00	1323	990CT LNH4	99000 0	TKThe :069704060001810 tại VIB. D1804 thanh toan phi dich vu 1.2015 -CTLNHID000010906059101-1/1-CRE-002	06970406 0001810	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
49	08/01/2025 17:34:27	08/01/2025	DD	0.00	701.700.000	464,768,200.00	1324	990B2 BIN	99000 0	TKThe :106878257746 tại ICBVVNVX. s3.1017 thanh toán tiền dịch vụ và tiền xe t1.2025 - B2B0200970415010817342620 25NmmQ761045	10687825 7746	NGUYEN THI MINH HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
50	08/01/2025 17:43:07	08/01/2025	DD	0.00	770.550.000	465,538,750.00	1325	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0611001957870 tại BFTVVNVX. MBVCB.8162292423.812407.S3. 1115 TT TIEN PHI QUAN LY THANG 1/2025. CT tu 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 126000151 BAN QUAN TRI NHA CH- B2B0200970436010817430620 25DBH812407	06110019 57870	HOANG VAN VUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
51	08/01/2025 17:44:40	08/01/2025	DD	0.00	118.800.000	465,657,550.00	1326	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0611001957870 tại BFTVVNVX. MBVCB.8162315037.826399.S3. 1115 TT TIEN PHI GUI XE MAY+ XE DAP THANG 1/2025. CT tu 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 126000151 BAN QUAN- B2B0200970436010817444020 25DBda826399	06110019 57870	HOANG VAN VUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
52	08/01/2025 17:58:56	08/01/2025	DD	0.00	762.375.000	466,419,925.00	1327	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19034397806017 tại Techcombank. S32912 - TT TIEN PHI DỊCH VỤ VA XE MAY T012025 FT25008057352125 -CTLNHIDI000010907406575-1/1-CRE-002	19034397 806017	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
53	08/01/2025 18:16:52	08/01/2025	DD	0.00	1,175.000.000	467,594,925.00	1328	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19030712141686 tại Techcombank. D2904 thanh toán phi dịch vụ và xe may thang 12025 FT25008952863519 -CTLNHIDI000010907550315-1/1-CRE-002	19030712 141686	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
54	08/01/2025 18:32:16	08/01/2025	DD	0.00	1,427.550.000	469,022,475.00	1329	9900 MNISMB	21500 0	1260000151 D0801 tien dich vu va xe may thang 1 2025	21529062 97	NGO THI THU HUYEN	BIDV
55	08/01/2025 19:20:54	08/01/2025	DD	0.00	645.850.000	469,668,325.00	1330	990B2 BIN	99000 0	TKThe :108867412632 tại ICBVVNVX. can ho S4 2604 dong phi dv thang 1 - B2B0200970415010819205420 25WYG3210888	10886741 2632	DANG THI THUY	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
56	08/01/2025 20:07:04	08/01/2025	DD	0.00	765.675.000	470,434,000.00	1331	990CT LNH4	99000 0	TKThe :002704060254590 tại VIB. S3.2216 thanh toán phi quan ly phi gui xe T01.2025 -CTLNHIDI000010908359252-1/1-CRE-002	00270406 0254590	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
57	08/01/2025 21:07:44	08/01/2025	DD	0.00	1,023.225.000	471,457,225.00	1332	990CT LNH4	99000 0	TKThe :0989336322 tại SHB. S22008 TĐOV T12025 -CTLNHIDI000010908759179-1/1-CRE-002	09893363 22	SHBMB 77THD	NH TMCP Sai Gon Ha Noi
58	08/01/2025 21:22:04	08/01/2025	DD	0.00	1,052.400.000	472,509,625.00	1333	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0590119251003 tại MSCBVNVX. D2302Thanh toán tien dich vu thang 120245 - B2B0200970422010821220320 25Z98D410321	05901192 51003	NGUYEN PHUONG MAI	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
59	08/01/2025 21:32:24	08/01/2025	DD	0.00	767.325.000	473,276,950.00	1334	990B2 BIN	99000 0	TKThe :107871277941 tại ICBVVNVX. QR - S3.4009 Thanh toán phi dich vu; xe may thang 1-2025 - B2B0200970415010821322320 25Dwmf570885	10787127 7941	DINH QUANG TRUONG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
60	08/01/2025 21:33:02	08/01/2025	DD	0.00	1,350.000.000	474,626,950.00	1335	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19032004756029 tại Techcombank. s4 2413 phi o thang 01 2025 FT25009450520405 -CTLNHIDI000010908905966-1/1-CRE-002	19032004 756029	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
61	08/01/2025 21:34:23	08/01/2025	DD	0.00	1,011.000.000	475,637,950.00	1336	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19032004756029 tại Techcombank. s4 2413 thanh toán phi dich vu thang 01 2025 FT25009057456082 -CTLNHIDI000010908913001-1/1-CRE-002	19032004 756029	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
62	08/01/2025 21:49:14	08/01/2025	DD	0.00	1,052.400.000	476,690,350.00	1337	990B2 BIN	99000 0	TKThe :8330111146003 tại MSCBVNVX. Toa D Can ho 1406 thanh toán phi quan ly phi gui xe may thang 012025 - B2B0200970422010821491320 25VW0A198331	83301111 46003	PHAM VAN THANH	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
63	08/01/2025 21:59:05	08/01/2025	DD	0.00	731.700.000	477,422,050.00	1338	990CT LNH4	99000 0	TKThe :45399998 tại VPBank. LE SY TRUNG 532309 phi dich vu t1 2025 -CTLNHIDI000010909040146-1/1-CRE-002	45399998	LE SY TRUNG	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
64	08/01/2025 22:04:50	08/01/2025	DD	0.00	1,174.425.000	478,596,475.00	1339	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0915095713 tại MSCBVNVX. D.12A04 Thanh toán tien dich vu va tien xe may Thang 012025 - B2B0200970422010822044920 2532A4235474	09150957 13	NGUYEN VAN HOANG	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
65	08/01/2025 22:10:08	08/01/2025	DD	0.00	1,266,225.00	479,862,700.00	1340	990B2 BIN	990000	TKThe :0860100040009] tại MSCBVNVX. Toa nhà D can ho 3604 thanh toán tiền phí dịch vụ tháng 012025 - B2B0200970422010822100620 25KAGJ303678	0860100040009	NGUYEN QUANG HUNG	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
66	08/01/2025 22:33:47	08/01/2025	DD	0.00	782,850.00	480,645,550.00	1341	990CT LNH4	990000	TKThe :19035067268015] tại Techcombank. S3 1801 Thanh toán tiền phí dịch vụ và phí xe máy xe dien T1 2025 FT25009827844144 -CTLNHIDI000010909185813-1/1-CRE-002	19035067268015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
67	09/01/2025 01:08:24	09/01/2025	DD	0.00	1,023,225.00	481,668,775.00	1342	990CT LNH4	990000	TKThe :19028649563015] tại Techcombank. Toa S2 can ho 3308 thanh toán phí dịch vụ tháng012025 FT25009829078670 -CTLNHIDI000010909423641-1/1-CRE-002; thời gian GD:09/01/2025 00:14:07	19028649563015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
68	09/01/2025 07:15:07	09/01/2025	DD	0.00	770,550.00	482,439,325.00	1343	990B2 BIN	990000	TKThe :1506979768612] tại VBAAVNVX. BIDV;1260000151;CH0406 S4 phi dich vu t1 nam 2025 B2B0200970405010907150620 258T15095021	1506979768612	TRAN CAM VAN	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Viet Nam Agribank
69	09/01/2025 07:16:19	09/01/2025	DD	0.00	634,425.00	483,073,750.00	1344	990B2 BIN	990000	TKThe :1506979768612] tại VBAAVNVX. BIDV;1260000151;CH 1112 S4 nop phi dich vu t1 nam 2025 B2B0200970405010907161920 25OHIC098231	1506979768612	TRAN CAM VAN	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Viet Nam Agribank
70	09/01/2025 08:11:27	09/01/2025	DD	0.00	1,238,550.00	484,312,300.00	1345	9900 MNISM B	452150	1260000151 D.1508 chuyen tien phi DV] phi gui xe may] phi gui xe dap T1.2025	4521266067	DAO NGOC TOAN	BIDV
71	09/01/2025 09:12:38	09/01/2025	DD	0.00	1,211,550.00	485,523,850.00	1346	990CT LNH4	990000	TKThe :7286666] tại Techcombank. D.3608 Thanh toán tien dich vu Tháng 01.2025 FT25009785313993 -CTLNHIDI000010910465547-1/1-CRE-002	72866666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
72	09/01/2025 09:42:35	09/01/2025	DD	0.00	622,500.00	486,146,350.00	1347	990B2 BIN	990000	TKThe :1012934559] tại BFTVVNVX. MBVCB.8167639753.266747.To a S3 can ho 4001 Thanh toán phi dich vu thang 1/2025.CT tu 1012934559 NGUYEN THI THANH VAN toi 1260000151 BAN QUA- B2B0200970436010909423520 25DBmd266747	1012934559	NGUYEN THI THANH VAN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
73	09/01/2025 09:43:06	09/01/2025	DD	0.00	1,395,150.00	487,541,500.00	1348	990B2 BIN	990000	TKThe :8310106986008] tại MSCBVNVX. Toa Diamond can 2001 Thanh toán phi DV tháng 012025 - B2B0200970422010909430420 25Y1U6596877	8310106986008	CHU THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
74	09/01/2025 10:23:15	09/01/2025	DD	0.00	1,103,000.00	488,644,500.00	1349	990CT LNH4	990000	TKThe :19022040318016] tại Techcombank. CH0403s3 goldmark ck phi dichvu vu FT25009812697741 -CTLNHIDI000010910978029-1/1-CRE-002	19022040318016	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
75	09/01/2025 11:25:41	09/01/2025	DD	0.00	1,239,225.00	489,883,725.00	1350	990B2 BIN	990000	TKThe :106003689997] tại ICBVVNVX. QR - D.2105 thanh toán phi dich vu thang 1-2025 - B2B0200970415010911254120 25Avv6596958	106003689997	DINH MAI HIEN	Ngân hàng TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
76	09/01/2025 12:59:03	09/01/2025	DD	0.00	1,193,850.00	491,077,575.00	1351	9900 MNISM B	268150	1260000151 S2.0609 tt tien dv và gui xe may 01.2025	2680306453	HA VAN THO	BIDV
77	09/01/2025 13:08:53	09/01/2025	DD	0.00	933,075.00	492,010,650.00	1352	990B2 BIN	990000	TKThe :0393884398] tại MSCBVNVX. s20711 tt dich vu tháng 1.2025 - B2B0200970422010913085220 25T4Lj189176	0393884398	LUONG NGUYET MINH	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
78	09/01/2025 13:19:28	09/01/2025	DD	0.00	1,146,750.00	493,157,400.00	1353	990B2 BIN	990000	TKThe :0570109603008] tại MSCBVNVX. can ho D1808 thanh toán phi dich vu tháng 0125 - B2B0200970422010913192720 25EDPB556379	0570109603008	PHAM DINH HOAN	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
79	09/01/2025 13:35:41	09/01/2025	DD	0.00	766,500.00	493,923,900.00	1354	990CT LNH4	990000	TKThe :0972964826] tại VPBank. NGUYEN VAN LINH S3-0509 Thanh toán tien dich vu tháng 01-2025 -CTLNHIDI000010912295136-1/1-CRE-002	0972964826	NGUYEN VAN LINH	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
80	09/01/2025 14:27:54	09/01/2025	DD	0.00	899,325.00	494,823,225.00	1355	990B2 BIN	990000	TKThe :0700100396666] tại MSCBVNVX. S3.1114 thanh toán phi dich vu và phi gui xe may t1.2025 B2B0200970422010914275220 25UJEN483698	0700100396666	TRAN THI THUY	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
81	09/01/2025 16:08:57	09/01/2025	DD	0.00	1,312,575.00	496,135,800.00	1356	990B2 BIN	990000	TKThe :0510101710007 tại MSCBVNVX. TANG BA TUYEN Chuyen tien DICH VU THANG 01.2025 - B2B0200970422010916085620 25YVVK842287	05101017 10007	TGTT TANG BA TUYEN VND	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
82	09/01/2025 16:16:20	09/01/2025	DD	0.00	833,815.00	496,969,615.00	1357	9900 MNISM B	471000	1260000151 S3.1105 TT phi dich vu 01.2025	47106944 51	TRAN TRUNG KIEN	BIDV
83	09/01/2025 17:19:22	09/01/2025	DD	0.00	987,600.00	497,957,215.00	1358	9900 CT LNH4	990000	TKThe :0962834265 tại VPBank. D3502 thanh toan tien dich vu 2 xe may thang 1 2025 -CTLNHID000010913927998-1/1-CRE-002	09628342 65	LUONG THI HOAI	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
84	09/01/2025 17:24:07	09/01/2025	DD	0.00	829,650.00	498,786,865.00	1359	990B2 BIN	990000	TKThe :1012825692 tại BFTVVNVX. MBVCB.8172526265.380011.S4. 1616 phi dich vu va phi gui xe T01/2025.CT tu 1012825692 NGUYEN THI OANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG C- B2B0200970436010917240720 25DBhj380011	10128256 92	NGUYEN THI OANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
85	09/01/2025 18:41:35	09/01/2025	DD	0.00	763,200.00	499,550,065.00	1360	990B2 BIN	990000	TKThe :1021001251 tại BFTVVNVX. MBVCB.8173528695.045059.To a S4.1811 thanh toan phi dich vu T1/2025.CT tu 1021001251 DO QUANG MINH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU- B2B0200970436010918413520 25DBqe045059	10210012 51	DO QUANG MINH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
86	09/01/2025 19:09:58	09/01/2025	DD	0.00	701,700.00	500,251,765.00	1361	9900 CT LNH4	990000	TKThe :8610102019 tại VPBank. s3 3704 thanh toan dich vu thang 01 2025 -CTLNHID000010914965776-1/1-CRE-002	86101020 19	NGUYEN KIEU TRANG	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
87	09/01/2025 19:31:35	09/01/2025	DD	0.00	964,950.00	501,216,715.00	1362	9900 MNISM B	452151	1260000151 NGUYEN VIET HUNG Chuyen tien	45201734 65	NGUYEN VIET HUNG	BIDV
88	09/01/2025 19:36:19	09/01/2025	DD	0.00	1,017,675.00	502,234,390.00	1363	990B2 BIN	990000	TKThe :0451001284161 tại BFTVVNVX. MBVCB.8174199486.479818.s4. 0402 thanh toan phi dich vu t1/2025.CT tu 0451001284161 BUI MANH HUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG C- B2B0200970436010919362320 25DBms479818	04510012 84161	BUI MANH HUNG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
89	09/01/2025 19:44:19	09/01/2025	DD	0.00	834,525.00	503,068,915.00	1364	9900 CT LNH4	990000	TKThe :19029970163017 tại Techcombank. ch 2506 s3 ck phi dich vu th1 FT25009806185930 -CTLNHID000010915368012-1/1-CRE-002	19029970 163017	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
90	09/01/2025 20:14:47	09/01/2025	DD	0.00	1,146,750.00	504,215,665.00	1365	9900 CT LNH4	990000	TKThe :216320417 tại VPBank. D0501 thanh toan phi dich vu T1 2025 -CTLNHID000010915591786-1/1-CRE-002	21632041 7	LO LE NA	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
91	09/01/2025 20:39:26	09/01/2025	DD	0.00	156,600.00	504,372,265.00	1366	9900 MNISM B	375154	1260000151 S2 2103 nop phi 2 xe may 01 xe dap	37500089 63	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
92	09/01/2025 20:47:59	09/01/2025	DD	0.00	1,117,875.00	505,490,140.00	1367	9900 MNISM B	375154	1260000151 S2 2103 nop phi dv T1 nam 2025	37500089 63	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
93	09/01/2025 21:43:37	09/01/2025	DD	0.00	1,277,000.00	506,767,140.00	1368	990B2 BIN	990000	TKThe :1507205859989 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151:D 3201 thanh toan tien phi dich vu thang 1 - B2B0200970405010921433720 25C5PQ054629	15072058 59989	LE THI HONG PHUONG	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Agribank
94	09/01/2025 22:13:46	09/01/2025	DD	0.00	861,525.00	507,628,665.00	1369	990B2 BIN	990000	TKThe :19876696666 tại MSCBVNVX. S32614 thanh toan phi dich vu thang 12025 - B2B0200970422010922134420 25BAJO401103	19876696 6666	NGUYEN THI HUYEN TRANG	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
95	10/01/2025 08:18:17	10/01/2025	DD	0.00	763,000.00	508,391,665.00	1370	9900 CT LNH4	990000	TKThe :19032445559555 tại Techcombank. s3 0501 thanh toan tien dich vu thang 1 nam 2025 FT25010437070635 -CTLNHID000010917338097-1/1-CRE-002	19032445 559555	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
96	10/01/2025 10:00:09	10/01/2025	DDM	110,000.00	0.00	508,281,665.00	1371	9900 QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T01 2025			
97	10/01/2025 10:12:11	10/01/2025	DD	0.00	1,303,200.00	509,584,865.00	1372	9900 CT LNH4	990000	TKThe :0945208155 tại VPBank. s2-0503 thanh toan tien dich vu thang 01-2025 -CTLNHID000010918134056-1/1-CRE-002	09452081 55	DO THI LOAN	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
98	10/01/2025 16:22:25	10/01/2025	DD	0.00	1,052,400.00	510,637,265.00	1373	990B2 BIN	990000	TKThe :0451001323492 tại BFTVVNVX. MBVCB.8183269726.140545.D2 806 thanh toan phi dich vu thang 1/2025.CT tu 0451001323492 PHAM THI HONG NHUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NH- B2B0200970436011016222920 25DBsy140545	04510013 23492	PHAM THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
99	10/01/2025 17:05:40	10/01/2025	DD	0.00	700,875.00	511,338,140.00	1374	9900 MNISM B	21515 2	1260000151 s4.3216 thanh toán phi dịch vụ tháng 1.2025	21529074 58	PHAM THAI SON	BIDV
100	10/01/2025 18:21:57	10/01/2025	DD	0.00	892,800.00	512,230,940.00	1375	9900 CT LNHA	99000 0	TKThe :19032628325014] tại Techcombank. S3-2005-ttdv t1-2025 FT25010829469406 -CTLNHDI000010922331442-1/1-CRE-002	19032628 325014	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
101	10/01/2025 18:53:24	10/01/2025	DD	0.00	932,700.00	513,163,640.00	1376	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :107868846918] tại ICBVVNVX. QR - S2 1001 thanh toán dịch vụ tháng 01-2025 - B2B0200970415011018532420 25c3dP138447	10786884 6918	CAO BINH PHUONG	Ngân hàng TMCP Công Thương Viet Nam VietinBank
102	10/01/2025 19:01:15	10/01/2025	DD	0.00	789,375.00	513,953,015.00	1377	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :1033723631] tại BFTVVNVX. MBVCB.8186021506.884546.S3. 0405 Thanh toán dịch vụ tháng 01/2025. CT tu 1033723631 BUI MINH CHIEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG- B2B0200970436011019011520 25DBen884546	10337236 31	BUI MINH CHIEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
103	10/01/2025 19:30:08	10/01/2025	DD	0.00	987,600.00	514,940,615.00	1378	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :103885796868] tại ICBVVNVX. NGUYEN BA HOANG chuyen tien - B2B0200970415011019300720 25rNQP321541	10388579 6868	NGUYEN BA HOANG	Ngân hàng TMCP Công Thương Viet Nam VietinBank
104	10/01/2025 19:33:03	10/01/2025	DD	0.00	1,210,425.00	516,151,040.00	1379	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :9815658899] tại BFTVVNVX. MBVCB.8186538147.212107.S3. 2002] thanh toán tien DV Tháng 1-2025. CT tu 9815658899 HOANG TRUNG KIEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU- B2B0200970436011019330320 25DBem212107	98156588 99	HOANG TRUNG KIEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
105	10/01/2025 20:52:59	10/01/2025	DD	0.00	862,350.00	517,013,390.00	1380	9900 MNISM B	16900 0	1260000151 S3 3814 TTDV T1 2025	16968639 79	TRAN VIET ANH	BIDV
106	10/01/2025 22:16:36	10/01/2025	DD	0.00	987,600.00	518,000,990.00	1381	9900 CT LNHA	99000 0	TKThe :19030707485016] tại Techcombank. toa diamond can ho d2602 thanh toán phi dịch vụ tháng 1.2025. FT25011110120072 -CTLNHDI000010924191144-1/1-CRE-002	19030707 485016	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
107	10/01/2025 22:29:55	10/01/2025	DD	0.00	927,125.00	518,928,115.00	1382	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :109004517037] tại ICBVVNVX. DANG THI THU HUYEN chuyen tien 0311 S2 dich vụ tháng 1 tru tien nuoc tháng 12 nop du - B2B0200970415011022295520 25s5zh901021	10900451 7037	DANG THI THU HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Viet Nam VietinBank
108	10/01/2025 22:51:21	10/01/2025	DD	0.00	775,125.00	519,703,240.00	1383	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :103003385163] tại ICBVVNVX. toa s3 can 1610 thanh toán tien phi dịch vụ tháng 1 nam 2025 - B2B0200970415011022512120 2556dx933411	10300338 5163	LE THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Công Thương Viet Nam VietinBank
109	10/01/2025 23:10:18	10/01/2025	DD	0.00	1,042,000.00	520,745,240.00	1384	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :1506205459470] tại VBAAVNXX. BIDV:1260000151:D1002 Thanh toán phi dịch vụ xe đạp xe máy Tháng 1 2025 - B2B0200970405011023101820 25DOK7012227	15062054 59470	NGUYEN THI TUYET HUONG	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Viet Nam Agribank
110	11/01/2025 08:17:33	11/01/2025	DD	0.00	1,270,950.00	522,016,190.00	1385	9900 MNISM B	42700 0	1260000151 d2101 t1.2025	42704062 82	DOAN SON LAM	BIDV
111	11/01/2025 09:28:59	11/01/2025	DD	0.00	832,950.00	522,849,140.00	1386	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :8888351888888] tại MSCBVNVX. s4 3109 chuyen phi dịch vụ tháng 1 2025 - B2B0200970422011109285820 254QS2479656	88883518 88888	DINH HUNG MANH	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
112	11/01/2025 10:35:00	11/01/2025	DD	0.00	790,200.00	523,639,340.00	1387	9900 CT LNHA	99000 0	TKThe :19032624280016] tại Techcombank. S3.1205 nop phi quan ly va phi gui xe tháng 1.2025 FT25011034445051 -CTLNHDI000010926330832-1/1-CRE-002	19032624 280016	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
113	11/01/2025 10:38:17	11/01/2025	DD	0.00	923,600.00	524,562,940.00	1388	9900 CT LNHA	99000 0	TKThe :1783897] tại ACB. D2002 THANH TOAN PHI QUAN LI PHI XE MAY THANG 1 2025- 110125-10-38-16 035036 -CTLNHDI000010926355361-1/1-CRE-002	1783897	PERS57708 696	NH TMCP A Chau
114	11/01/2025 10:40:57	11/01/2025	DD	0.00	1,014,600.00	525,577,540.00	1389	9900 MNISM B	26015 4	1260000151 d2306 ct phi dịch vụ t1 2025	26012779 54	PHAM THI BICH	BIDV

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
115	11/01/2025 12:33:38	11/01/2025	DD	0.00	921.150.00	526,498,690.00	1390	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000258271 tại BFTVVNVX. MBVCB.8193603973.695089.S3. 12A03 tt dịch vụ tháng 1/2025. CT từ 0451000258271 NGUYEN THI MAI HANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CH- B2B0200970436011112333720 25DBmv695089	0451000258271	NGUYEN THI MAI HANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
116	11/01/2025 12:55:49	11/01/2025	DD	0.00	1,395,150.00	527,893,840.00	1391	9900 MNISM B	215157	1260000151 D1101 nop tien quan ly phi gui xe dap xe may thang12025	2150013818	NGUYEN THI THU HA	BIDV
117	11/01/2025 13:04:07	11/01/2025	DD	0.00	993.600.00	528,887,440.00	1392	990B2 BIN	990000	TKThe :1462207014796 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151:1407 54 chuyen tien phi dich vu va gui xe T1 2025 - B2B0200970405011113040620 256W6W047487	1462207014796	BUI THI HUONG LAN	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Viet Nam Agribank
118	11/01/2025 13:19:03	11/01/2025	DD	0.00	1,211,550.00	530,098,990.00	1393	990CT LNH4	990000	TKThe :878666 tại Techcombank. D2801 thanh toan phi dv va xe may thang 1 FT25011770871961 -CTLNHID000010927530091-1/1-CRE-002	878666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
119	11/01/2025 13:31:49	11/01/2025	DD	0.00	711,975.00	530,810,965.00	1394	990CT LNH4	990000	TKThe :19031773461019 tại Techcombank. 231054 ck phi dich vu T1 2025 FT25011205849100 -CTLNHID000010927605080-1/1-CRE-002	19031773461019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
120	11/01/2025 13:38:32	11/01/2025	DD	0.00	646,223.00	531,457,188.00	1395	990B2 BIN	990000	TKThe :0491001936605 tại BFTVVNVX. MBVCB.8194229955.090756.s3. 1514 thanh toan tien phi ql dich vu thang 1/2025. CT từ 0491001936605 HOANG HUU THANH toi 1260000151 BAN QUAN - B2B0200970436011113383520 25DBmd090756	0491001936605	HOANG HUU THANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
121	11/01/2025 15:35:11	11/01/2025	DD	0.00	764,850.00	532,222,038.00	1396	9900 MNISM B	450159	1260000151 54 0808 thanh toan tien dich vu phi gui xe thang 1 2025	4505336092	DANG DINH TAN	BIDV
122	11/01/2025 17:04:04	11/01/2025	DD	0.00	987,600.00	533,209,638.00	1397	990CT LNH4	990000	TKThe :19035300795012 tại Techcombank. D2906 thanh toan tien phi dich vu va xe may thang 1 tam 2025 FT25011342018193 -CTLNHID000010929064270-1/1-CRE-002	19035300795012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
123	11/01/2025 18:46:14	11/01/2025	DD	0.00	949,800.00	534,159,438.00	1398	990CT LNH4	990000	TKThe :88648866886 tại Tienphongbank. D.3002 TTDV 1.2025 -CTLNHID000010929914879-1/1-CRE-002	88648866886	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
124	11/01/2025 19:17:44	11/01/2025	DD	0.00	920,325.00	535,079,763.00	1399	990CT LNH4	990000	TKThe :19121300649990 tại Techcombank. 53 0703 tt phi dich vu va giu xe may thang 1 2025 FT25011865838227 -CTLNHID000010930148672-1/1-CRE-002	19121300649990	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
125	11/01/2025 19:19:00	11/01/2025	DD	0.00	900.150.00	535,979,913.00	1400	990B2 BIN	990000	TKThe :0211000014081 tại BFTVVNVX. MBVCB.8198285013.739685.S3-3114 ck Phi Dich vu + xe may. CT từ 0211000014081 NGUYEN THI MAI HUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG C- B2B0200970436011119190020 25DBtc739685	0211000014081	NGUYEN THI MAI HUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
126	11/01/2025 19:45:43	11/01/2025	DD	0.00	756,138.00	536,736,051.00	1401	990B2 BIN	990000	TKThe :1017223896 tại BFTVVNVX. MBVCB.8198617249.951605.S3. 0508 thanh toan tien dich vu thang 01/2025. CT từ 1017223896 DOAN BA HIEU toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG C- B2B0200970436011119454320 25DBpc951605	1017223896	DOAN BA HIEU	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
127	11/01/2025 20:14:12	11/01/2025	DD	0.00	701,700.00	537,437,751.00	1402	990B2 BIN	990000	TKThe :0971802318 tại MSCBVNVX. 54 604 tt phi dv va xa may t1 2025 - B2B0200970422011120141120 25HBPX419158	0971802318	PHUNG THI THUY DUONG	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
128	11/01/2025 20:36:12	11/01/2025	DD	0.00	922,800.00	538,360,551.00	1403	990B2 BIN	990000	TKThe :103871741322 tại ICBVVNVX. D.1207 tt phi dvu t1-2025 - B2B0200970415011120361220 255q7D/58173	103871741322	TRAN THI HANG NGA	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
129	11/01/2025 21:43:41	11/01/2025	DD	0.00	796,425.00	539,156,976.00	1404	990B2 BIN	990000	TKThe :0000107278363 tại MSCBVNVX. toa s34008 thanh toan phi dich vu thang 12025 - B2B0200970422011121434020 25IF2H255332	0000107278363	DAO THI TRANG	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
130	11/01/2025 22:06:43	11/01/2025	DD	0.00	1,111,275.00	540,268,251.00	1405	990CT LNH4	990000	TKThe :990888999 tại VIB. S2.3203 tt phi dv t1.2025 -CTLNHID000010931214341-1/1-CRE-002	990888999	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (Seq No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
131	11/01/2025 22:32:36	11/01/2025	DD	0.00	697,575.00	540,965,826.00	1406	9900 MNISM B	486000	1260000151 s4.2513 thanh toán tiền dịch vụ T1.2025	4860090668	NGUYEN DANG KHUE	BIDV
132	11/01/2025 23:21:11	11/01/2025	DD	0.00	1,464,450.00	542,430,276.00	1407	9900CT LN4	990000	TKThe :0974025105 tại VPBank. S2-12A07 - Thanh toán tiền dịch vụ Tháng 01-2025 -CTLNHHID000010931498076-1/1-CRE-002	0974025105	BUI THI VAN	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
133	12/01/2025 08:14:58	12/01/2025	DD	0.00	1,308,750.00	543,739,026.00	1408	9900B2 BIN	990000	TKThe :8868983146115 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151:D3208 ttdv t1.2025 B2B0200970405011208145720 25RE74066490	8888983146115	NGO DIEU HUONG LY	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Agribank
134	12/01/2025 08:23:44	12/01/2025	DD	0.00	800,000.00	544,539,026.00	1409	9900CT LN4	990000	TKThe :19031680527011 tại Techcombank. S3.1204 thanh toán tiền dịch vụ tháng 01.2025 FT25013411770268 -CTLNHHID000010932274749-1/1-CRE-002	19031680527011	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
135	12/01/2025 09:04:56	12/01/2025	DD	0.00	1,079,400.00	545,618,426.00	1410	9900B2 BIN	990000	TKThe :1200209334323 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151:D3206 thanh toán phí dịch vụ tháng 01 2025 - B2B0200970405011209045520 25SDJW050504	120020934323	LUU NGOC TUAN	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Agribank
136	12/01/2025 10:28:20	12/01/2025	DD	0.00	1,211,550.00	546,829,976.00	1411	9900CT LN4	990000	TKThe :3679666688 tại Techcombank. Phạm Đình Thái D.2908 thanh toán phí DV xe máy T1-2025 FT25013887652617 -CTLNHHID000010933082047-1/1-CRE-002	3679666688	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
137	12/01/2025 10:53:25	12/01/2025	DD	0.00	636,075.00	547,466,051.00	1412	9900CT LN4	990000	TKThe :1190936403268 tại Prosperity and. TRAN MANH HUNG Toa S3 Can ho 1104 TT phí dịch vụ quản lý tháng 01.2025 -CTLNHHID000010933264368-1/1-CRE-002	1190936403268	TRAN MANH HUNG	NH TMCP Thịnh vương và phát triển
138	12/01/2025 10:57:18	12/01/2025	DD	0.00	194,400.00	547,660,451.00	1413	9900CT LN4	990000	TKThe :1190936403268 tại Prosperity and. TRAN MANH HUNG Toa S3 Can ho 1104 TT tiền phí dịch vụ gửi xe máy T1 2025 -CTLNHHID000010933292238-1/1-CRE-002	1190936403268	TRAN MANH HUNG	NH TMCP Thịnh vương và phát triển
139	12/01/2025 14:42:57	12/01/2025	DD	0.00	1,277,000.00	548,937,451.00	1414	9900B2 BIN	990000	TKThe :0021001896788 tại BFTVVNVX. MBVCB.8205748891.642158.d0 808 tt tiền xe máy và phí dịch vụ tháng 1/2025. CT tu 0021001896788 NGUYEN THI TRANG toi 1260000151 BAN QUAN TR. B2B0200970436011214430120 25DBw2642158	0021001896788	NGUYEN THI TRANG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
140	12/01/2025 15:15:14	12/01/2025	DD	0.00	1,373,550.00	550,311,001.00	1415	9900B2 BIN	990000	TKThe :9915921624 tại BFTVVNVX. MBVCB.8206075445.852292.D2 901 thanh toán phí dv tháng 1 và gửi xe máy dien. CT tu 9915921624 DOAN THI LA toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHU. B2B0200970436011215151820 25DBgb852292	9915921624	DOAN THI LA	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
141	12/01/2025 15:51:11	12/01/2025	DD	0.00	900,150.00	551,211,151.00	1416	9900CT LN4	990000	TKThe :03246353701 tại Tienphongbank. Toa S3 can ho 1606 Thanh toán phí dịch vụ tháng 1.2025 -CTLNHHID000010935095356-1/1-CRE-002	03246353701	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
142	12/01/2025 16:21:54	12/01/2025	DD	0.00	987,600.00	552,198,751.00	1417	9900CT LN4	990000	TKThe :01817643701 tại Tienphongbank. toa D can ho 0402 ttdv tháng 1 nam 2025 -CTLNHHID000010935315307-1/1-CRE-002	01817643701	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
143	12/01/2025 18:30:21	12/01/2025	DD	0.00	698,400.00	552,897,151.00	1418	9900CT LN4	990000	TKThe :19031416613013 tại Techcombank. S3 1512 thanh toán tiền phí dịch vụ và xe máy t12-2024 FT25013872604450 -CTLNHHID000010936343510-1/1-CRE-002	19031416613013	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
144	12/01/2025 18:31:42	12/01/2025	DD	0.00	1,077,750.00	553,974,901.00	1419	9900CT LN4	990000	TKThe :8358988888 tại Techcombank. S4 1203 thanh toán phí dịch vụ tháng 1-2025 FT25013507161272 -CTLNHHID000010936353570-1/1-CRE-002	8358988888	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
145	12/01/2025 18:39:51	12/01/2025	DD	0.00	1,282,425.00	555,257,326.00	1420	9900CT LN4	990000	TKThe :186997368 tại VPBank. D4004 tt dịch vụ t1 2025 -CTLNHHID000010936415344-1/1-CRE-002	186997368	LE HONG GIANG	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
146	12/01/2025 19:59:23	12/01/2025	DD	0.00	699,225.00	555,956,551.00	1421	9900CT LN4	990000	TKThe :19036327631018 tại Techcombank. S3.0512 thanh toán tiền dịch vụ tháng 01.2025 FT25013764112320 -CTLNHHID000010936985750-1/1-CRE-002	19036327631018	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
147	12/01/2025 20:17:48	12/01/2025	DD	0.00	771,375.00	556,727,926.00	1422	990B2 BIN	990000	TKThe :0011004007843] tại BFTVVNVX. MBVCB.8209840179.367330.54. 2014 Thanh toán phí dịch vụ tháng 1/2025.CT tu 0011004007843 LE VAN NGHIA toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CH- B2B0200970436011220175120 25DBpb367330	0011004007843	LE VAN NGHIA	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
148	12/01/2025 20:20:32	12/01/2025	DD	0.00	129,600.00	556,857,526.00	1423	990B2 BIN	990000	TKThe :0011004007843] tại BFTVVNVX. MBVCB.8209860498.385458.54. 2014 Thanh toán phí gửi xe máy tháng 1/2025.CT tu 0011004007843 LE VAN NGHIA toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA- B2B0200970436011220203220 25DBic385458	0011004007843	LE VAN NGHIA	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
149	12/01/2025 23:35:13	12/01/2025	DD	0.00	761,550.00	557,619,076.00	1424	990CT LN4	990000	TKThe :19031911299996] tại Techcombank. S3 2011 TT PHI QUANG LY VA GIU XE T12025 FT25013004046220 -CTLNHHID000010938023968-1/1-CRE-002	19031911299996	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
150	13/01/2025 07:45:11	13/01/2025	DD	0.00	700,050.00	558,319,126.00	1425	990B2 BIN	990000	TKThe :0898148549] tại MSCBVNVX. S31604 thanh toán tien dv Tháng 1.2025 - B2B0200970422011307451020 25BEI6874844	0898148549	BUI THI THUY	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
151	13/01/2025 09:15:10	13/01/2025	DD	0.00	636,900.00	558,956,026.00	1426	9900 MNISM B	425122	1260000151 s3.05.16 tt phi dv tháng 1.2025	4520357676	NGUYEN THI NHAI	BIDV
152	13/01/2025 09:15:45	13/01/2025	DD	0.00	129,000.00	559,085,026.00	1427	9900 MNISM B	425122	1260000151 s3.05.16 tt tien xe may tháng 1.2025	4520357676	NGUYEN THI NHAI	BIDV
153	13/01/2025 09:48:31	13/01/2025	DD	0.00	1,239,225.00	560,324,251.00	1428	990CT LN4	990000	TKThe :067999999] tại VIB. D1605 tt phi dv xe may t1-2025 -CTLNHHID000010939434571-1/1-CRE-002	667999999	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
154	13/01/2025 10:04:25	13/01/2025	DD	0.00	1,065,900.00	561,390,151.00	1429	990B2 BIN	990000	TKThe :932696888] tại BFTVVNVX. MBVCB.8213726833.873782.51. 0410 thanh toán dịch vụ tháng 1.2025.CT tu 932696888 VU THI LINH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPH- B2B0200970436011310042420 25DBmx873782	932696888	VU THI LINH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
155	13/01/2025 10:50:38	13/01/2025	DD	0.00	922,800.00	562,312,951.00	1430	990B2 BIN	990000	TKThe :0491000081224] tại BFTVVNVX. MBVCB.8214292124.224488.D1 707 thanh toán phí dịch vụ tháng 1/2025.CT tu 0491000081224 NGUYEN HUY DUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CH- B2B0200970436011310503820 25DBss224488	0491000081224	NGUYEN HUY DUNG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
156	13/01/2025 10:55:57	13/01/2025	DD	0.00	897,750.00	563,210,701.00	1431	990CT LN4	990000	TKThe :29831989] tại ACB. S4.3009 THANH TOAN TIEN DICH VU VA XE MAY THANG 01/2025-130125-10:55:57 131362 -CTLNHHID000010939972947-1/1-CRE-002	29831989	PERS863077	NH TMCP LA Chau
157	13/01/2025 11:03:43	13/01/2025	DD	0.00	763,200.00	563,973,901.00	1432	990CT LN4	990000	TKThe :168652275] tại VPBank. Toa S4 can ho 2811 thanh toán phí dịch vụ tháng 1 2025 -CTLNHHID000010940036185-1/1-CRE-002	168652275	KHUAT HONG MINH	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vương
158	13/01/2025 11:19:45	13/01/2025	DD	0.00	770,550.00	564,744,451.00	1433	9900 MNISM B	425000	1260000151 can 310753 phi dich vu	4250337768	NGUYEN THI HONG NHUNG	BIDV
159	13/01/2025 11:29:10	13/01/2025	DD	0.00	1,239,225.00	565,983,676.00	1434	990B2 BIN	990000	TKThe :0711000229784] tại BFTVVNVX. MBVCB.8214769850.528062.D. 0905 thanh toán tien dich vu tháng 1/2025.CT tu 0711000229784 VU TRONG DAI toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHU- B2B0200970436011311290920 25DBmn528062	0711000229784	VU TRONG DAI	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
160	13/01/2025 12:54:01	13/01/2025	DD	0.00	834,525.00	566,818,201.00	1435	990B2 BIN	990000	TKThe :257989888] tại MSCBVNVX. Can.2715 toa S3 dong phi dich vu xe t12025 - B2B0200970422011312540020 25YJOY730986	257989888	TRINH THI HUE	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
161	13/01/2025 14:22:05	13/01/2025	DD	0.00	1,080,825.00	567,899,026.00	1436	990B2 BIN	990000	TKThe :0011002440050] tại BFTVVNVX. MBVCB.8216674849.736139.S3-0302 thanh toán xe may dich vu tháng 1/2025.CT tu 0011002440050 NGUYEN DUC THUAN toi 1260000151 BAN QUAN TRI - B2B0200970436011314220520 25DBmf736139	0011002440050	NGUYEN DUC THUAN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
162	13/01/2025 14:48:52	13/01/2025	DD	0.00	932,700.00	568,831,726.00	1437	9900 MNISM B	125000	1260000151 S21601 nop phi DV T1.2025	1251028411	NGUYEN THI HUYEN	BIDV



STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
163	13/01/2025 18:41:40	13/01/2025	DD	0.00	767,325.00	569,599,051.00	1438	990CTLNH4	990000	TKThe :19034697616015 tại Techcombank. S3.0817 thanh toán phí dịch vụ và gửi xe máy tháng 01.2025 FT25013007517573 -CTLNHD000010943734105-1/1-CRE-002	19034697616015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
164	13/01/2025 20:19:18	13/01/2025	DD	0.00	1,062,000.00	570,661,051.00	1439	990CTLNH4	990000	TKThe :020004977093 tại Sacombank. IBFT S2 1004 phí dñu tháng 1.2025 -CTLNHD000010944499123-1/1-CRE-002	020004977093	SACOMBANK CK tu SACOMBANK	NH TMCP Sai Gon Thuong tin
165	13/01/2025 20:45:02	13/01/2025	DD	0.00	1,401,225.00	572,062,276.00	1440	990CTLNH4	990000	TKThe :011704060129989 tại VIB. D.2905 nöp phi quản lý phí gửi xe máy phí gửi xe điện tháng: 01-2025 -CTLNHD000010944684745-1/1-CRE-002	011704060129989	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
166	13/01/2025 21:22:11	13/01/2025	DD	0.00	633,600.00	572,695,876.00	1441	990CTLNH4	990000	TKThe :19032501958999 tại Techcombank. Can 0412A S3 phí dịch vụ FT25013309589041 -CTLNHD000010944935191-1/1-CRE-002	19032501958999	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
167	13/01/2025 21:25:39	13/01/2025	DD	0.00	1,276,350.00	573,972,226.00	1442	990CTLNH4	990000	TKThe :19032592038013 tại Techcombank. D3601 tt phí DV và tien gửi xe máy tháng 1 2025 FT25013063070572 -CTLNHD000010944956898-1/1-CRE-002	19032592038013	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
168	13/01/2025 21:52:16	13/01/2025	DD	0.00	1,276,350.00	575,248,576.00	1443	990MNISMB	122000	1260000151 D12A08 thanh toán dịch vụ và gửi xe t1 2025	1220369046	LAI MINH BAO	BIDV
169	13/01/2025 21:56:39	13/01/2025	DD	0.00	932,700.00	576,181,276.00	1444	990B2BIN	990000	TKThe :0711000277894 tại BFTVVNVX. MBVCB.8222423246.468658.S2.12B01 TTDV T1.2025.CT tu 0711000277894 NGUYEN MANH QUYET toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE RD-B2B0200970436011321563920 25DBun468658	0711000277894	NGUYEN MANH QUYET	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
170	13/01/2025 22:28:39	13/01/2025	DD	0.00	685,650.00	576,866,926.00	1445	990B2BIN	990000	TKThe :0011000719330 tại BFTVVNVX. MBVCB.8222653217.615621.S3-1201 ck phí dịch vụ tháng 1-2025. CT tu 0011000719330 NGUYEN THI DONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU-B2B0200970436011322283820 25DBdq615621	0011000719330	NGUYEN THI DONG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
171	13/01/2025 22:59:28	13/01/2025	DD	0.00	830,475.00	577,697,401.00	1446	990CTLNH4	990000	TKThe :19032460699886 tại Techcombank. S3.3004 Thanh toán tien dịch vụ tháng 01.2025 FT25014207531023 -CTLNHD000010945386888-1/1-CRE-002	19032460699886	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
172	14/01/2025 06:33:57	14/01/2025	DD	0.00	997,875.00	578,695,276.00	1447	990MNISMB	216152	1260000151 S1.12A06 thanh toán phí dịch vụ gửi xe tháng 1.2025	2160037000	TRAN THI DIEM HUONG	BIDV
173	14/01/2025 09:00:01	14/01/2025	DD	0.00	636,000.00	579,331,276.00	1448	990CTLNH4	990000	TKThe :00320550001 tại Tienphongbank. 2008 s3 ck phí dịch vụ tháng 01.2025 -CTLNHD000010946616439-1/1-CRE-002	00320550001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
174	14/01/2025 09:27:43	14/01/2025	DD	0.00	762,375.00	580,093,651.00	1449	990B2BIN	990000	TKThe :0510166889004 tại MSCBVNVX. 0811S4 PHI DV XE MAY THANG 12025 -B2B0200970422011409274220 25N2QU281192	0510166889004	TRINH THI QUYEN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
175	14/01/2025 10:19:16	14/01/2025	DD	0.00	922,800.00	581,016,451.00	1450	990CTLNH4	990000	TKThe :682768688 tại ACB. D2007 THANH TOAN PHI 1.2025-140125-10:19:14 738458 -CTLNHD000010947241844-1/1-CRE-002	682768688	PERS8990245	NH TMCP A Chau
176	14/01/2025 10:40:26	14/01/2025	DD	0.00	1,404,450.00	582,420,901.00	1451	990B2BIN	990000	TKThe :0011000380967 tại BFTVVNVX. MBVCB.8225721392.582424.s2.1809 t phí quản lý th1.25.CT tu 0011000380967 PHAM THI THU QUYEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SA-B2B0200970436011410402620 25DBwq582424	0011000380967	PHAM THI THU QUYEN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
177	14/01/2025 16:56:38	14/01/2025	DD	0.00	1,919,625.00	584,340,526.00	1452	990B2BIN	990000	TKThe :0491000403851 tại BFTVVNVX. MBVCB.8229898415.247472.D.2304 thanh toán tien dịch vụ 1/2025.CT tu 0491000403851 TRAN VAN CHUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU-B2B0200970436011416563720 25DBkq247472	0491000403851	TRAN VAN CHUONG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
178	14/01/2025 17:56:46	14/01/2025	DD	0.00	922,800.00	585,263,326.00	1453	990CTLNH4	990000	TKThe :19039644552017 tại Techcombank. D3407 nöp phi dịch vụ tháng 12025 FT25014295254457 -CTLNHD000010950797875-1/1-CRE-002	19039644552017	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
179	14/01/2025 22:03:00	14/01/2025	DD	0.00	697,575.00	585,960,901.00	1454	990B2 BIN	99000 0	TKThe :107868056821] tại ICBVVNVX. s3.0911 tt tien dv t1-2025 - B2B020097041501142202592025ua3b512121	107868056821	VU HANH HOP	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
180	14/01/2025 23:17:27	14/01/2025	DD	0.00	700,875.00	586,661,776.00	1455	990CT LNH4	99000 0	TKThe :5859999859999] tại VPBank. 531616 tt dv t12025 -CTLNHHID000010952812429-1/1-CRE-002	5859999859999	DANG VIET QUANG	NH TMCP Viet Nam Thanh Vuong
181	15/01/2025 01:21:39	15/01/2025	DD	0.00	830,475.00	587,492,251.00	1456	990CT LNH4	99000 0	TKThe :0931109322] tại VPBank. S4 3208 thanh toan tien dich vu thang 01 2025 -CTLNHHID000010952987097-1/1-CRE-002; thời gian GD:15/01/2025 00:57:41	0931109322	DO HONG THINH	NH TMCP Viet Nam Thanh Vuong
182	15/01/2025 07:48:14	15/01/2025	DD	0.00	762,375.00	588,254,626.00	1457	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1018958583] tại BFTVVNVX. MBVCB.8235074170.625187.s3.2612 thanh toan phi dv thang 1/2025.CT tu 1018958583 DANG THUY DUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SA- B2B020097043601150748132025DBdy625187	1018958583	DANG THUY DUNG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
183	15/01/2025 09:11:58	15/01/2025	DD	0.00	922,800.00	589,177,426.00	1458	990B2 BIN	99000 0	TKThe :655558888] tại MSCBVNVX. Diamond D12A06 thanh toan phi dich vu thang 1.2025 - B2B020097042201150911572025YKH9786134	655558888	DO MANH CUONG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
184	15/01/2025 14:03:34	15/01/2025	DD	0.00	633,600.00	589,811,026.00	1459	990CT LNH4	99000 0	TKThe :03801019916057] tại MSB. S3 4012A tt phi dich vu t12 -CTLNHHID000010956391948-1/1-CRE-002	03801019916057	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
185	15/01/2025 17:10:00	15/01/2025	DD	0.00	1,341,150.00	591,152,176.00	1460	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0560104378008] tại MSCBVNVX. D4008 thanh toan phi dich vu thang 12025 - B2B0200970422011517095920258Kk834654	0560104378008	NGUYEN HAI HA	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
186	15/01/2025 18:08:12	15/01/2025	DD	0.00	698,400.00	591,850,576.00	1461	990O MNISM B	46015 5	1260000151 S3.4011 TTDV. gui xe may T1.2025	4603479392	NGUYEN THE CHIEN	BIDV
187	15/01/2025 18:19:22	15/01/2025	DD	0.00	949,800.00	592,800,376.00	1462	990O MNISM B	26015 2	1260000151 D3902 thanh toan phi quan ly xe may xe dap t01.2025	2600539059	PHAM THI HONG NHUNG	BIDV
188	15/01/2025 18:34:30	15/01/2025	DD	0.00	763,200.00	593,563,576.00	1463	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0962649278] tại MSCBVNVX. s4 1905 tt phi dich vu thang 1 2025 - B2B02009704220115183428202583Tb576858	0962649278	NGUYEN THU TRANG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
189	15/01/2025 19:09:54	15/01/2025	DD	0.00	900,975.00	594,464,551.00	1464	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0011004043105] tại BFTVVNVX. MBVCB.8243397539.898457.11 1454 dong phi quan ly+ gui xe may.CT tu 0011004043105 PHAM HUONG GIAN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SA- B2B020097043601151909542025DBpy88457	0011004043105	PHAM HUONG GIANG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
190	15/01/2025 19:57:02	15/01/2025	DD	0.00	1,368,150.00	595,832,701.00	1465	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0491000059663] tại BFTVVNVX. MBVCB.8244052916.321547.To a D can ho 0701 Thanh toan phi dich vu thang 1/2025.CT tu 0491000059663 THE HAI NAM toi 1260000151 BAN QUAN TRI- B2B020097043601151957022025DBoy21547	0491000059663	THE HAI NAM	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
191	15/01/2025 21:09:51	15/01/2025	DD	0.00	1,182,675.00	597,015,376.00	1466	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0691000379694] tại BFTVVNVX. MBVCB.8245009807.937063.s2.2703 Thanh toan phi dich vu 01/2025.CT tu 0691000379694 BUI THANH AN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SA- B2B020097043601152109502025DBlc937063	0691000379694	BUI THANH AN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
192	15/01/2025 21:32:24	15/01/2025	DD	0.00	899,325.00	597,914,701.00	1467	990CT LNH4	99000 0	TKThe :04262769999] tại Tienphongbank. 53.1607 tt phi dv 1.2025 -CTLNHHID000010960171706-1/1-CRE-002	04262769999	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
193	15/01/2025 22:48:40	15/01/2025	DD	0.00	796,425.00	598,711,126.00	1468	990CT LNH4	99000 0	TKThe :102026666] tại VIB. 53.1512A TTDV T1.2025 -CTLNHHID000010960567715-1/1-CRE-002	102026666	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
194	16/01/2025 07:18:04	16/01/2025	DD	0.00	635,250.00	599,346,376.00	1469	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0451000399031] tại BFTVVNVX. MBVCB.8247021284.224043.S3 3708 ck phi dich vu T01 2025.CT tu 0451000399031 NGUYEN THU HANG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SA- B2B020097043601160718042025DBjk224043	0451000399031	NGUYEN THU HANG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
195	16/01/2025 08:18:34	16/01/2025	DD	0.00	698,400.00	600,044,776.00	1470	990B2 BIN	99000 0	TKThe :322996868888] tại MSCBVNVX. S3. 2012A Thanh toán phí dịch vụ tháng 01.2025 - B2B0200970422011608183320 252XDN439914	322996868888	DO THI MAI THU	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
196	16/01/2025 08:31:18	16/01/2025	DD	0.00	987,600.00	601,032,376.00	1471	9900 MNISM B	12800 0	1260000151 D2502 thanh toán tiền dịch vụ tháng 1 2025	1281077539	DINH TUAN TRUNG	BIDV
197	16/01/2025 08:42:02	16/01/2025	DD	0.00	1,043,025.00	602,075,401.00	1472	990CT LNHA	99000 0	TKThe :0966166384] tại VPBank. 12a02 s3 phi dịch vụ tháng 1 nam 2025 -CTLNHDI000010961749554-1/1-CRE-002	0966166384	NGUYEN THI TRANG NHUNG	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vương
198	16/01/2025 08:51:58	16/01/2025	DD	0.00	857,475.00	602,932,876.00	1473	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0821000040289] tại BFTVVNVX. MBVCB.8247933544.781149.S3 2304 thanh toán tiền dv tháng 1.CT tu 0821000040289 LE VIET ANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPP- B2B0200970436011608515720 25DBdr781149	0821000040289	LE VIET ANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
199	16/01/2025 09:04:51	16/01/2025	DD	0.00	947,325.00	603,880,201.00	1474	990CT LNHA	99000 0	TKThe :85743899] tại VPBank. CAN S3 0803 THANH TOAN PHI DỊCH VỤ THÁNG 1 NAM 2025 -CTLNHDI000010961907659-1/1-CRE-002	85743899	NGUYEN T VAN HA	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vương
200	16/01/2025 09:09:22	16/01/2025	DD	0.00	766,500.00	604,646,701.00	1475	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1021002300] tại BFTVVNVX. MBVCB.8248129241.900751.S4. 0904 thanh toán tiền dịch vụ và tiền xe máy tháng 1/2025.CT tu 1021002300 TRAN NGOC KHANH toi 1260000151 BAN QUA- B2B0200970436011609092520 25DBv0909751	1021002300	TRAN NGOC KHANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
201	16/01/2025 09:44:21	16/01/2025	DD	0.00	904,725.00	605,551,426.00	1476	990CT LNHA	99000 0	TKThe :19027596927013] tại Techcombank. S3.0810 thanh toán tiền dịch vụ 101.2025 FT25016309517305 -CTLNHDI000010962199139-1/1-CRE-002	19027596927013	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
202	16/01/2025 10:18:23	16/01/2025	DD	0.00	635,250.00	606,186,676.00	1477	990CT LNHA	99000 0	TKThe :03147955301] tại Tienphongbank. s32108 thanh toán phí dịch vụ 11.2025 -CTLNHDI000010962472617-1/1-CRE-002	03147955301	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
203	16/01/2025 11:23:47	16/01/2025	DD	0.00	954,150.00	607,140,826.00	1478	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0120100014861] tại MSCBVNVX. S3.2907 thanh toán phí dịch vụ tháng 01.2025 - B2B0200970422011611234520 257C21459255	0120100014861	NGUYEN THI KIM OANH	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
204	16/01/2025 15:59:28	16/01/2025	DD	0.00	1,193,850.00	608,334,676.00	1479	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0711002097791] tại BFTVVNVX. MBVCB.8253236834.109610.S2. 0509 thanh toán phí ql và xe máy tháng 1/2025.CT tu 0711002097791 PHAM THI HIEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI N- B2B0200970436011615592720 25DBdr109610	0711002097791	PHAM THI HIEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
205	16/01/2025 16:38:04	16/01/2025	DD	0.00	922,800.00	609,257,476.00	1480	990CT LNHA	99000 0	TKThe :92322222] tại Techcombank. d12a02 tt phi dv va gui xe may 11.2025 FT25016174230090 -CTLNHDI000010965478375-1/1-CRE-002	923222222	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
206	16/01/2025 20:02:53	16/01/2025	DD	0.00	1,129,050.00	610,386,526.00	1481	990CT LNHA	99000 0	TKThe :19025673091011] tại Techcombank. S2-2905 thanh toán phí dịch vụ tháng 1 nam 2025 FT25016848915049 -CTLNHDI000010967295339-1/1-CRE-002	19025673091011	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
207	16/01/2025 20:17:53	16/01/2025	DD	0.00	1,086,225.00	611,472,751.00	1482	990CT LNHA	99000 0	TKThe :03101015126071] tại MSB. 2315 S4 đồng phí dịch vụ/xe máy/xe đạp tháng 1 -CTLNHDI000010967408118-1/1-CRE-002	03101015126071	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
208	17/01/2025 08:06:20	17/01/2025	DD	0.00	764,000.00	612,236,751.00	1483	990CT LNHA	99000 0	TKThe :09046722001] tại Tienphongbank. S3 2712 thanh toán tiền dịch vụ tháng 1-2025 -CTLNHDI000010969688891-1/1-CRE-002	00046722001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
209	17/01/2025 09:22:25	17/01/2025	DD	0.00	1,266,625.00	613,503,376.00	1484	990CT LNHA	99000 0	TKThe :10168017696666] tại MSB. D0901 thanh toán tiền dịch vụ và xe máy tháng 01/2025 -CTLNHDI000010970438645-1/1-CRE-002	19168017696666	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
210	17/01/2025 09:33:52	17/01/2025	DD	0.00	1,052,400.00	614,555,776.00	1485	990CT LNHA	99000 0	TKThe :40390999] tại VIB. D2106 thanh toán tiền DV và gui xe 11.2025 -CTLNHDI000010970563888-1/1-CRE-002	403909999	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
211	17/01/2025 12:27:43	17/01/2025	DD	0.00	1,016,025.00	615,571,801.00	1486	990CT LNHA	99000 0	TKThe :19033935636015] tại Techcombank. s3 2302 phi dv t1 FT2501676786594 -CTLNHDI00001097215678-1/1-CRE-002	19033935636015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
212	17/01/2025 13:34:24	17/01/2025	DD	0.00	1,060,200.00	616,632,001.00	1487	990CT LNHA	99000 0	TKThe :03501012723622] tại MSB. S2.1108 thanh toán tiền dịch vụ 030600 và tiền xe 129600 tháng 1.2025 -CTLNHDI000010972782245-1/1-CRE-002	03501012723622	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
213	17/01/2025 19:45:05	17/01/2025	DD	0.00	638,550.00	617,270,551.00	1488	990CTLNH4	990000	TKThe :9021048431268] tại BVBank Timo. S3.12A17. thanh toán tiền phí dịch vụ T1.2025 -CTLNHDI000010975949759-1/1-CRE-002	9021048431268	TRAN THI THU HIEN 412 NTMK	BVBank Timo
214	17/01/2025 20:08:55	17/01/2025	DD	0.00	767,325.00	618,037,876.00	1489	990CTLNH4	990000	TKThe :1080007257500000] tại PVcomBank. S4 2317 thanh toán tiền dịch vụ tháng 01 2025 -CTLNHDI000010976158074-1/1-CRE-002	108000725750	Bui Minh Quang HA NOI	NH TMCP Đại chung Viet nam
215	17/01/2025 20:43:31	17/01/2025	DD	0.00	635,250.00	618,673,126.00	1490	990CTLNH4	990000	TKThe :03801011878382] tại MSB. S3.1804 thanh toán tiền dịch vụ tháng 1/2025 -CTLNHDI000010976457841-1/1-CRE-002	03801011878382	MSB 88 LANG HA	NH TMCP Hàng Hải Viet Nam
216	17/01/2025 21:00:14	17/01/2025	DD	0.00	763,200.00	619,436,326.00	1491	990B2BIN	990000	TKThe :105004321989] tại ICRVVNVX. QR - S4.1611 thanh toán phí dịch vụ tháng 1-2025 - B2B020097041501172100142025uyHM490918	105004321989	HO VAN LONG	Ngân hàng TMCP Công Thương VietinBank
217	17/01/2025 21:12:32	17/01/2025	DD	0.00	793,500.00	620,229,826.00	1492	990B2BIN	990000	TKThe :0611001445208] tại BFTVVNVX. MBVCH:82769477654.552005.S4. 1204 thanh toán phí dịch vụ và phí gửi xe tháng 1.2025.CT từ 0611001445208 HOA DUY HAI toi 126000151 BAN QUA-B2B020097043601172112362025DBel552005	0611001445208	HOA DUY HAI	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
218	17/01/2025 22:53:01	17/01/2025	DD	0.00	696,750.00	620,926,576.00	1493	990B2BIN	990000	TKThe :0763462828] tại MSCBVNVX. S3 0812A thanh toán phí dịch vụ và phí gửi xe máy tháng 1 2025 - B2B020097042201172253002025K53C506271	0763462828	PHAM QUOC DAI	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
219	18/01/2025 13:36:28	18/01/2025	DD	0.00	696,750.00	621,623,326.00	1494	990B2BIN	990000	TKThe :0351000934117] tại BFTVVNVX. MBVCH:8275355579.365554.S3. 1112 THANH TOAN TIEN DỊCH VỤ THANG 1.2025.CT từ 0351000934117 HA THI TUYET toi 126000151 BAN QUAN TRI NHA CHIEU CU SAPPHIRE KDT-B2B020097043601181336272025DBel552005	0351000934117	HA THI TUYET	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
220	18/01/2025 13:51:31	18/01/2025	DD	0.00	700,050.00	622,323,376.00	1495	990CTLNH4	990000	TKThe :2603199869] tại Techcombank. S3.3709 thanh toán phí dịch vụ 01 2025 FT2507080503072 -CTLNHDI000010980629873-1/1-CRE-002	2903199869	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
221	18/01/2025 15:00:00	18/01/2025	DD	0.00	974,325.00	623,297,701.00	1496	990CTLNH4	990000	TKThe :19033937069010] tại Techcombank. S3.1803 tt phi dvu/ xe máy/ xe đạp tháng 1 2025 FT25070805039003 -CTLNHDI000010981080582-1/1-CRE-002	19033937069010	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
222	18/01/2025 15:52:29	18/01/2025	DD	0.00	927,150.00	624,224,851.00	1497	990MNMISM B	261154	126000151 S3-4015 thanh toán tiền phí dịch vụ và phí gửi xe	2610099763	NGO THI MINH	BIDV
223	18/01/2025 17:19:19	18/01/2025	DD	0.00	899,325.00	625,124,176.00	1498	990CTLNH4	990000	TKThe :19850309001] tại Tienphongbank. S3.1007 tt phi dv T1.20.5 -CTLNHDI000010982213843-1/1-CRE-002	19850309001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
224	18/01/2025 17:58:13	18/01/2025	DD	0.00	632,000.00	625,756,176.00	1499	990MNMISM B	510160	126000151 phi dv s3 2111	8831485740	LE QUYNH ANH	BIDV
225	18/01/2025 22:59:21	18/01/2025	DD	0.00	933,075.00	626,689,251.00	1500	990CTLNH4	990000	TKThe :19035796261012] tại Techcombank. S3 2206 thanh toán phí dịch vụ tháng 1 2025 FT25070805222559 -CTLNHDI000010984487881-1/1-CRE-002	19035796261012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
226	19/01/2025 08:35:52	19/01/2025	DD	0.00	839,100.00	627,528,351.00	1501	990CTLNH4	990000	TKThe :229074229] tại VPBank. S3 1110 tt dich vu T1 2025 -CTLNHDI000010985465046-1/1-CRE-002	229074229	TRAN THU TRANG	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vương
227	19/01/2025 10:07:43	19/01/2025	DD	0.00	1,168,200.00	628,696,551.00	1502	990CTLNH4	990000	TKThe :03301010761376] tại MSB. S3 1708 thanh toán phí dịch vụ tháng 01.2025 (tru tien nuoc) -CTLNHDI000010986091180-1/1-CRE-002	03301010701376	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hàng Hải Viet Nam
228	19/01/2025 10:50:24	19/01/2025	DD	0.00	949,800.00	629,646,351.00	1503	990B2BIN	990000	TKThe :0510172659096] tại MSCBVNVX. S3 0230/ thanh toán tiền Dịch vụ tháng 125 - B2B020097042201191050232025A6X1916728	0510173659006	TRAN THI HUYEN	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
229	19/01/2025 11:24:02	19/01/2025	DD	0.00	1,130,000.00	630,776,351.00	1504	990B2BIN	990000	TKThe :011900708305] tại BFTVVNVX. MBVCH:8285033665.772867.CH 0511 52 phi dv T1/2025.CT từ 00110009706305 CAO TIEN NAM toi 126000151 BAN QUAN TRI NHA CHIEU CU SAPPHIRE KDT-B2B020097043601191124012025DBel552005	0011000708305	CAO TIEN NAM	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
230	19/01/2025 11:33:13	19/01/2025	DD	0.00	1,052,400.00	631,828,751.00	1505	990CTLNH4	990000	TKThe :19076689028011] tại Techcombank. S3 0302 thanh toán phí dịch vụ tháng 1 năm 2025 FT2507080518025910 -CTLNHDI000010986727890-1/1-CRE-002	19029689028011	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
231	19/01/2025 15:56:41	19/01/2025	DD	0.00	932,250.00	632,761,001.00	1506	990CT LN4	99000	TKThe :0914156512] tại Shinhan Bank V. 52 0908 TT PHI DUU T1.2025 -CTLNHID000010988412782-1/1-CRE-002	0914156512	HOANG THI HUYEN SHBVN IBFT	NH TNHH MTV Shinhan Viet Nam
232	19/01/2025 15:58:06	19/01/2025	DD	0.00	64,800.00	632,825,801.00	1507	990CT LN4	99000	TKThe :0914156512] tại Shinhan Bank V. 52 0908 TT PHI GUI XE MAY T1.2025 -CTLNHID000010988422950-1/1-CRE-002	0914156512	HOANG THI HUYEN SHBVN IBFT	NH TNHH MTV Shinhan Viet Nam
233	19/01/2025 20:36:50	19/01/2025	DD	0.00	770,550.00	633,596,351.00	1508	990CT LN4	99000	TKThe :0986179933] tại VPBank. 53 4014 nophi dich vu thang 12025 -CTLNHID000010990540526-1/1-CRE-002	0986179933	DAO VAN YEN	NH TMCP Viet Nam Thanh Vuong
234	19/01/2025 20:45:23	19/01/2025	DD	0.00	64,800.00	633,661,151.00	1509	990CT LN4	99000	TKThe :0986179933] tại VPBank. 53 4014 nophi tien gui xe may -CTLNHID000010990599931-1/1-CRE-002	0986179933	DAO VAN YEN	NH TMCP Viet Nam Thanh Vuong
235	19/01/2025 21:19:58	19/01/2025	DD	0.00	764,025.00	634,425,176.00	1510	990B2 BIN	99000	TKThe :0600134686666] tại MSCBVNVX. 53.0208 Thanh toan phi dich vu T1.2025 -B2B0200970422011921195620250LFP267674	0600134686666	HOANG AN MAI	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
236	19/01/2025 21:25:20	19/01/2025	DD	0.00	985,950.00	635,411,126.00	1511	990B2 BIN	99000	TKThe :1020104121987] tại MSCBVNVX can 3803 toa s3 cc goldmark city 136 HIM dong phi qldv xe may t12025 -B2B0200970422011921251920250001000100	1020104121987	NGUYEN HOA LIEN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
237	19/01/2025 22:01:07	19/01/2025	DD	0.00	1,051,500.00	636,462,626.00	1512	990B2 BIN	99000	TKThe :8200114319005] tại MSCBVNVX. 53 1703 dong phi dv va xe may t01 2025 -B2B020097042201192201062025KXFA108997	8200114319005	NGUYEN DOAN HOA	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
238	20/01/2025 01:10:33	20/01/2025	DD	0.00	769,800.00	637,232,426.00	1513	9900 MNISM B	22000	1260000151 0517 53 thanh toan phi dich vu va phi gui xe may thang 01.2025; thoi gian GD:19/01/2025 23:58:12	2206752737	NGUYEN VAN QUYET	BIDV
239	20/01/2025 08:27:34	20/01/2025	DD	0.00	1,378,025.00	638,610,451.00	1514	990CT LN4	99000	TKThe :22106663] tại Nam A Bank. Can: 0702 thanh toan phi dv t1 -CTLNHID000010992324057-1/1-CRE-002	222166633	namaban k 201 203 cmtt hcm	NH TMCP Nam A
240	20/01/2025 08:58:53	20/01/2025	DW	171,092,991.00	0.00	467,517,460.00	1515	17663 4	21700	REF217A2510XCNET512 B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 1 THANG 01/2025	03101010639008	CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
241	20/01/2025 08:58:53	20/01/2025	DDM	75,281.00	0.00	467,442,179.00	1516	17663 4	21700	REF217A2510XCNET512 B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 1 THANG 01/2025			
242	20/01/2025 11:37:13	20/01/2025	DD	0.00	1,995,750.00	469,437,929.00	1517	990CT LN4	99000	TKThe :202728445] tại VPBank. 52 2005 thanh toan tien dich vu thang 1 nam 2025 -CTLNHID000010993911977-1/1-CRE-002	202778445	NGUYEN THI HUYEN DUNG	NH TMCP Viet Nam Thanh Vuong
243	20/01/2025 12:22:23	20/01/2025	DD	0.00	987,600.00	470,425,529.00	1518	990CT LN4	99000	TKThe :1902501849024] tại Technocom. 3307D thanh toan phi dich vu gui xe may t1.2025 t1.2025 -CTLNHID000010994319181-1/1-CRE-002	19028561849024	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
244	20/01/2025 16:22:47	20/01/2025	DD	0.00	858,000.00	471,283,529.00	1519	990CT LN4	99000	TKThe :03646011111189] tại MSB. 0307 thanh toan tien dich vu 01.2025 -CTLNHID000010996279616-1/1-CRE-002	0388601111189	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
245	20/01/2025 17:22:46	20/01/2025	DD	0.00	620,850.00	471,904,379.00	1520	990B2 BIN	99000	TKThe :0600135071009] tại MSCBVNVX. 53.3601 tien phi dich vu phieu gui xe may thang 12025 -B2B0200970422012017224520252HUI56343	0900135021009	NGUYEN THI PHUONG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
246	20/01/2025 17:36:29	20/01/2025	DD	0.00	1,016,025.00	472,920,404.00	1521	990CT LN4	99000	TKThe :03601018914292] tại MSB. Can: 03.2702 ct dich vu the 12025 -CTLNHID000010997026439-1/1-CRE-002	03601018914292	MSB 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
247	20/01/2025 21:54:57	20/01/2025	DD	0.00	761,550.00	473,681,954.00	1522	990B2 BIN	99000	TKThe :105871850068] tại ICBVNVX. 03 - 53.2112A thanh toan phi dich vu thang 1-2025 -B2B020097041501202154562025JN00000004	105871850068	NGUYEN THI HANG	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
248	20/01/2025 22:27:38	20/01/2025	DD	0.00	925,200.00	474,607,154.00	1523	990CT LN4	99000	TKThe :9704229233469696] tại NH. 53.0424 ct phi dv thang 1 -CTLNHID00001099388175-1/1-CRE-002	9704229233469696	MBBANK IBFT Cat Linh Ba Dinh Ha Noi VN	NH TMCP Quan Doi

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
249	21/01/2025 11:51:48	21/01/2025	DD	0.00	1,585,000.00	476,192,154.00	1524	990CTLNH4	990000	TKThe :19034039567019] tại Techcombank, D1008 thanh toán dịch vụ tháng 1 2025 FT25021074701939 -CTLNHDI000011002419133-1/1-CRE-002	19034039567019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
250	21/01/2025 14:36:32	21/01/2025	DD	0.00	891,150.00	477,083,304.00	1525	990B2BIN	990000	TKThe :100866668888] tại MSCB/VNX, s3.0305 thanh toán phí dịch vụ tháng 12025 B2B020097042201211436312025Q195374157	100866668888	LE THI HUONG	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
251	22/01/2025 11:37:49	22/01/2025	DW	54,586,375.00	0.00	422,496,929.00	1526	176634	217000	REF217A25110V93555Z B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCPDT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 2 THANG 01/2025	03101010639008	CTCPDT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
252	22/01/2025 11:37:49	22/01/2025	DDM	24,019.00	0.00	422,472,910.00	1527	176634	217000	REF217A25110V93555Z B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCPDT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 2 THANG 01/2025			
253	25/01/2025 01:16:37	25/01/2025	IIPD	0.00	80,823.00	422,553,733.00	1528	W	0	Thanh toán lại tháng 01/2025			
254	05/02/2025 18:16:55	05/02/2025	DD	0.00	1,303,350.00	423,857,083.00	1529	990CTLNH4	990000	TKThe :01750579501] tại Tienphongbank, D3308] dịch vụ 2-2025 -CTLNHDI000011090898484-1/1-CRE-002	01750579501	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
255	05/02/2025 18:51:30	05/02/2025	DD	0.00	698,400.00	424,555,483.00	1530	990MNMISMB	471000	1260000151 53.1105 TT phí dịch vụ 02.2025	4710694451	TRAN TRUNG KIEN	BIDV
256	05/02/2025 20:02:06	05/02/2025	DD	0.00	1,601,775.00	426,157,258.00	1531	990CTLNH4	990000	TKThe :01102354001] tại Tienphongbank, 02303 tt tien dich vu thang 2-2025 -CTLNHDI000011091442358-1/1-CRE-002	01102354001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
257	05/02/2025 20:25:42	05/02/2025	DD	0.00	922,800.00	427,080,058.00	1532	990B2BIN	990000	TKThe :0451000322916] tại BFTVVNX, MBVCB, 8451168948,811717, Ca n Ho D 3402 Thanh Toán Dịch vụ+ 1 xe máy T2.2025.CT tu 0451000322916 NGUYEN VAN NGHI tại 1260000151 BAN QUAN T- B2B020097043602052025462025D00811717	0451000322916	NGUYEN VAN NGHI	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
258	05/02/2025 21:02:43	05/02/2025	DD	0.00	637,078.00	427,717,136.00	1533	990B2BIN	990000	TKThe :108867412632] tại ICBVVNX, csn s4 2604 đồng phí dịch vụ tháng 2 - B2B020097041502052102422025JvX786400	108867412632	DANG THI THUY	Ngân hàng TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
259	06/02/2025 14:16:04	06/02/2025	DD	0.00	1,239,225.00	428,956,361.00	1534	990CTLNH4	990000	TKThe :58688887303] tại Tienphongbank, D2005 thanh toán dịch vụ tháng 2 -CTLNHDI000011094535112-1/1-CRE-002	58688887303	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
260	06/02/2025 15:25:27	06/02/2025	DD	0.00	1,016,025.00	429,972,386.00	1535	990MNMISMB	501153	1260000151 2902 53 LE DUY LUC Chuyen tien phi dich vu xe may thang 2 2025	5010509881	LE DUY LUC	BIDV
261	06/02/2025 15:54:55	06/02/2025	DD	0.00	987,600.00	430,959,986.00	1536	990CTLNH4	990000	TKThe :19034039567012] tại Techcombank, D1507 thanh toán dịch vụ tháng 2.2025 FT2503767740189 -CTLNHDI000011095689732-1/1-CRE-002	19039264147012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
262	06/02/2025 17:24:03	06/02/2025	DD	0.00	987,600.00	431,947,586.00	1537	990B2BIN	990000	TKThe :0560135182002] tại MSCB/VNX, loa D can 3007 TT phí dịch vụ tháng 022025 - B2B02009704220206172402202589H 486412	0560105182002	NGUYEN VAN TINH	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
263	06/02/2025 17:47:10	06/02/2025	DD	0.00	1,404,450.00	433,352,036.00	1538	990B2BIN	990000	TKThe :0011000380267] tại BFTVVNX, MBVCB, 8451920589,945253.s2. 1809 tt phí dịch vụ tháng 02.CT tu 0011000380267 PHAM THI THU QUYEN tại 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE B2B020097043602061747132025D0091553	0011000380967	PHAM THI THU QUYEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
264	06/02/2025 18:14:59	06/02/2025	DD	0.00	700,875.00	434,052,911.00	1539	990CTLNH4	990000	TKThe :0010581001] tại Tienphongbank, 02-16 s3 thanh toán phí dịch vụ xe máy tháng 2.2025 -CTLNHDI000011095688232-1/1-CRE-002	00302581001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
265	06/02/2025 19:33:28	06/02/2025	DD	0.00	1,373,550.00	435,426,461.00	1540	990B2BIN	990000	TKThe :9915921624] tại BFTVVNX, MBVCB, 84515801622,568864.D2 901 thanh toán phí dịch vụ tiền gửi xe máy xe ô tô tháng 02.CT tu 9915921624 PHAM THI LA toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE B2B020097043602061933282025D00588884	9915921624	DOAN THI LA	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
266	06/02/2025 19:42:54	06/02/2025	DD	0.00	1,266,225.00	436,692,686.00	1541	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0860100040009] tại MSCBVNVX, Toa nhà D căn hộ 3604 thanh toán tiền phí dịch vụ tháng 2/2025 -B2B0200970422020619425320 25BW5Y427113	0860100040009	NGUYEN QUANG HUNG	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
267	06/02/2025 19:50:42	06/02/2025	DD	0.00	763,200.00	437,455,886.00	1542	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0491000046933] tại BFTVNVX, MBVCB, 8459067398.663874.To a S3 Căn Hộ 3/12 thanh toán phí dịch vụ tháng 2/2025. CT tu 0491000046933 VU NGOC BAO toi 1260000151 BAN QUAN T- B2B0200970436020619504620 25DBpe663874	0491000046933	VU NGOC BAO	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
268	06/02/2025 20:08:09	06/02/2025	DD	0.00	949,800.00	438,405,686.00	1543	990CT LN4	99000 0	TKThe :020013043461] tại Sacombank, IBFT D3506 TT TIEN DV T2 2025 -CTLNHD000011096571910-1/1-CRE-002	020013043461	SACOMBANK CK tu SACOMBANK	NH TMCP Sai Gon Thương tin
269	06/02/2025 21:33:19	06/02/2025	DD	0.00	832,950.00	439,238,636.00	1544	990B2 BIN	99000 0	TKThe :8888351888888] tại MSCBVNVX, 64 3109 thanh toán phí dịch vụ tháng 1 2025 -B2B0200970422020621331820 25XNUY496010	888835188888	DINH HUNG MANH	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
270	06/02/2025 21:42:45	06/02/2025	DD	0.00	697,575.00	439,936,211.00	1545	9900 MNISM B	48600 0	1260000151 54.2513 thanh toán tiền dịch vụ T2.2025	4860090668	NGUYEN DANG KHUE	BIDV
271	07/02/2025 01:13:59	07/02/2025	DD	0.00	775,125.00	440,711,336.00	1546	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1030023851631] tại ICBVNVX, toa S3 căn hộ 1610 TT phí dịch vụ tháng 2 năm 2025 -B2B0200970415020701093420 25Ka14256975; thời gian GD:07/02/2025 01:09:34	103003385163	LE THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Công Thương Viet Nam VietinBank
272	07/02/2025 10:54:06	07/02/2025	DD	0.00	1,028,925.00	441,740,261.00	1547	990CT LN4	99000 0	TKThe :19033337381010] tại Techcombank, S3.2414 tt tiền phí dv va gui xe T2.2025 FT25038450612460 -CTLNHD0000011098767631-1/1-CRE-002	19033337381010	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
273	07/02/2025 12:24:30	07/02/2025	DD	0.00	1,492,350.00	443,232,611.00	1548	9900 MNISM B	21500 0	1260000151 D0801 tiền dịch vụ va xe máy tháng 2 2025	2152906297	NGO THI THU HUYEN	BIDV
274	07/02/2025 12:34:35	07/02/2025	DD	0.00	767,325.00	443,999,936.00	1549	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0301000299324] tại BFTVNVX, MBVCB, 8463633674.473184.S3. 3609 thanh toán phí quản lý va phí gui xe máy tháng 2/2025. CT tu 0301000299324 T- XUAN PHUC toi 1260000151 BA- B2B0200970436020712343520 25DRwd473184	0301000299324	LE XUAN PHUC	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
275	07/02/2025 13:27:10	07/02/2025	DD	0.00	803,775.00	444,803,711.00	1550	990B2 BIN	99000 0	TKThe :104000000419] tại ICBVNVX, QR -3310 54 T2 - B2B0200970415020713270920 25dsly162951	10400000419	THAI NGOC LIEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Viet Nam VietinBank
276	07/02/2025 14:16:17	07/02/2025	DD	0.00	934,000.00	445,737,711.00	1551	990CT LN4	99000 0	TKThe :3799819880] tại Techcombank, 52 12611 thanh toán phí dịch vụ tháng 2.2025 FT25038877000161 -CTLNHD000011099839160-1/1-CRE-002	3799819889	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
277	07/02/2025 14:50:38	07/02/2025	DD	0.00	1,080,825.00	446,818,536.00	1552	990CT LN4	99000 0	TKThe :14032575865666] tại Techcombank, 83 1002 đồng tiền dv T2 2025 FT25038135 87504 -CTLNHD000011100077952-1/1-CRE-002	19032575865666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
278	07/02/2025 14:56:02	07/02/2025	DD	0.00	1,182,675.00	448,001,211.00	1553	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0691000379694] tại BFTVNVX, MBVCB, 8464741649.149259.s2. 2703 Thanh toán phí dịch vụ 02/2025 CT tu 0691000379694 BUI THANH AN toi 1260000151 BAN QUAN T- NH A CHUNG CU- B2B0200970436020714560220 25DBz11492 9	0691000379694	BUI THANH AN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
279	07/02/2025 15:51:53	07/02/2025	DD	0.00	700,875.00	448,702,086.00	1554	9900 MNISM B	21515 2	1260000151 54.3216 thanh toán ben dich vu tháng 02.2025	2152907458	PHAM THAI SON	BIDV
280	07/02/2025 16:36:27	07/02/2025	DD	0.00	1,211,550.00	449,913,636.00	1555	990CT LN4	99000 0	TKThe :381666] tại Techcombank, Phan Dinh Thai D.2908 thanh toán tiền DV T2-2025 FT25038794013062 -CTLNHD000011100582340-1/1-CRE-002	381666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
281	07/02/2025 19:04:05	07/02/2025	DD	0.00	793,800.00	450,707,436.00	1556	990CT LN4	99000 0	TKThe :45399998] tại VPBank, 53 2309 thanh toán phí dịch vụ Le Sy Trung -CTLNHD000011101631606-1/1-CRE-002	45399998	LE SY TRUNG	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
282	07/02/2025 19:10:23	07/02/2025	DD	0.00	1,459,950.00	452,167,386.00	1557	9900 MNISM B	21515 7	1260000151 D1101 thanh toán tiền DVQL xe tháng 2 2025	2150013818	NGUYEN THI THU HA	BIDV
283	07/02/2025 19:38:08	07/02/2025	DD	0.00	1,023,255.00	453,190,641.00	1558	990CT LN4	99000 0	TKThe :0589336322] tại SHB, S22008 TĐV T22025 -CTLNHD000011101819017-1/1-CRE-002	0989336322	SHBMB 77THD	NH TMCP Sai Gon Ha Noi

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
284	07/02/2025 19:56:33	07/02/2025	DD	0.00	622,500.00	453,813,141.00	1559	990B2 BIN	990000	TKThe :1012934559] tại BFTVVNVX. MBVCB.8467809883.072181.To a S3 can ho 4001 Thanh toan phi dich vu thang 2/2025.CT tu 1012934559 NGUYEN THI THANH VAN toi 1260000151 BAN QUA- B2B0200970436020719563220 25DBed072181	1012934559	NGUYEN THI THANH VAN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
285	07/02/2025 19:59:39	07/02/2025	DD	0.00	1,017,675.00	454,830,816.00	1560	990B2 BIN	990000	TKThe :0451001284161] tại BFTVVNVX. MBVCB.8467834488.089992.S4 0402 nop phi dich vu T2/2025.CT tu 0451001284161 BUI MANH HUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUONG CU SAPPH- B2B0200970436020719594320 25DBgp089992	0451001284161	BUI MANH HUNG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
286	07/02/2025 20:02:53	07/02/2025	DD	0.00	701,700.00	455,532,516.00	1561	990B2 BIN	990000	TKThe :106878257746] tại ICBVVNVX. s3.1.017 thanh toan tien dich vu va tien xe t2.2025 - B2B0200970415020720025320 25wrwh231519	106878257746	NGUYEN THI MINH HUYEN	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
287	07/02/2025 20:47:01	07/02/2025	DD	0.00	1,270,950.00	456,803,466.00	1562	9900 MNISM B	427000	1260000151 D2101. t2.2025	4270406282	DOAN SON LAM	BIDV
288	07/02/2025 20:57:18	07/02/2025	DD	0.00	638,550.00	457,442,016.00	1563	9900 CT LNHA	990000	TKThe :902166633*108] tại BVBank. Timg. S3.12A17 thanh toan tien phi dich vu t2.2025 -CTLNHD090001110226695-1/1-CR0-002	9021606335108	TRAN THI THU HIEN 412 NTMK	BVBank Timo
289	07/02/2025 21:04:29	07/02/2025	DD	0.00	987,600.00	458,429,616.00	1564	9900 CT LNHA	990000	TKThe :01266027001] tại Tienphongbank. D2000 thanh toan phi dich vu thang 2.2025 -CTLNHD0900011102266153-1/1-CR0-002	01266027001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
290	07/02/2025 22:16:55	07/02/2025	DD	0.00	1,480,425.00	459,910,041.00	1565	9900 MNISM B	220000	1260000151 PHAN THUY DUNG Chuyen tien D3304 ti dien dv thang 2.2025	2206525814	PHAN THUY DUNG	BIDV
291	08/02/2025 07:44:07	08/02/2025	DD	0.00	932,700.00	460,842,741.00	1566	9900 CT LNHA	990000	TKThe :1905013684601] tại Techcombank. 52.12801 ti phi dich vu va xe may FT25-030018092218 -CTLNHD0900011103165492-1/1-CR0-002	19050136846017	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
292	08/02/2025 08:30:10	08/02/2025	DD	0.00	884,475.00	461,727,216.00	1567	990B2 BIN	990000	TKThe :1507205265619] tại VBAAVVNVX. BIDV.176-000151:2416 toa S3 tl phi dich vu thang 2 nam 2025 - B2B0200970405020808301020 252228002237	1507205265619	NGUYEN VAN NGOC	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank
293	08/02/2025 09:06:36	08/02/2025	DD	0.00	697,400.00	462,424,616.00	1568	9900 CT LNHA	990000	TKThe :19032445559555] tại Techcombank. 53.0501 thanh toan tien dich vu thang 2 nam 2025 FT25-038223848411 -CTLNHD0900011103469571-1/1-CR0-002	19032445559555	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
294	08/02/2025 12:47:00	08/02/2025	DD	0.00	801,300.00	463,225,916.00	1569	9900 CT LNHA	990000	TKThe :0066381001] tại Tienphongbank. 53.0017 Thanh toan tien dich vu qua ty va gui xe may xe dap thang 02.2025 -CTLNHD0900011104502475-1/1-CR0-002	00166381001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
295	08/02/2025 15:35:21	08/02/2025	DD	0.00	770,550.00	463,996,466.00	1570	9900 MNISM B	425000	1260000151 phi dich vu can 310753	4250337768	NGUYEN THI HONG NHUNG	BIDV
296	08/02/2025 17:54:13	08/02/2025	DD	0.00	922,800.00	464,919,266.00	1571	9900 CT LNHA	990000	TKThe :1-422299429886] tại Techcombank. 012802 tl phi quan ly va gui xe may t2.2025 FT25-03001843350 -CTLNHD0900011105163192-1/1-CR0-002	19022299429886	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
297	08/02/2025 18:33:40	08/02/2025	DD	0.00	922,800.00	465,842,066.00	1572	9900 CT LNHA	990000	TKThe :000196] tại ACH. D2002 THANH TOAN PHI QUAN LY PHI XE MAY THANG 2/2025. FT25-030018092218-0002701-033440-000001 -CTLNHD090001110516544-1/1-CR0-002	366196	PERS7708696	NH TMCP A Chau
298	08/02/2025 18:46:51	08/02/2025	DD	0.00	993,600.00	466,835,666.00	1573	990B2 BIN	990000	TKThe :1462207014796] tại VBAAVVNVX. BIDV.1260000151:140754 phi t2.2025 - B2B0200970405020818465020 258024095025	1462207014796	BUI THI HUONG LAN	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank
299	08/02/2025 19:14:07	08/02/2025	DD	0.00	987,600.00	467,823,266.00	1574	9900 CT LNHA	990000	TKThe :19035300795012] tại Techcombank. D2000 thanh toan tien phi dich vu va gui xe thang 2 nam 2025 FT25-030018407009 -CTLNHD0900011105163193-1/1-CR0-002	19035300795012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
300	08/02/2025 19:57:12	08/02/2025	DD	0.00	949,800.00	468,773,066.00	1575	990B2 BIN	990000	TKThe :05-0173659006] tại MSB.VNVX. D2301 thanh toan tien dien su va phi xe may xe dap thang 2.2025 - B2B0200970422020819571120 2531V4-09912	0510173659006	TRAN THI HUYEN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
301	08/02/2025 20:03:25	08/02/2025	DD	0.00	725,400.00	469,498,466.00	1576	9900 MNISM B	432153	1260000151 s3 3711 thanh toán tiền dịch vụ tháng 2 2025	4321080508	NGUYEN THI DIEU LINH	BIDV
302	08/02/2025 22:13:40	08/02/2025	DD	0.00	917,050.00	470,415,516.00	1577	9900 CT LNHA	990000	TKThe :19032004756029] tại Techcombank. s4 2413 phí dịch vụ tháng 2 FT25041656028832 -CTLNHDI000011107381109-1/1-CRE-002	19032004756029	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
303	08/02/2025 22:38:08	08/02/2025	DD	0.00	1,052,400.00	471,467,916.00	1578	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0021000349274] tại BFTVVNVX. MBVCB.8476983644.836321.To a S5 can ho 3207 thanh toán tiền dịch vụ tháng 2 năm 2025. CT tu 0021000349274 NGUYEN HAI HA toi 1260000151 BAN- B2B0200970436020822381220 25DBdr836321	0021000349274	NGUYEN HAI HA	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
304	09/02/2025 09:26:58	09/02/2025	DD	0.00	831,000.00	472,298,916.00	1579	9900 CT LNHA	990000	TKThe :19032460699886] tại Techcombank. s4 3004 Thanh toán tiền dịch vụ tháng 02.2025 FT25041061862176 -CTLNHDI000011108355354-1/1-CRE-002	19032460699886	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
305	09/02/2025 09:41:55	09/02/2025	DD	0.00	697,575.00	472,996,491.00	1580	9900 MNISM B	425000	1260000151 toa s3 can ho 2912A thanh toán phí dịch vụ và phí gửi xe máy tháng 2.2025	4251458565	NGUYEN DUC HUNG	BIDV
306	09/02/2025 11:41:46	09/02/2025	DD	0.00	764,850.00	473,761,341.00	1581	9900 MNISM B	450159	1260000151 s4 0808 thanh toán tiền dịch vụ và xe máy tháng 2 2025	4505336092	DANG DINH TAN	BIDV
307	09/02/2025 17:30:54	09/02/2025	DD	0.00	639,375.00	474,400,716.00	1582	9900 CT LNHA	990000	TKThe :19031952114666] tại Techcombank. S4 4009 đồng phí quản lý hàng tháng FT25041317263077 -CTLNHDI000011110665700-1/1-CRE-002	19031952114666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
308	09/02/2025 17:32:42	09/02/2025	DD	0.00	194,400.00	474,595,116.00	1583	9900 CT LNHA	990000	TKThe :19031952114666] tại Techcombank. S4 4009 đồng phí xe máy hàng tháng FT25041180930220 -CTLNHDI000011110676607-1/1-CRE-002	19031952114666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
309	09/02/2025 19:08:53	09/02/2025	DD	0.00	830,075.00	475,425,191.00	1584	9900 CT LNHA	990000	TKThe :0931109322] tại VPBank. Toa S4 can ho 3208 thanh toán phí dịch vụ tháng 02 2025 -CTLNHDI00001111211330-1/1-CRE-002	0931109322	DO HONG THINH	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
310	09/02/2025 20:45:07	09/02/2025	DD	0.00	920,325.00	476,345,516.00	1585	9900 CT LNHA	990000	TKThe :19121300649990] tại Techcombank. S3 0703 nộp phí dịch vụ và gửi xe máy tháng 2 2025 FT25041495508125 -CTLNHDI000011111692759-1/1-CRE-002	19121300649990	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
311	09/02/2025 21:29:51	09/02/2025	DD	0.00	1,014,600.00	477,360,116.00	1586	9900 MNISM B	260154	1260000151 d2306 ct phí dịch vụ t2.2025	2601277954	PHAM THI BICH	BIDV
312	09/02/2025 21:32:09	09/02/2025	DD	0.00	1,363,425.00	478,723,541.00	1587	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0942578827] tại MSCBVNVX. DANG THI KIM NHUNG D3404 - B2B0200970422020921320720 25]Bi4579965	0942578827	DANG THI KIM NHUNG	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
313	09/02/2025 23:22:47	09/02/2025	DD	0.00	782,850.00	479,506,391.00	1588	9900 CT LNHA	990000	TKThe :19035067268015] tại Techcombank. S3 1801 nộp phí dv xe máy xe điện T2.2025 FT25041310109567 -CTLNHDI000011112226335-1/1-CRE-002	19035067268015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
314	10/02/2025 08:02:59	10/02/2025	DD	0.00	1,626,000.00	481,132,391.00	1589	9900 CT LNHA	990000	TKThe :020004977093] tại Sacombank. IBFT S2 1004 ctien phí dịch vụ T2 2025 -CTLNHDI000011112777026-1/1-CRE-002	020004977093	SACOMBANK CK tu SACOMBANK	NH TMCP Sai Gon Thuong tin
315	10/02/2025 10:30:22	10/02/2025	DD	0.00	1,146,750.00	482,279,141.00	1590	9900 MNISM B	122000	1260000151 D12a08 nộp tiền dịch vụ t2 2025	1220369046	LAI MINH BAO	BIDV
316	10/02/2025 11:02:39	10/02/2025	DD	110,000.00	0.00	482,169,141.00	1591	9900 QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T02 2025			
317	10/02/2025 11:26:36	10/02/2025	DW	3,854,175.00	0.00	478,314,966.00	1592	176634	217000	REF217A2520F3LLKY08 B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 3 THANG 01/2025	03101010639008	CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
318	10/02/2025 11:26:36	10/02/2025	DD	22,000.00	0.00	478,292,966.00	1593	176634	217000	REF217A2520F3LLKY08 B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 3 THANG 01/2025			
319	10/02/2025 12:32:22	10/02/2025	DD	0.00	765,675.00	479,058,641.00	1594	9900 CT LNHA	990000	TKThe :002704060254590] tại VIB. s3.2216 thanh toán phí quản lý phí gửi xe T02.2025 -CTLNHDI000011114434653-1/1-CRE-002	002704060254590	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
320	10/02/2025 14:42:43	10/02/2025	DD	0.00	636,900.00	479,695,541.00	1595	9900 MNISM B	452152	1260000151 tt phi dv tháng 2.2025. can ho s3.05.16	4520357676	NGUYEN THI NHAI	BIDV
321	10/02/2025 14:43:52	10/02/2025	DD	0.00	129,000.00	479,824,541.00	1596	9900 MNISM B	452152	1260000151 phí xe máy tháng 2.2025. can ho s3.05.16	4520357676	NGUYEN THI NHAI	BIDV



STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
322	10/02/2025 14:47:43	10/02/2025	DD	0.00	1,117,200.00	480,941,741.00	1597	9900 MNISM B	12615 1	1260000151 D.0602 nophi dich vu va xe may T.2 2025	12608946 52	TAO NGOC ANH	BIDV
323	10/02/2025 15:05:51	10/02/2025	DD	0.00	1,211,550.00	482,153,291.00	1598	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0570109603008 tai MSCBVNVX. PHAM DINH HOAN chuyen tien can ho D1808 thanh toan tien dich vu va trong giu xe may thang 22025 -B2B0200970422021015055020 252WUF424679	05701096 03008	PHAM DINH HOAN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
324	10/02/2025 16:21:23	10/02/2025	DD	0.00	632,775.00	482,786,066.00	1599	990CT LN4	99000 0	TKThe :04168390201 tai Tienphongbank. S4 3408 tt pdv t 2025 -CTLNHDI00001115885954-1/1-CRE-002	04168390 201	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
325	10/02/2025 16:57:48	10/02/2025	DD	0.00	698,400.00	483,484,466.00	1600	990CT LN4	99000 0	TKThe :152731922 tai VPBank. 3611 S3 thanh toan phi dich vu thang 2 2025 -CTLNHDI000011116182167-1/1-CRE-002	15273192 2	DANG THI YEN	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
326	10/02/2025 18:11:23	10/02/2025	DD	0.00	922,800.00	484,407,266.00	1601	9900 MNISM B	22015 0	1260000151 Diamond D12A06 dong phi dich vu thang 2.2025	22001904 54	DO MANH CUONG	BIDV
327	10/02/2025 18:16:00	10/02/2025	DD	0.00	770,550.00	485,177,816.00	1602	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0611001957870 tai BFTVVNVX. MBVCB.8492521402.587035.CH S3.1115 TT tien phi dich vu Thang 2/2025.CT tu 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA B2B0200970436021018160420 25DBje587035	06110019 57870	HOANG VAN VUONG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcomb ank
328	10/02/2025 18:17:23	10/02/2025	DD	0.00	118,800.00	485,296,616.00	1603	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0611001957870 tai BFTVVNVX. MBVCB.8492541736.598543.CH S3.1115 TT tien phi giu xe may + xe dap Thang 2/2025.CT tu 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 1260000151 BAN Q- B2B0200970436021018172320 25DBxb598543	06110019 57870	HOANG VAN VUONG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcomb ank
329	10/02/2025 18:48:32	10/02/2025	DD	0.00	1,024,875.00	486,321,491.00	1604	990B2 BIN	99000 0	TKThe :109004517037 tai ICBVVNVX. DANG THI THU HUYEN chuyen tien dich vu can 031152 thang 2 nam 2025 -B2B0200970415021018483220 25dz8T998399	10900451 7037	DANG THI THU HUYEN	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
330	10/02/2025 19:06:34	10/02/2025	DD	0.00	1,238,550.00	487,560,041.00	1605	9900 MNISM B	45215 0	1260000151 D1508 chuyen tien phi Dich vu QL phi giu xe may xe dap T.2.2025	45266688 99	DAO NGOC TOAN	BIDV
331	10/02/2025 19:52:03	10/02/2025	DD	0.00	1,303,200.00	488,863,241.00	1606	990CT LN4	99000 0	TKThe :0945208155 tai VPBank. s2 0503 thanh toan tien dich vu thang 2-2025 -CTLNHDI00001117482222-1/1-CRE-002	09452081 55	DO THI LOAN	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
332	10/02/2025 22:10:44	10/02/2025	DD	0.00	893,925.00	489,757,166.00	1607	990CT LN4	99000 0	TKThe :1617091985 tai Techcombank. S3.0510 thanh toan tien dich vu thang 2.2025 FT25042620181861 -CTLNHDI00001118255800-1/1-CRE-002	16170919 85	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
333	10/02/2025 22:36:01	10/02/2025	DD	0.00	1,209,675.00	490,966,841.00	1608	9900 MNISM B	37515 4	1260000151 S22103 nophi dvu T2 va 1 xe may 1 xe dap	37500089 63	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
334	10/02/2025 23:02:50	10/02/2025	DD	0.00	949,800.00	491,916,641.00	1609	990CT LN4	99000 0	TKThe :88648866886 tai Tienphongbank. D.3002 Thanh toan dich vu va xe thang 2.25 -CTLNHDI00001118422009-1/1-CRE-002	88648866 886	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
335	10/02/2025 23:29:02	10/02/2025	DD	0.00	1,278,000.00	493,194,641.00	1610	9900 MNISM B	12415 3	1260000151 d0808 tt phi dich vu va ve xe thang 2 nam 2025	12421800 89	NGUYEN THI TRANG	BIDV
336	11/02/2025 07:11:41	11/02/2025	DD	0.00	766,500.00	493,961,141.00	1611	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1021002300 tai BFTVVNVX. MBVCB.8496294915.957060.S4. 0904 thanh toan tien dich vu va tien xe may thang 2/2025.CT tu 1021002300 TRAN NGOC KHANH toi 1260000151 BAN QUA- B2B0200970436021107114020 25DBlp957060	10210023 00	TRAN NGOC KHANH	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcomb ank
337	11/02/2025 07:30:49	11/02/2025	DD	0.00	922,800.00	494,883,941.00	1612	990CT LN4	99000 0	TKThe :19039644552017 tai Techcombank. D3407 thanh toan phi dich vu thang 2 FT25042850992470 -CTLNHDI00001118955171-1/1-CRE-002	19039644 552017	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
338	11/02/2025 08:15:56	11/02/2025	DD	0.00	1,211,550.00	496,095,491.00	1613	990CT LN4	99000 0	TKThe :7286666 tai Techcombank. D.3608 Thanh toan tien dich vu Thang 02.2025 FT25042320226654 -CTLNHDI00001119141154-1/1-CRE-002	72866666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
339	11/02/2025 08:25:52	11/02/2025	DD	0.00	1,401,225.00	497,496,716.00	1614	990CT LN4	99000 0	TKThe :011704060129989 tai VIB. D.2905 Thanh toan phi dich vu thang: 02-2025 -CTLNHDI00001119190686-1/1-CRE-002	01170406 0129989	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
340	11/02/2025 08:46:55	11/02/2025	DD	0.00	834,525.00	498,331,241.00	1615	990B2 BIN	990000	TKThe :2579898888] tại MSCBVNVX. S3.2715 Thanh toán Dvxe T22024 - B2B0200970422021108465420 259VTW218840	257989888	TRINH THI HUE	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
341	11/02/2025 09:47:14	11/02/2025	DD	0.00	800,000.00	499,131,241.00	1616	990CT LN4	990000	TKThe :19031680527011] tại Techcombank. S3 1204 thanh toán phí dịch vụ tháng 02.2025 FT2504285285104 -CTLNHDI000011119649016-1/1-CRE-002	19031680527011	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thương Việt Nam
342	11/02/2025 12:40:27	11/02/2025	DD	0.00	688,950.00	499,820,191.00	1617	990B2 BIN	990000	TKThe :6823061997] tại MSCBVNVX. Toa S4 can ho 1201 Thanh toán phí dịch vụ tháng 2 2025 - B2B0200970422021112402620 25081F142548	6823061997	PHAN MINH TU AN	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
343	11/02/2025 13:40:25	11/02/2025	DD	0.00	870,775.00	500,690,966.00	1618	9900 MNISM B	217000	1260000151 PHAM THI THANH Chuyen tien PDV T2 2025 CH 3315 S4 Nguyen Thi Ngoc Thuy	2170003655	PHAM THI THANH	BIDV
344	11/02/2025 15:22:13	11/02/2025	DD	0.00	1,159,350.00	501,850,316.00	1619	990CT LN4	990000	TKThe :19022818423025] tại Techcombank. S1 0810 chuyen phi dv xe may xe dap thang 2 FT25042875927830 -CTLNHDI000011121608408-1/1-CRE-002	19022818423025	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thương Việt Nam
345	11/02/2025 15:26:30	11/02/2025	DD	0.00	765,675.00	502,615,991.00	1620	990CT LN4	990000	TKThe :10000450846] tại Tienphongbank. S30508 thanh toán tien dich vu thang 02 2025 -CTLNHDI000011121635690-1/1-CRE-002	10000450846	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
346	11/02/2025 16:07:16	11/02/2025	DD	0.00	788,550.00	503,404,541.00	1621	990CT LN4	990000	TKThe :0976085892] tại CAKE by VPBank. 12a05 s3 tt tien dvu t2 2025 -CTLNHDI000011121906895-1/1-CRE-002	0976085892	TRAN THAI HA 136 ho tung mauVietnam	Ngân hàng so CAKE by VPBank
347	11/02/2025 17:20:02	11/02/2025	DD	0.00	698,400.00	504,102,941.00	1622	9900 MNISM B	460155	1260000151 S3.4011 TTDV. gui xe may T2.2025	4603479392	NGUYEN THE CHIEN	BIDV
348	11/02/2025 19:13:36	11/02/2025	DD	0.00	711,975.00	504,814,916.00	1623	990CT LN4	990000	TKThe :19031773461019] tại Techcombank. 231054 phi dich vu T2 2025 FT25042623681140 -CTLNHDI000011123225095-1/1-CRE-002	19031773461019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thương Việt Nam
349	11/02/2025 20:05:33	11/02/2025	DD	0.00	768,150.00	505,583,066.00	1624	990CT LN4	990000	TKThe :29831989] tại ACB. S4.3009 THANH TOAN TIEN DICH VU VA XE MAY THANG 02/2025-110225-20:05:33 189825 -CTLNHDI000011123537159-1/1-CRE-002	29831989	PERS863077	NH TMCP A Chau
350	11/02/2025 20:48:49	11/02/2025	DD	0.00	949,800.00	506,532,866.00	1625	9900 MNISM B	260152	1260000151 D3902 thanh toán phi quan ly] xe may] xe dap t02.2025	2600539059	PHAM THI HONG NHUNG	BIDV
351	11/02/2025 21:20:38	11/02/2025	DD	0.00	1,190,625.00	507,723,491.00	1626	990CT LN4	990000	TKThe :11520635718019] tại Techcombank. D.12B04 TT phi dich vu va gui 01 xe dap T2.2025 FT25043806669340 -CTLNHDI000011123956158-1/1-CRE-002	11520635718019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thương Việt Nam
352	11/02/2025 21:52:15	11/02/2025	DD	0.00	697,575.00	508,421,066.00	1627	990B2 BIN	990000	TKThe :107868056821] tại ICBVVNVX. s3.0911 tt tien dich vu t02-2025 - B2B0200970415021121521420 25IKI7338247	107868056821	VU HANH HOP	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
353	12/02/2025 00:58:17	12/02/2025	DD	0.00	1,173,600.00	509,594,666.00	1628	990B2 BIN	990000	TKThe :1026158122] tại BFTVVNVX. MBVCB.8505484827.776955.S2-12B03 Thanh toán tien dich vu thang 2/2025. CT tu 1026158122 CAO MANH HUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG - B2B0200970436021123462520 25DBhx776955; thoi gian GD:11/02/2025 23:46:25	1026158122	CAO MANH HUNG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
354	12/02/2025 06:14:56	12/02/2025	DD	0.00	1,395,150.00	510,989,816.00	1629	990B2 BIN	990000	TKThe :8310106986008] tại MSCBVNVX. can D.2001 thanh toán phi dich vu t2.2025 va phi gui xe may xe dap 02.2025 - B2B0200970422021206145520 25TKI234253	8310106986008	CHU THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
355	12/02/2025 06:37:27	12/02/2025	DD	0.00	1,210,425.00	512,200,241.00	1630	990B2 BIN	990000	TKThe :9815658899] tại BFTVVNVX. MBVCB.8505988175.089872.S3.2002] thanh toán tien DV Thang 2-2025. CT tu 9815658899 HOANG TRUNG KIEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU. B2B0200970436021206372720 25DBej089872	9815658899	HOANG TRUNG KIEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
356	12/02/2025 09:17:32	12/02/2025	DD	0.00	1,014,600.00	513,214,841.00	1631	990B2 BIN	990000	TKThe :108872418782] tại ICBVVNVX. D12B02 thanh toán tien dich vu gui xe thang 2 - 2025 - B2B0200970415021209173120 25f3mj848245	108872418782	HOANG THI THU HA	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Corresp Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
357	12/02/2025 10:59:35	12/02/2025	DD	0.00	32,500,000.00	545,714,841.00	1632	990CTLNH4	990000	TKThe :03101010020352 tại MSB. TT Thu lao BQT khu 5 tháng 01/2025 tại GMC -CTLNHIDI000011125999921-1/1-CRE-002	0310101020352	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hàng Hải Việt Nam
358	12/02/2025 16:21:06	12/02/2025	DD	0.00	1,052,400.00	546,767,241.00	1633	990CTLNH4	990000	TKThe :403909999 tại VIB. D2106 nopp phi dich vu va xe may T2.2025 -CTLNHIDI000011127840012-1/1-CRE-002	403909999	ACC 970418	NH TMCP Quốc Tế
359	12/02/2025 17:02:34	12/02/2025	DD	0.00	1,238,550.00	548,005,791.00	1634	990MNMISMB	160000	1260000151 D3301 nopp phi dv	1160127540	NGUYEN THI NGAN	BIDV
360	12/02/2025 17:44:52	12/02/2025	DD	0.00	1,150,000.00	549,155,791.00	1635	990B2BIN	990000	TKThe :0011000708305 tại BFTVVNVX. MBVCB.8511910933.823134.CH 0511 S2 phi DV T2/2025.CT tu 0011000708305 CAO TIEN NAM toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT-B2B0200970436021217445620 25DBeg823134	0011000708305	CAO TIEN NAM	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
361	12/02/2025 18:14:07	12/02/2025	DD	0.00	1,464,450.00	550,620,241.00	1636	990CTLNH4	990000	TKThe :0974025105 tại VPBank. S2-12A07 - Thanh toán tiền phi dich vu thang 02-2025 -CTLNHIDI000011128636465-1/1-CRE-002	0974025105	BUI THI VAN	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vuong
362	12/02/2025 19:03:06	12/02/2025	DD	0.00	900,150.00	551,520,391.00	1637	990ACHIN	990000	TKThe :170810301001011 tại EXIMBANK. ACH/Toa S3 can ho 1606 Thanh toán tiền phi dich vu phi gui xe may thang 2.2025 -ACH0200970431021219030320 25328b401728	170810301001011	BUI TRONG DUC HIEU	NGAN HANG TMCP XUAT NHAP KHAU VIET NAM - EXIMBANK
363	12/02/2025 20:00:53	12/02/2025	DD	0.00	701,700.00	552,222,091.00	1638	990B2BIN	990000	TKThe :0971802318 tại MSCBVNVX. S4 604 TTDV va phi xe may T2 2025 -B2B0200970422021220005220 25L4E8547564	0971802318	PHUNG THI THUY DUONG	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
364	12/02/2025 20:05:34	12/02/2025	DD	0.00	899,325.00	553,121,416.00	1639	990B2BIN	990000	TKThe :0700100396666 tại MSCBVNVX. S3.1114 tt phi dich vu va tien gui xe may t2.2025 -B2B0200970422021220053320 255451622467	0700100396666	TRAN THI THUY	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
365	12/02/2025 20:18:59	12/02/2025	DD	0.00	1,061,850.00	554,183,266.00	1640	990B2BIN	990000	TKThe :106867659436 tại ICBVVNVX. s2 1811 ck phi dvu va txe may T2 -B2B0200970415021220185920 25uP21691631	106867659436	LE THI KIM PHUONG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
366	12/02/2025 21:08:36	12/02/2025	DD	0.00	900,975.00	555,084,241.00	1641	990B2BIN	990000	TKThe :0011004043105 tại BFTVVNVX. MBVCB.8514036937.198706.Ca n ho 111454 ck phi quan ly+ gui xe may thang 2/2025.CT tu 0011004043105 PHAM HUONG GIAN toi 1260000151 BAN QUA-B2B0200970436021221083620 25DByv198706	0011004043105	PHAM HUONG GIANG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
367	12/02/2025 21:25:03	12/02/2025	DD	0.00	932,700.00	556,016,941.00	1642	990B2BIN	990000	TKThe :107868846918 tại ICBVVNVX. QR - S2 1001 thanh toán dich vu thang 02-2025 -B2B0200970415021221250320 25jbnR842649	107868846918	CAO BINH PHUONG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
368	13/02/2025 13:59:30	13/02/2025	DD	0.00	112,942.00	556,129,883.00	1643	990CTLNH4	990000	TKThe :19034039567019 tại Techcombank. D1008 thanh toán tien dich vu thang 2 bo sung FT25044554832195 -CTLNHIDI000011132677399-1/1-CRE-002	19034039567019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Kỹ Thương Việt Nam
369	13/02/2025 16:34:05	13/02/2025	DD	0.00	1,276,350.00	557,406,233.00	1644	990B2BIN	990000	TKThe :0011004288760 tại BFTVVNVX. MBVCB.8520454832.226485.D3 601 ck tien xe may va phi DV thang 2 nam 2025.CT tu 0011004288760 HA THI TUYET NHUNG toi 1260000151 BAN QUAN T- B2B0200970436021316340420 25DBuf226485	0011004288760	HA THI TUYET NHUNG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
370	13/02/2025 17:16:01	13/02/2025	DD	0.00	1,239,225.00	558,645,458.00	1645	990B2BIN	990000	TKThe :0711000229784 tại BFTVVNVX. MBVCB.8520936951.536608.toa Diamond can 0905 thanh toán tien dich vu thang 2/2025.CT tu 0711000229784 VU TRONG DAI toi 1260000151 BAN QU- B2B0200970436021317160120 25DBmt536608	0711000229784	VU TRONG DAI	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
371	13/02/2025 17:26:49	13/02/2025	DD	0.00	1,201,425.00	559,846,883.00	1646	990CTLNH4	990000	TKThe :069704060001810 tại VIB. D1804 thanh toán phi dich vu thang 2.2025 -CTLNHIDI000011134023898-1/1-CRE-002	069704060001810	ACC 970418	NH TMCP Quốc Tế

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
372	13/02/2025 18:19:18	13/02/2025	DD	0.00	1,368,150.00	561,215,033.00	1647	990B2 BIN	990000	TKThe :0361001544437 tại BFTVVNVX. MBVCB.8521668910.015871.To a D can ho 0701 Thanh toan phi dich vu thang 2/2025.CT tu 0361001544437 THE HAI NAM toi 1260000151 BAN QUAN TR-B2B0200970436021318192120 25DBgt015871	0361001544437	THE HAI NAM	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
373	13/02/2025 19:01:31	13/02/2025	DD	0.00	699,225.00	561,914,258.00	1648	990CT LN4	990000	TKThe :19036327631018 tại Techcombank. S3.0512 thanh toan tien dich vu thang 02.2025 FT25044161607955 -CTLNHIDI000011134655142-1/1-CRE-002	19036327631018	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
374	13/02/2025 19:16:06	13/02/2025	DD	0.00	1,060,200.00	562,974,458.00	1649	990CT LN4	990000	TKThe :03501012723622 tại MSB. S2.1108 thanh ton tien phi dich vi va xe thang 2/2025 -CTLNHIDI000011134743492-1/1-CRE-002	03501012723622	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
375	13/02/2025 19:42:09	13/02/2025	DD	0.00	997,875.00	563,972,333.00	1650	990 MNISM B	260000	1260000151 S1.12A06 thanh toan phi dich vu ve may thang 2.2025	2601258302	TRAN THI DIEM HUONG	BIDV
376	13/02/2025 19:47:41	13/02/2025	DD	0.00	1,282,425.00	565,254,758.00	1651	990CT LN4	990000	TKThe :186997368 tại VPBank. D4004 tt phi dv t2 -CTLNHIDI000011134933714-1/1-CRE-002	186997368	LE HONG GIANG	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
377	13/02/2025 19:56:12	13/02/2025	DD	0.00	921,150.00	566,175,908.00	1652	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000258271 tại BFTVVNVX. MBVCB.8522695991.682763.S3.12A03 thanh toan phi dv thang 2/2025.CT tu 0451000258271 NGUYEN THI MAI HANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA - B2B0200970436021319561220 25DBrc682763	0451000258271	NGUYEN THI MAI HANH	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
378	14/02/2025 08:23:50	14/02/2025	DD	0.00	1,266,225.00	567,442,133.00	1653	990B2 BIN	990000	TKThe :0966669899999 tại MSCBVNVX. D0904 thanh toan tien dich vu va xe may thang 2.2025 - B2B0200970422021408234920 25CM4Y732962	0966669899999	NGUYEN XUAN TIEN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
379	14/02/2025 08:46:42	14/02/2025	DD	0.00	932,250.00	568,374,383.00	1654	990CT LN4	990000	TKThe :0914156512 tại Shinhan Bank V. S2 0908 TT PHI DV T2.2025 -CTLNHIDI000011136552320-1/1-CRE-002	0914156512	HOANG THI HUYEN SHBVN IBFT	NH TNHH MTV Shinhan Viet Nam
380	14/02/2025 09:48:47	14/02/2025	DD	0.00	1,079,400.00	569,453,783.00	1655	990B2 BIN	990000	TKThe :1200209334323 tại VBAAVNVX. BIDV.1260000151.D3206 thanh toan tien dich vu thang 2 2025 - B2B0200970405021409484720 25MPSQ058150	1200209334323	LUU NGOC TUAN	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank
381	14/02/2025 09:54:51	14/02/2025	DD	0.00	987,600.00	570,441,383.00	1656	990 MNISM B	128000	1260000151 D2502 thanh toan phi dich vu thang 2 2025	1281077539	DINH TUAN TRUNG	BIDV
382	14/02/2025 11:40:08	14/02/2025	DD	0.00	700,875.00	571,142,258.00	1657	990CT LN4	990000	TKThe :5859998599999 tại VPBank. S31616 tt dv t22025 -CTLNHIDI000011137657446-1/1-CRE-002	5859999859999	DANG VIET QUANG	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
383	14/02/2025 14:28:11	14/02/2025	DD	0.00	868,000.00	572,010,258.00	1658	990 MNISM B	125000	1260000151 S2 1601 TT PHI DV T 2.2025	1251028411	NGUYEN THI HUYEN	BIDV
384	14/02/2025 14:56:39	14/02/2025	DD	0.00	922,801.00	572,933,059.00	1659	990CT LN4	990000	TKThe :682768688 tại ACB. D2007 THANH TOAN PHI DV 2.2025-140225-14:56:38 936774 -CTLNHIDI000011138819805-1/1-CRE-002	682768688	PERS8990245	NH TMCP A Chau
385	14/02/2025 16:46:26	14/02/2025	DD	0.00	700,050.00	573,633,109.00	1660	990B2 BIN	990000	TKThe :0898148549 tại MSCBVNVX. s31604 thanh toan phi dich vu thang 22025 - B2B0200970422021416462520 256FPI117451	0898148549	BUI THI THUY	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
386	14/02/2025 19:30:00	14/02/2025	DD	0.00	633,600.00	574,266,709.00	1661	990CT LN4	990000	TKThe :03801019916057 tại MSB. 4012A nop tien phi dv t2 -CTLNHIDI000011140854776-1/1-CRE-002	03801019916057	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
387	14/02/2025 19:49:50	14/02/2025	DD	0.00	922,800.00	575,189,509.00	1662	990B2 BIN	990000	TKThe :103871741322 tại ICBVVNVX. D.1207 tt phi dvu t2-2025 - B2B0200970415021419495020 25gYov115419	103871741322	TRAN THI HANG NGA	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
388	14/02/2025 20:45:42	14/02/2025	DD	0.00	796,425.00	575,985,934.00	1663	990CT LN4	990000	TKThe :102026666 tại VIB. S3.1512A TTDV T2.2025 -CTLNHIDI000011141355767-1/1-CRE-002	102026666	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
389	14/02/2025 22:14:17	14/02/2025	DD	0.00	1,174,425.00	577,160,359.00	1664	990CT LN4	990000	TKThe :19030712141686 tại Techcombank. D2904 thanh toan phi dich vu va xe may t22025 FT25046464714346 -CTLNHIDI00001114840132-1/1-CRE-002	19030712141686	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
390	14/02/2025 22:31:53	14/02/2025	DD	0.00	947,325.00	578,107,684.00	1665	990CT LN4	990000	TKThe :85743899 tại VPBank. Can S3 0803 thanh toan phi dich vu thang 2 nam 2025 -CTLNHIDI000011141911536-1/1-CRE-002	85743899	NGUYEN T VAN HA	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
391	14/02/2025 22:40:25	14/02/2025	DD	0.00	632,775.00	578,740,459.00	1666	9900 MNISM B	211000	1260000151 533412A thanh toán tiền dịch vụ tháng 02/2025	2110713785	NGUYEN NGOC TUNG	BIDV
392	14/02/2025 22:41:14	14/02/2025	DD	0.00	64,800.00	578,805,259.00	1667	9900 MNISM B	211000	1260000151 533412A thanh toán gửi xe máy tháng 02/2025	2110713785	NGUYEN NGOC TUNG	BIDV
393	14/02/2025 23:30:23	14/02/2025	DD	0.00	834,525.00	579,639,784.00	1668	9900 CT LN H4	990000	TKThe :19029970163017] tại Techcombank. CH2506 S3 NOP PHI DV TH2 FT25046008900328 -CTLNHIDI00001142092907-1/1-CRE-002	19029970163017	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
394	15/02/2025 07:46:27	15/02/2025	DD	0.00	1,052,400.00	580,692,184.00	1669	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0451001323492] tại BFTVVNVX. MBVCB.8535662656.889657.D2 806 thanh toán tiền dịch vụ và xe tháng 2/2025. CT tu 0451001323492 PHAM THI HONG NHUNG toi 1260000151 BAN QUAN. B2B0200970436021507462720 25DBqz889657	0451001323492	PHAM THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
395	15/02/2025 08:16:57	15/02/2025	DD	0.00	922,800.00	581,614,984.00	1670	9900 CT LN H4	990000	TKThe :1010216090] tại SHB. Toa Diamond can ho D3406 thanh toán tiền dịch vụ và xe máy tháng 2/2025 -CTLNHIDI00001142787463-1/1-CRE-002	1010216090	SHBMB 77THD	NH TMCP Sai Gon Ha Noi
396	15/02/2025 08:31:04	15/02/2025	DD	0.00	1,733,325.00	583,348,309.00	1671	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0491000403851] tại BFTVVNVX. MBVCB.8535972415.084977.D. 2304 thanh toán tiền dịch vụ 2/2025. CT tu 0491000403851 TRAN VAN CHUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG. B2B0200970436021508310420 25DBcc084977	0491000403851	TRAN VAN CHUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
397	15/02/2025 08:53:00	15/02/2025	DD	0.00	761,550.00	584,109,859.00	1672	9900 CT LN H4	990000	TKThe :19031911299996] tại Techcombank. S3 2011 TT phi dich vu va gui xe T2.2025 FT25046130837764 -CTLNHIDI00001142968744-1/1-CRE-002	19031911299996	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
398	15/02/2025 10:26:43	15/02/2025	DD	0.00	1,341,150.00	585,451,009.00	1673	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0560104378008] tại MSCBVNVX. D4008 thanh toán tiền phí dịch vụ và xe máy T2 254Z67641294	0560104378008	NGUYEN HAI HA	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
399	15/02/2025 11:02:28	15/02/2025	DD	0.00	194,400.00	585,645,409.00	1674	9900 CT LN H4	990000	TKThe :1190936403268] tại PG Bank. TRAN MANH HUNG Toa S3] can ho 1104] thanh toán phí dịch vụ xe máy tháng 1/2025 -CTLNHIDI000011143768540-1/1-CRE-002	1190936403268	TRAN MANH HUNG	NH TMCP Thịnh vượng và phát triển
400	15/02/2025 11:04:45	15/02/2025	DD	0.00	636,075.00	586,281,484.00	1675	9900 CT LN H4	990000	TKThe :1190936403268] tại PG Bank. TRAN MANH HUNG Toa S3 can ho 1104] Thanh toán phí quản lý tháng 1/2025 -CTLNHIDI000011143783782-1/1-CRE-002	1190936403268	TRAN MANH HUNG	NH TMCP Thịnh vượng và phát triển
401	15/02/2025 11:05:22	15/02/2025	DD	0.00	1,029,750.00	587,311,234.00	1676	9900 MNISM B	452151	1260000151 S3.0514 thanh toán tiền dịch vụ tháng 02.2025	4520173465	NGUYEN VIET HUNG	BIDV
402	15/02/2025 11:14:26	15/02/2025	DD	0.00	1,043,025.00	588,354,259.00	1677	9900 CT LN H4	990000	TKThe :0966166384] tại VPBank. S312a02 ckphi dich vu thang 2 -CTLNHIDI000011143846858-1/1-CRE-002	0966166384	NGUYEN THI TRANG NHUNG	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
403	15/02/2025 11:37:12	15/02/2025	DD	0.00	646,223.00	589,000,482.00	1678	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0491001936605] tại BFTVVNVX. MBVCB.8537730161.211613.s3. 1514 thanh toán phí dịch vụ tháng 2/2025. CT tu 0491001936605 HOANG HUU THANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA. B2B0200970436021511371620 25DBio211613	0491001936605	HOANG HUU THANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
404	15/02/2025 11:40:30	15/02/2025	DD	0.00	1,193,850.00	590,194,332.00	1679	9900 B2 BIN	990000	TKThe :1015537839] tại BFTVVNVX. MBVCB.8537762420.233531.s2. 0509 thanh toán phí dv và gui xe .CT tu 1015537839 PHAM THI HIEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHI. B2B0200970436021511403420 25DBvx233531	1015537839	PHAM THI HIEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
405	15/02/2025 12:45:15	15/02/2025	DD	0.00	899,325.00	591,093,657.00	1680	9900 CT LN H4	990000	TKThe :04262769999] tại Tienphongbank. S3.1607 tt phi dv 2.2025 -CTLNHIDI00001144424898-1/1-CRE-002	04262769999	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
406	15/02/2025 13:20:58	15/02/2025	DD	0.00	1,113,225.00	592,206,882.00	1681	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0978156804] tại MSCBVNVX. S3.3602 Thanh toán phí dịch vụ T2/2025 B2B0200970422021513205720 2538P7803138	0978156804	NGUYEN HUONG THUY	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
407	15/02/2025 13:31:06	15/02/2025	DD	0.00	987,600.00	593,194,482.00	1682	9900 B2 BIN	990000	TKThe :104867417140] tại ICBVVNVX. QR - toa diamond can hod2602 thanh toán phí dịch vụ tháng 2.2025 B2B0200970415021513310520 25gYB1683226	104867417140	DO VAN LUC	Ngân hàng TMCP Công Thuong Viet Nam VietinBank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
408	15/02/2025 14:14:41	15/02/2025	DD	0.00	767,325.00	593,961,807.00	1683	990CTLNH4	990000	TKThe :19034697616015 tại Techcombank. S3.0817 thanh toán phí dịch vụ và gửi xe máy tháng 2 FT25046582989074 -CTLNHIDI000011144886489-1/1-CRE-002	19034697616015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
409	15/02/2025 14:30:22	15/02/2025	DD	0.00	763,200.00	594,725,007.00	1684	990CTLNH4	990000	TKThe :168652275 tại VPBank. S42811 tt phí dv t2.2025 -CTLNHIDI000011144970179-1/1-CRE-002	168652275	KHUAT HONG MINH	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
410	15/02/2025 17:58:10	15/02/2025	DD	0.00	1,088,025.00	595,813,032.00	1685	990CTLNH4	990000	TKThe :19028649563015 tại Techcombank. S2.3308 tt PDV tháng 2.2025 FT25046306500562 -CTLNHIDI000011146400871-1/1-CRE-002	19028649563015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
411	15/02/2025 20:16:00	15/02/2025	DD	0.00	927,150.00	596,740,182.00	1686	990CTLNH4	990000	TKThe :19031009434015 tại Techcombank. S3-4015 thanh toán tiền phí dịch vụ và tiền gửi xe FT25046577148800 -CTLNHIDI000011147290030-1/1-CRE-002	19031009434015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
412	15/02/2025 23:12:06	15/02/2025	DD	0.00	793,200.00	597,533,382.00	1687	990B2BIN	990000	TKThe :0962649278 tại MSCBVNX. s4 1905 tt phí dvu tháng 2 2025 -B2B020097042202152312042025X02522580	0962649278	NGUYEN THU TRANG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
413	16/02/2025 14:54:10	16/02/2025	DD	0.00	725,400.00	598,258,782.00	1688	990CTLNH4	990000	TKThe :19032624280016 tại Techcombank. S3.1205 nop phi quan ly va phi gui xe thang 2.2025 FT25048028899461 -CTLNHIDI000011150812626-1/1-CRE-002	19032624280016	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
414	16/02/2025 16:16:27	16/02/2025	DD	0.00	698,400.00	598,957,182.00	1689	990MNMISMB	215152	1260000151 S4.0613 Thanh toán tiền dịch vụ tháng 2.2025	2151646004	NGUYEN THI BINH MINH	BIDV
415	16/02/2025 19:55:06	16/02/2025	DD	0.00	954,150.00	599,911,332.00	1690	990B2BIN	990000	TKThe :0120100014861 tại MSCBVNX. S3.2907 thanh toán phí dịch vụ tháng 2.2025 -B2B020097042202161955052025EKTf947955	0120100014861	NGUYEN THI KIM OANH	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
416	16/02/2025 20:22:49	16/02/2025	DD	0.00	1,111,275.00	601,022,607.00	1691	990CTLNH4	990000	TKThe :990888999 tại VIB. S2.3203 tt phí dv t2.2025 -CTLNHIDI000011153103612-1/1-CRE-002	990888999	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
417	17/02/2025 01:29:17	17/02/2025	DD	0.00	1,052,400.00	602,075,007.00	1692	990CTLNH4	990000	TKThe :19029689028011 tại Techcombank. D3602 nop tien phi dich vu thang 2 nam 2025 FT25048565997150 -CTLNHIDI000011153969980-1/1-CRE-002	19029689028011	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
418	17/02/2025 10:28:18	17/02/2025	DD	0.00	1,016,025.00	603,091,032.00	1693	990CTLNH4	990000	TKThe :19033935636015 tại Techcombank. S3 3302 phi dv FT25048716083551 -CTLNHIDI000011155369551-1/1-CRE-002	19033935636015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
419	17/02/2025 11:12:28	17/02/2025	DD	0.00	635,250.00	603,726,282.00	1694	990CTLNH4	990000	TKThe :03147955301 tại Tienphongbank. s32108 thanh toán phí dịch vụ t2.2025 -CTLNHIDI000011155670122-1/1-CRE-002	03147955301	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
420	17/02/2025 16:21:59	17/02/2025	DD	0.00	635,250.00	604,361,532.00	1695	990B2BIN	990000	TKThe :0451000399031 tại BFTVVNX. MBVCB.8559222332.006795.S3 3708 ck phi dich vu T02 2025.CT tu 0451000399031 NGUYEN THU HANG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAP- B2B020097043602171621592025DBxn006795	0451000399031	NGUYEN THU HANG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
421	17/02/2025 17:53:59	17/02/2025	DD	0.00	948,000.00	605,309,532.00	1696	990CTLNH4	990000	TKThe :19022040318016 tại Techcombank. CH0403s3 goldmark tt phí dịch vụ . Xe đạp xe máy FT25048477838891 -CTLNHIDI000011158307108-1/1-CRE-002	19022040318016	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
422	17/02/2025 19:43:25	17/02/2025	DD	0.00	640,000.00	605,949,532.00	1697	990B2BIN	990000	TKThe :0963271976 tại MSCBVNX. TRAN THI TAM S3.2017 chuyen tien phi dich vu thang 2.2025 -B2B02009704220217194324202565HQ318402	0963271976	TRAN THI TAM	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
423	17/02/2025 22:04:17	17/02/2025	DD	0.00	767,325.00	606,716,857.00	1698	990CTLNH4	990000	TKThe :1080007257500000 tại PVcombank. S4 2317 chuyen tien dich vu thang 2 2025 -CTLNHIDI000011159791181-1/1-CRE-002	108000725750	Bui Minh Quang HA NOI	NH TMCP Dai chung Viet nam
424	18/02/2025 04:48:02	18/02/2025	DD	0.00	761,550.00	607,478,407.00	1699	990B2BIN	990000	TKThe :0763462828 tại MSCBVNX. S3 0812A thanh toán tiền dịch vụ và xe máy -B2B020097042202180448012025Q7Q902249	0763462828	PHAM QUOC DAI	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
425	18/02/2025 15:49:34	18/02/2025	DD	0.00	829,650.00	608,308,057.00	1700	990B2BIN	990000	TKThe :1012825692 tại BFTVVNX. MBVCB.8568392767.885562.s4. 1616 tt phí dịch vụ và phí gửi xe FT2.2025.CT tu 1012825692 NGUYEN THI OANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG- B2B020097043602181549332025DBjk885562	1012825692	NGUYEN THI OANH	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
426	18/02/2025 18:42:56	18/02/2025	DD	0.00	899,325.00	609,207,382.00	1701	990CTLNH4	990000	TKThe :19850309001 tại Tienphongbank. S3.1007 nophi dich vu T2.2025 -CTLNHIDI000011164489004-1/1-CRE-002	19850309001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
427	18/02/2025 20:18:48	18/02/2025	DD	0.00	635,250.00	609,842,632.00	1702	990CTLNH4	990000	TKThe :03801011878382 tại MSB. S3.1804 thanh toan tien dich vu 2/2025 -CTLNHIDI000011165076865-1/1-CRE-002	03801011878382	MSB 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
428	18/02/2025 20:31:43	18/02/2025	DD	0.00	634,425.00	610,477,057.00	1703	990CTLNH4	990000	TKThe :065704060070347 tại VIB. S3 0208 TT phi dv T2 2025 -CTLNHIDI000011165149372-1/1-CRE-002	065704060070347	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
429	18/02/2025 20:32:50	18/02/2025	DD	0.00	129,600.00	610,606,657.00	1704	990CTLNH4	990000	TKThe :065704060070347 tại VIB. S3 0208 TT phi gui xe may T2 2025 -CTLNHIDI000011165155841-1/1-CRE-002	065704060070347	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
430	18/02/2025 21:39:43	18/02/2025	DD	0.00	1,050,997.00	611,657,654.00	1705	990B2BIN	990000	TKThe :0983929641 tại MSCBVNX. s3 1703 dong phi qldv va xe may 02 2025 B2B020097042202182139422025XZGF669507	0983929641	NGUYEN DOAN HOA	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
431	19/02/2025 09:11:37	19/02/2025	DDM	715,000.00	0.00	610,942,654.00	1706	990TPBSMS	126152	PHI BSMS T01.2025. MA KH14259016.			
432	19/02/2025 09:13:53	19/02/2025	DD	0.00	904,725.00	611,847,379.00	1707	990CTLNH4	990000	TKThe :19027596927013 tại Techcombank. S3.0810 thanh toan tien dich vu T02.2025 FT25050224063268 -CTLNHIDI000011166758563-1/1-CRE-002	19027596927013	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
433	19/02/2025 09:35:13	19/02/2025	DD	0.00	926,425.00	612,773,804.00	1708	990CTLNH4	990000	TKThe :03886011111189 tại MSB. D807 phi dich vu T02.2025 -CTLNHIDI000011166878433-1/1-CRE-002	0388601111189	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
434	19/02/2025 15:17:09	19/02/2025	DD	0.00	985,950.00	613,759,754.00	1709	990CTLNH4	990000	TKThe :934363899 tại VIB. can s3 3803 cc goldmark 136 HTM dong tien qldv va tien gui xe may t2 nam 2025 -CTLNHIDI000011168846891-1/1-CRE-002	934363899	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
435	19/02/2025 17:04:32	19/02/2025	DD	0.00	1,016,025.00	614,775,779.00	1710	990CTLNH4	990000	TKThe :03601018914292 tại MSB. Can ho s3.2702 ct phi dich vu thang 2/2025 -CTLNHIDI000011169582760-1/1-CRE-002	03601018914292	MSB 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
436	19/02/2025 19:37:52	19/02/2025	DD	0.00	632,000.00	615,407,779.00	1711	990CTLNH4	990000	TKThe :19035068657015 tại Techcombank. s3 2111 dich vu t2 FT25050480149470 -CTLNHIDI000011170630606-1/1-CRE-002	19035068657015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
437	19/02/2025 20:09:28	19/02/2025	DD	0.00	974,325.00	616,382,104.00	1712	990CTLNH4	990000	TKThe :19033937069010 tại Techcombank. S3.1803 tt tien dvu thang 2.2025 FT25050364647595 -CTLNHIDI000011170814631-1/1-CRE-002	19033937069010	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
438	19/02/2025 22:32:10	19/02/2025	DD	0.00	861,525.00	617,243,629.00	1713	990B2BIN	990000	TKThe :198766966666 tại MSCBVNX. s3.2614 thanh toan tien phi dich vu thang 2.2025 B2B020097042202192232092025KEZH679506	198766966666	NGUYEN THI HUYN TRANG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
439	20/02/2025 08:12:50	20/02/2025	DD	0.00	933,075.00	618,176,704.00	1714	990CTLNH4	990000	TKThe :19035796261012 tại Techcombank. S2.2206 dong phi dich vu thang 2 2025 FT25051687906069 -CTLNHIDI000011172269884-1/1-CRE-002	19035796261012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
440	20/02/2025 08:36:23	20/02/2025	DD	0.00	769,800.00	618,946,504.00	1715	9900MNISM B	220000	1260000151 0517 S3 thanh toan phi quan ly va phi gui xe may thang 02.2025	2206752737	NGUYEN VAN QUYET	BIDV
441	20/02/2025 11:18:30	20/02/2025	DD	0.00	718,951.00	619,665,455.00	1716	990CTLNH4	990000	TKThe :2903199869 tại Techcombank. S3.3709 thanh toan dich vu t22025 FT25051504374041 -CTLNHIDI000011173372344-1/1-CRE-002	2903199869	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
442	20/02/2025 13:00:58	20/02/2025	DD	0.00	987,600.00	620,653,055.00	1717	9900MNISM B	452152	1260000151 D3307 LE THI HOAI	4520549853	PHAM VAN THANH	BIDV
443	20/02/2025 20:41:31	20/02/2025	DD	0.00	1,168,200.00	621,821,255.00	1718	990CTLNH4	990000	TKThe :03301010701376 tại MSB. S2.12B08 thanh toan phi dich vu thang 2.2025 (tru tien nuoc) -CTLNHIDI000011177108042-1/1-CRE-002	03301010701376	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
444	24/02/2025 15:44:57	24/02/2025	DW	170,300,497.00	0.00	451,520,758.00	1719	176634	217000	REF217A25214E0D6NED B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DICH VU LAN 1 THANG 2/2025	03101010639008	CTCP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
445	24/02/2025 15:44:57	24/02/2025	DDM	74,932.00	0.00	451,445,826.00	1720	176634	217000	REF217A25214E0D6NED B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DICH VU LAN 1 THANG 2/2025			

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
446	24/02/2025 18:33:06	24/02/2025	DD	0.00	761,550.00	452,207,376.00	1721	990B2 BIN	990000	TKThe :105871850068 tại ICBVVNVX. S3.2112A tt PDV T2-2025 - B2B0200970415022418330520 25jmM5812094	105871850068	NGUYEN THI HANG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
447	25/02/2025 01:02:58	25/02/2025	IIPD	0.00	85,500.00	452,292,876.00	1722		0	Thanh toán lại tháng 02/2025			
448	04/03/2025 09:36:20	04/03/2025	DW	1,929,750.00	0.00	450,363,126.00	1723	176634	217000	REF217A253053U5F4NL B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BOT NCC SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 2 THANG 2/2025	03101010639008	CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
449	04/03/2025 09:36:20	04/03/2025	DDM	22,000.00	0.00	450,341,126.00	1724	176634	217000	REF217A253053U5F4NL B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BOT NCC SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 2 THANG 2/2025			
450	07/03/2025 07:21:10	07/03/2025	DD	0.00	1,193,025.00	451,534,151.00	1725	990B2 BIN	990000	TKThe :0934943493 tại MSCBVNVX. S20505 dong phi duu xe T3.2025 - B2B0200970422030707210820 25E177876903	0934943493	NGUYEN THI BICH	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
451	07/03/2025 07:33:24	07/03/2025	DD	0.00	949,800.00	452,483,951.00	1726	990CT LNH4	990000	TKThe :020013043461 tại Sacombank. IBFT D3506 TT TIEN DICH VU T3 2025 -CTLNHIDI000011272767917-1/1-CRE-002			
452	07/03/2025 07:42:54	07/03/2025	DD	0.00	834,525.00	453,318,476.00	1727	990CT LNH4	990000	TKThe :19029970163017 tại Techcombank. CH 2106 S3 CK phi dv th3 FT25066932778038 -CTLNHIDI000011272813441-1/1-CRE-002			
453	07/03/2025 08:39:58	07/03/2025	DD	0.00	1,017,675.00	454,336,151.00	1728	990B2 BIN	990000	TKThe :0451001284161 tại BFTVVNVX. MBVCB.8733768540.703212.S4 0402 nop phi DV t3/2025.CT tu 0451001284161 BUI MANH HUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT - B2B0200970436030708395720 25DBum703212	0451001284161	BUI MANH HUNG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
454	07/03/2025 08:47:52	07/03/2025	DD	0.00	700,875.00	455,037,026.00	1729	990CT LNH4	990000	TKThe :00302581001 tại Tienphongbank. 12a16s3 thanh toán phi dich vu va phi xe may t3.2025 -CTLNHIDI000011273185605-1/1-CRE-002			
455	07/03/2025 09:03:16	07/03/2025	DD	0.00	1,080,825.00	456,117,851.00	1730	990B2 BIN	990000	TKThe :0902416396 tại MSCBVNVX. s3 1002 dong tien dv t32025 - B2B0200970422030709031420 25GQ59582430	0902416396	NGUYEN MINH CHAU	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
456	07/03/2025 10:11:57	07/03/2025	DD	0.00	767,325.00	456,885,176.00	1731	990B2 BIN	990000	TKThe :0301000299324 tại BFTVVNVX. MBVCB.8734746541.315326.S3. 3609 thanh toán phi quan ly va phi gui xe may thang 3/2025.CT tu 0301000299324 LE XUAN PHUC toi 1260000151 BA- B2B0200970436030710115720 25DBpd315326	0301000299324	LE XUAN PHUC	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
457	07/03/2025 10:18:04	07/03/2025	DD	0.00	1,014,600.00	457,899,776.00	1732	990 MNISM B	260154	1260000151 d2306 ct phi dich vu t3	2601277954	PHAM THI BICH	BIDV
458	07/03/2025 10:22:19	07/03/2025	DD	0.00	1,303,350.00	459,203,126.00	1733	990CT LNH4	990000	TKThe :01750579501 tại Tienphongbank. Phi dich vu D3308 thang 3-2025 -CTLNHIDI000011273837008-1/1-CRE-002			
459	07/03/2025 10:27:42	07/03/2025	DD	0.00	1,238,550.00	460,441,676.00	1734	990 MNISM B	116000	1260000151 D3301 nop phi dv T3	1160127540	NGUYEN THI NGAN	BIDV
460	07/03/2025 10:35:10	07/03/2025	DD	0.00	1,211,550.00	461,653,226.00	1735	990B2 BIN	990000	TKThe :0570109603008 tại MSCBVNVX. PHAM DINH HOAN chuyen tien can ho D1808 thanh toán phi dich vu va phi gui xe may Thang 3/2025 - B2B0200970422030710350920 25HV27783489	0570109603008	PHAM DINH HOAN	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
461	07/03/2025 10:38:10	07/03/2025	DD	0.00	959,700.00	462,612,926.00	1736	990 MNISM B	125000	1260000151 S2 1601 TT PHI DV T 2.2025	1251028411	NGUYEN THI HUYEN	BIDV
462	07/03/2025 10:59:20	07/03/2025	DD	0.00	698,400.00	463,311,326.00	1737	990 MNISM B	471000	1260000151 S3.1105 TT phi dich vu 03.2025	4710694451	TRAN TRUNG KIEN	BIDV
463	07/03/2025 11:31:43	07/03/2025	DD	0.00	642,000.00	463,953,326.00	1738	990CT LNH4	990000	TKThe :19035068657015 tại Techcombank. s3 2111 phi dv t3 FT25066807300644 -CTLNHIDI000011274353086-1/1-CRE-002			



STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
464	07/03/2025 12:19:45	07/03/2025	DD	0.00	1,211,550.00	465,164,876.00	1739	990CTLNH4	990000	TKThe :381666 tại Techcombank. Phạm Đình Thái D.2908 TT tiền phí DV XM T3-2025 FT25066223084594 -CTLNHIDI000011274737349-1/1-CRE-002			
465	07/03/2025 12:40:30	07/03/2025	DD	0.00	1,016,025.00	466,180,901.00	1740	9900MNISM B	501153	1260000151 2902 S3 LE DUY LUC Chuyen tien dich vu thang 3 2025	501050981	LE DUY LUC	BIDV
466	07/03/2025 13:08:04	07/03/2025	DD	0.00	622,500.00	466,803,401.00	1741	990B2BIN	990000	TKThe :1012934559 tại BFTVVNVX. MBVCB.8736751582.592914.To a S3 can ho 4001 Thanh toán phí dịch vụ tháng 3/2025. CT tu 1012934559 NGUYEN THI THANH VAN toi 1260000151 BAN QUA- B2B0200970436030713080420 25DBxh592914	1012934559	NGUYEN THI THANH VAN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
467	07/03/2025 13:48:27	07/03/2025	DD	0.00	639,375.00	467,442,776.00	1742	990B2BIN	990000	TKThe :0963271976 tại MSCBVNVX. TRAN THI TAM S3.3027 chuyen tien phi dich vu thang 3 2025 B2B0200970422030713482620 25JNWL830271	0963271976	TRAN THI TAM	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
468	07/03/2025 14:06:24	07/03/2025	DD	0.00	987,600.00	468,430,376.00	1743	990B2BIN	990000	TKThe :0560105182002 tại MSCBVNVX. Toa D can 3007 TT phi dich vu thang 032025 - B2B0200970422030714062320 25T2GL100952	0560105182002	NGUYEN VAN TINH	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
469	07/03/2025 14:31:01	07/03/2025	DD	0.00	993,600.00	469,423,976.00	1744	990B2BIN	990000	TKThe :1462207014796 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151:140754 chuyen tien DVT3 - B2B0200970405030714310020 252TS6050777	1462207014796	BUI THI HUONG LAN	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Viet Nam Agribank
470	07/03/2025 14:36:18	07/03/2025	DD	0.00	1,028,925.00	470,452,901.00	1745	990CTLNH4	990000	TKThe :19033337381010 tại Techcombank. S3.2414 tt phi dv va gui xe t3.2025 FT25066508505740 -CTLNHIDI000011275620951-1/1-CRE-002			
471	07/03/2025 15:00:04	07/03/2025	DD	0.00	788,550.00	471,241,451.00	1746	990CTLNH4	990000	TKThe :0976085892 tại CAKE by VPBank. 12a05 s3 tt phi dvu t3 2025 -CTLNHIDI000011275787970-1/1-CRE-002			
472	07/03/2025 16:51:37	07/03/2025	DD	0.00	1,145,000.00	472,386,451.00	1747	990CTLNH4	990000	TKThe :10520206507014 tại Techcombank. S2 12b11 thanh toán phí dịch vụ tien nuoc t3.2025 FT25066502680956 -CTLNHIDI00001127668888-1/1-CRE-002			
473	07/03/2025 16:59:00	07/03/2025	DD	0.00	1,440,765.00	473,827,216.00	1748	9900MNISM B	220000	1260000151 PHAN THUY DUNG Chuyen tien phi dv thang 3.2025 .da tru phi nuoc.	2206525814	PHAN THUY DUNG	BIDV
474	07/03/2025 17:10:19	07/03/2025	DD	0.00	832,950.00	474,660,166.00	1749	990CTLNH4	990000	TKThe :8888351888888 tại MB. s4 3109 thanh toán phí dịch vụ t3 2025 -CTLNHIDI000011276912744-1/1-CRE-002			
475	07/03/2025 18:48:29	07/03/2025	DD	0.00	697,575.00	475,357,741.00	1750	9900MNISM B	486000	1260000151 s4.2513 thanh toán tien dich vu T3.2025	4860090668	NGUYEN DANG KHUE	BIDV
476	07/03/2025 19:21:19	07/03/2025	DD	0.00	1,117,200.00	476,474,941.00	1751	9900MNISM B	126151	1260000151 D.0602 nop phi dich vu va xe may T3 . 2025	1260894652	TAO NGOC ANH	BIDV
477	07/03/2025 19:40:42	07/03/2025	DD	0.00	638,550.00	477,113,491.00	1752	990CTLNH4	990000	TKThe :9021606335108 tại BVBank Timo. S3.12A17 thanh toán tiền phí dịch vụ T3.2025 -CTLNHIDI000011278221608-1/1-CRE-002			
478	07/03/2025 19:44:44	07/03/2025	DD	0.00	636,075.00	477,749,566.00	1753	990B2BIN	990000	TKThe :108867412632 tại ICBVVNVX. can ho 54 2604 dong phi dv thang 3 - B2B0200970415030719444420 25OoRn263433	108867412632	DANG THI THUY	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
479	07/03/2025 20:35:00	07/03/2025	DD	0.00	1,052,400.00	478,801,966.00	1754	990B2BIN	990000	TKThe :0451001323492 tại BFTVVNVX. MBVCB.8742267115.137953.D2 806 thanh toán phí dịch vụ tháng 3/2025. CT tu 0451001323492 PHAM THI HONG NHUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NH- B2B0200970436030720345920 25DBY137953	0451001323492	PHAM THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
480	07/03/2025 20:45:26	07/03/2025	DD	0.00	987,600.00	479,789,566.00	1755	990CTLNH4	990000	TKThe :01266027001 tại Tienphongbank. D0607 thanh toán phí dịch vụ tháng 3.2025 -CTLNHIDI000011278689872-1/1-CRE-002			
481	07/03/2025 20:51:13	07/03/2025	DD	0.00	1,363,425.00	481,152,991.00	1756	990CTLNH4	990000	TKThe :2061979999 tại Techcombank. DANG THI KIM NHUNG D3404 FT25066001158533 -CTLNHIDI000011278728053-1/1-CRE-002			

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
482	07/03/2025 21:02:25	07/03/2025	DD	0.00	922,800.00	482,075,791.00	1757	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000322916 tại BFTVVNVX. MBVCB.8742579429.343264.D3 402 Thanh Toán Dịch Vụ+ xe máy t3/2025.CT tu 0451000322916 NGUYEN VAN NGHI toi 126000151 BAN QUAN TRI NHA CHU- B2B0200970436030721022520 25DBco343264	04510003 22916	NGUYEN VAN NGHI	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
483	07/03/2025 21:31:12	07/03/2025	DD	0.00	1,024,875.00	483,100,666.00	1758	990B2 BIN	990000	TKThe :109004517037 tại ICBVVNVX. DANG THI THU HUYEN chuyen tien dich vu can ho 0311 S2 thang 3 - B2B0200970415030721311220 25TbSo583215	10900451 7037	DANG THI THU HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
484	07/03/2025 21:56:17	07/03/2025	DD	0.00	1,492,350.00	484,593,016.00	1759	990M NISM B	215000	1260000151 d0801 ck phi dich vu va xe may xe dap thang 3 2025	21529062 97	NGO THI THU HUYEN	BIDV
485	07/03/2025 23:07:02	07/03/2025	DD	0.00	762,750.00	485,355,766.00	1760	990CT LN4	990000	TKThe :45399998 tại VPBank. LE SY TRUNG S2309 thanh toán phi dich vu t3 2025 -CTLNHID000011279391863-1/1-CRE-002			
486	08/03/2025 01:22:12	08/03/2025	DD	0.00	987,600.00	486,343,366.00	1761	990CT LN4	990000	TKThe :19039264147012 tại Techcombank. D1507 thanh toán tien dich vu thang 3.2025 FT25067599630646 -CTLNHID000011279567676-1/1-CRE-002; thoi gian GD:08/03/2025 00:28:36	19039264 147012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
487	08/03/2025 08:36:35	08/03/2025	DD	0.00	701,700.00	487,045,066.00	1762	990B2 BIN	990000	TKThe :106878257746 tại ICBVVNVX. s3.1017 thanh toán dich vu va tien xe t3.2025 - B2B0200970415030808363520 25VXLz268803	10687825 7746	NGUYEN THI MINH HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
488	08/03/2025 08:47:06	08/03/2025	DD	0.00	1,052,400.00	488,097,466.00	1763	990B2 BIN	990000	TKThe :0021000349274 tại BFTVVNVX. MBVCB.8745372463.129118.To a S5 can ho 3207 thanh toán tien dich vu thang 3 nam 2025.CT tu 0021000349274 NGUYEN HAI HA toi 1260000151 BAN- B2B0200970436030808470620 25DByd129118	00210003 49274	NGUYEN HAI HA	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
489	08/03/2025 09:03:04	08/03/2025	DD	0.00	1,459,950.00	489,557,416.00	1764	990M NISM B	215157	1260000151 D11.01 thanh toán tien dich vu T3.2025	21500138 18	NGUYEN THI THU HA	BIDV
490	08/03/2025 11:12:20	08/03/2025	DD	0.00	922,800.00	490,480,216.00	1765	990M NISM B	215150	1260000151 D3407 thanh toán phi dich vu thang 3	21512498 92	NGUYEN THI LINH	BIDV
491	08/03/2025 16:40:37	08/03/2025	DD	0.00	790,200.00	491,270,416.00	1766	990M NISM B	432153	1260000151 s3 3711 thanh toán tien dich vu thang 03 2025	43210805 08	NGUYEN THI DIEU LINH	BIDV
492	08/03/2025 17:51:08	08/03/2025	DD	0.00	1,368,150.00	492,638,566.00	1767	990B2 BIN	990000	TKThe :0491000059663 tại BFTVVNVX. MBVCB.8751522285.163962.To a D can ho 0701 Thanh toán phi dich vu thang 3/2025.CT tu 0491000059663 THE HAI NAM toi 1260000151 BAN QUAN TR- B2B0200970436030817510820 25DBir163962	04910000 59663	THE HAI NAM	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
493	08/03/2025 19:10:11	08/03/2025	DD	0.00	1,193,850.00	493,832,416.00	1768	990B2 BIN	990000	TKThe :1015537839 tại BFTVVNVX. MBVCB.8752579622.870881.s2. 0509 thanh toán phi quan ly va gui xe may thang 3/2025.CT tu 1015537839 PHAM THI HIEN toi 1260000151 BAN QUAN TR- B2B0200970436030819101120 25DBzi870881	10155378 39	PHAM THI HIEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
494	08/03/2025 20:08:32	08/03/2025	DD	0.00	765,675.00	494,598,091.00	1769	990CT LN4	990000	TKThe :002704060254590 tại VIB. S3.2216 thanh toán phi quan ly phi gui xe T03.2025 -CTLNHID000011285305093-1/1-CRE-002	00270406 0254590	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
495	08/03/2025 22:01:03	08/03/2025	DD	0.00	1,023,225.00	495,621,316.00	1770	990CT LN4	990000	TKThe :0989336322 tại SHB. S22008 TTDV T32025 -CTLNHID000011285995002-1/1-CRE-002	09893363 22	SHBMB 77THD	NH TMCP Sai Gon Ha Noi
496	08/03/2025 22:18:24	08/03/2025	DD	0.00	761,550.00	496,382,866.00	1771	990CT LN4	990000	TKThe :19031911299996 tại Techcombank. S3 2011 TT PHI QUAN LY VA GUI XE T32025 FT25069290358058 -CTLNHID000011286075496-1/1-CRE-002	19031911 299996	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
497	09/03/2025 07:08:03	09/03/2025	DD	0.00	1,052,400.00	497,435,266.00	1772	990CT LN4	990000	TKThe :403909999 tại VIB. D2106 thanh toán phi dich vu va gui xe may T3.2025 -CTLNHID000011286767477-1/1-CRE-002	40390999 9	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
498	09/03/2025 09:19:56	09/03/2025	DD	0.00	1,292,550.00	498,727,816.00	1773	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000425024 tại BFTVVNVX. MBVCB.8756732805.612044.D2 101.CT tu 0451000425024 NGUYEN THI NGOC ANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHERE KDT G tại BIDV - B2B0200970436030909195620 25DBny612044	04510004 25024	NGUYEN THI NGOC ANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
499	09/03/2025 10:10:00	09/03/2025	DD	0.00	893,925.00	499,621,741.00	1774	990CTLNH4	990000	TKThe :1617091985 tại Techcombank. S3.0510 thanh toán tiền dịch vụ tháng 3.2025 FT25069704002779 -CTLNHDI000011287652885-1/1-CRE-002	1617091985	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
500	09/03/2025 10:41:36	09/03/2025	DD	0.00	711,975.00	500,333,716.00	1775	990CTLNH4	990000	TKThe :19031773461019 tại Techcombank. 2310s4 phí dịch vụ tháng 3 FT25069342471280 -CTLNHDI000011287856742-1/1-CRE-002	19031773461019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
501	09/03/2025 12:14:59	09/03/2025	DD	0.00	639,375.00	500,973,091.00	1776	990CTLNH4	990000	TKThe :19031952114666 tại Techcombank. S4 4009 đồng phí quản lý hàng tháng FT25069021870021 -CTLNHDI000011288428491-1/1-CRE-002	19031952114666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
502	09/03/2025 12:41:47	09/03/2025	DD	0.00	194,400.00	501,167,491.00	1777	990CTLNH4	990000	TKThe :19031952114666 tại Techcombank. S4 4009 đồng phí xe máy hàng tháng FT25069508277000 -CTLNHDI000011288571282-1/1-CRE-002	19031952114666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
503	09/03/2025 12:58:22	09/03/2025	DD	0.00	1,211,550.00	502,379,041.00	1778	990CTLNH4	990000	TKThe :80000436999 tại MSB. D2801 thanh toán phí dịch vụ xe máy tháng 3 2025 -CTLNHDI000011288655229-1/1-CRE-002	80000436999	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
504	09/03/2025 15:29:21	09/03/2025	DD	0.00	1,159,350.00	503,538,391.00	1779	990CTLNH4	990000	TKThe :19022818423025 tại Techcombank. S1 0810 nộp phí DV xe máy xe đạp tháng 3-2025 FT25069748971603 -CTLNHDI000011289415172-1/1-CRE-002	19022818423025	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
505	09/03/2025 16:14:21	09/03/2025	DD	0.00	1,239,225.00	504,777,616.00	1780	990B2BIN	990000	TKThe :0711000229784 tại BFTVVNVX. MBVCB.8760609197.175742.D0 905 thanh toán phí dịch vụ tháng 3.2025.CT tu 0711000229784 VU TRONG DAI toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG- B2B0200970436030916142520 25DBba175742	0711000229784	VU TRONG DAI	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
506	09/03/2025 17:32:33	09/03/2025	DD	0.00	633,600.00	505,411,216.00	1781	990CTLNH4	990000	TKThe :03801019916057 tại MSB. S3 4012A nộp phí dv t3 -CTLNHDI000011290244202-1/1-CRE-002	03801019916057	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
507	09/03/2025 18:22:15	09/03/2025	DD	0.00	920,325.00	506,331,541.00	1782	990CTLNH4	990000	TKThe :19121300649990 tại Techcombank. S3 0703 tt phí dly va gui xe máy tháng 3 2025 FT25069806930487 -CTLNHDI000011290605154-1/1-CRE-002	19121300649990	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
508	09/03/2025 18:46:09	09/03/2025	DD	0.00	1,266,225.00	507,597,766.00	1783	990B2BIN	990000	TKThe :0860100040009 tại MSCBVNVX. Toa nha D can ho 3604 thanh toán tiền phí dịch vụ tháng 032025 - B2B0200970422030918460720 25YDZK252646	0860100040009	NGUYEN QUANG HUNG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
509	09/03/2025 19:13:19	09/03/2025	DD	0.00	765,675.00	508,363,441.00	1784	990B2BIN	990000	TKThe :1017223896 tại BFTVVNVX. MBVCB.8762708490.590661.S3. 0508 thanh toán tiền dịch vụ tháng 03/2025.CT tu 1017223896 DOAN BA HIEU toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG C- B2B0200970436030919132320 25DByn590661	1017223896	DOAN BA HIEU	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
510	09/03/2025 20:49:09	09/03/2025	DD	0.00	782,850.00	509,146,291.00	1785	990CTLNH4	990000	TKThe :19035067268015 tại Techcombank. 180153 tt phí dịch vụ phí xe máy xe dien T3.2025 FT25069714772560 -CTLNHDI000011291548884-1/1-CRE-002	19035067268015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
511	09/03/2025 21:03:16	09/03/2025	DD	0.00	987,600.00	510,133,891.00	1786	990CTLNH4	990000	TKThe :19035300795012 tại Techcombank. D2906 thanh toán tiền phí dịch vụ va xe máy tháng 3 nam 2025 FT25069290338390 -CTLNHDI000011291629306-1/1-CRE-002	19035300795012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
512	09/03/2025 21:16:22	09/03/2025	DD	0.00	947,325.00	511,081,216.00	1787	990CTLNH4	990000	TKThe :85743899 tại VPBank. S30803 ck phí dịch vụ tháng 3 -CTLNHDI000011291700786-1/1-CRE-002	85743899	NGUYEN T VAN HA	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
513	09/03/2025 23:19:44	09/03/2025	DD	0.00	1,282,425.00	512,363,641.00	1788	990CTLNH4	990000	TKThe :186997368 tại VPBank. D4004 tt phí dv t3 -CTLNHDI000011292160878-1/1-CRE-002	186997368	LE HONG GIANG	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
514	10/03/2025 06:24:25	10/03/2025	DD	0.00	992,326.00	513,355,967.00	1789	990CTLNH4	990000	TKThe :0914156512 tại Shinhan Bank V. S2 0908 TT PHI DV T3.2025 -CTLNHDI000011292510193-1/1-CRE-002	0914156512	HOANG THI HUYEN SHBVN IBFT	NH TNHH MTV Shinhan Viet Nam
515	10/03/2025 08:11:06	10/03/2025	DD	0.00	922,800.00	514,278,767.00	1790	990CTLNH4	990000	TKThe :19022299429886 tại Techcombank. d12a02 tt phí quản lý va gui xe máy t3.2025 FT25069058600800 -CTLNHDI000011292911160-1/1-CRE-002	19022299429886	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
516	10/03/2025 09:28:17	10/03/2025	DD	0.00	987,600.00	515,266,367.00	1791	990B2 BIN	990000	TKThe :104867417140 tại ICBVVNVX. toa diamond can ho D2602 thanh toan tien dich vu thang 3.2025 - B2B0200970415031009281720 25aReT367820	104867417140	DO VAN LUC	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietnBank
517	10/03/2025 09:40:53	10/03/2025	DD	0.00	832,950.00	516,099,317.00	1792	990CT LNH4	990000	TKThe :29831989 tại ACB. S4.3009 THANH TOAN TIEN PHI QUAN LY VA GUI XE MAY THANG 3/2025-100325-09:40:52 198121 -CTLNHIDI000011293533404-1/1-CRE-002	29831989	PERS863077	NH TMCP A Chau
518	10/03/2025 10:05:08	10/03/2025	DD	0.00	764,850.00	516,864,167.00	1793	9900 MNISM B	450159	1260000151 s4 0808 tien dich vu thang 3 2025	4505336092	DANG DINH TAN	BIDV
519	10/03/2025 10:16:26	10/03/2025	DD	0.00	801,300.00	517,665,467.00	1794	990CT LNH7	990000	Cong tien ngay 07/03/2025 TK 1260000151 tại Tienphongbanks53.0410 Thanh toan tien dich vu quan ly va gui xe may xe dap Thang 03.2025 -2742931173-1/1-ADD CTLNHIDI00000028170096R2 503100			
520	10/03/2025 10:57:18	10/03/2025	DD	0.00	767,325.00	518,432,792.00	1795	990CT LNH4	990000	TKThe :19034697616015 tại Techcombank. D2801 thanh toan tien dich vu va gui xe may thang 3 FT25069041212170 -CTLNHIDI000011294152872-1/1-CRE-002	19034697616015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
521	10/03/2025 12:05:56	10/03/2025	DD	0.00	1,331,025.00	519,763,817.00	1796	990B2 BIN	990000	TKThe :1014258540 tại BFTVVNVX. MBVCB.8768774251.468868.D1 205 thanh toan phi dich vu phi gui xe may xe dap. CT tu 1014258540 TRAN HOANG MINH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NH- B2B0200970436031012055620 25DBtw468868	1014258540	TRAN HOANG MINH	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
522	10/03/2025 13:36:44	10/03/2025	DD	0.00	1,211,550.00	520,975,367.00	1797	990CT LNH4	990000	TKThe :878666 tại Techcombank. D2801 nop phi dich vu xe may t2.2025 FT25069520504220 -CTLNHIDI000011295415707-1/1-CRE-002	878666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
523	10/03/2025 14:39:13	10/03/2025	DD	0.00	922,800.00	521,898,167.00	1798	9900 MNISM B	220150	1260000151 Diamond D12A06 dong phi dich vu thang 3.2025	2200190454	DO MANH CUONG	BIDV
524	10/03/2025 15:42:26	10/03/2025	DD	0.00	884,475.00	522,782,642.00	1799	990B2 BIN	990000	TKThe :1507205265619 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151;CH2416 toa S3 tt phi dv thang 3 nam 2025 B2B0200970405031015422620 25CICKB040727	1507205265619	NGUYEN VAN NGOC	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank
525	10/03/2025 17:23:12	10/03/2025	DD	0.00	698,400.00	523,481,042.00	1800	9900 MNISM B	460155	1260000151 S3.4011 TTDV. gui xe may T3.2025	4603479392	NGUYEN THE CHIEN	BIDV
526	10/03/2025 18:29:30	10/03/2025	DD	0.00	834,525.00	524,315,567.00	1801	990B2 BIN	990000	TKThe :2579898888 tại MSCBVNVX. s3.2715 thanh toan tien dich vu t32025 - B2B0200970422031018292920 25PMPV416564	2579898888	TRINH THI HUE	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
527	10/03/2025 19:43:30	10/03/2025	DD	0.00	933,075.00	525,248,642.00	1802	990CT LNH4	990000	TKThe :19035796261012 tại Techcombank. S2.2206 dong phi dich vu thang 3 2025 FT25069277009681 -CTLNHIDI000011298647121-1/1-CRE-002	19035796261012	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
528	10/03/2025 20:37:35	10/03/2025	DD	0.00	1,395,150.00	526,643,792.00	1803	990B2 BIN	990000	TKThe :8310106986008 tại MSCBVNVX. Can 2001 toa Diamond thanh toan Phi quan ly. Phi gui xe may. Phi gui xe dap thang 3.2025 - B2B0200970422031020373320 25VQRB711813	8310106986008	CHU THI HONG NHUNG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
529	10/03/2025 20:39:01	10/03/2025	DD	0.00	1,238,550.00	527,882,342.00	1804	9900 MNISM B	452150	1260000151 D.1508 TT tien phi quan ly phi gui xe may va phi gui xe dap T3.2025	4520633330	DAO NGOC TOAN	BIDV
530	10/03/2025 20:47:06	10/03/2025	DD	0.00	722,000.00	528,604,342.00	1805	990CT LNH4	990000	TKThe :152731922 tại VPBank. 3611 s3 dong phi dich vu va gui xe thang 3 2025 -CTLNHIDI000011299158863-1/1-CRE-002	152731922	DANG THI YEN	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
531	10/03/2025 20:59:41	10/03/2025	DD	0.00	1,276,350.00	529,880,692.00	1806	990CT LNH4	990000	TKThe :19032592038013 tại Techcombank. HA THI TUYET NHUNG chuyen thang 3 2025 FT25069765009100 -CTLNHIDI000011299252296-1/1-CRE-002	19032592038013	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
532	10/03/2025 21:55:34	10/03/2025	DD	0.00	949,800.00	530,830,492.00	1807	990CT LNH4	990000	TKThe :88648866886 tại Tienphongbank. D.3002 Thanh toan dich vu va xe thang 3.25 -CTLNHIDI000011299612442-1/1-CRE-002	88648866886	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
533	11/03/2025 01:12:36	11/03/2025	DD	0.00	1,079,400.00	531,909,892.00	1808	990B2 BIN	990000	TKThe :1200209334323 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151;D3206 thanh toan phi dich vu thang 3 2025 25XI7T011589; thời gian GD:10/03/2025 23:45:26	1200209334323	LUU NGOC TUAN	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
534	11/03/2025 06:18:53	11/03/2025	DD	0.00	1,552,750.00	533,462,642.00	1809	990B2 BIN	990000	TKThe :0560104378008 tại MSCBVNVX_D4008 đồng tiền phi dịch vụ T3 -B2B020097042203110618522025I0DD573096	0560104378008	NGUYEN HAI HA	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
535	11/03/2025 06:51:52	11/03/2025	DD	0.00	1,182,675.00	534,645,317.00	1810	990B2 BIN	990000	TKThe :0691000379694 tại BFTVVNVX. MBVCB.8778468514.619697.s2_2703 Thanh toán phi dịch vụ 03/2025.CT tu 0691000379694 BUI THANH AN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU-B2B020097043603110651522025DBeb619697	0691000379694	BUI THANH AN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
536	11/03/2025 08:09:33	11/03/2025	DD	0.00	1,088,025.00	535,733,342.00	1811	990CT LNH4	990000	TKThe :19028649563015 tại Techcombank. S2.3308 tt phi dịch vụ tháng3.2025 FT25070486314348 -CTLNHIDI000011300779877-1/1-CRE-002	19028649563015	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
537	11/03/2025 08:11:20	11/03/2025	DD	0.00	1,278,000.00	537,011,342.00	1812	9900 MNISM B	124153	1260000151 d0808 ck phi dv tháng 3 nam 2025	1242180089	NGUYEN THI TRANG	BIDV
538	11/03/2025 08:47:46	11/03/2025	DD	0.00	1,117,875.00	538,129,217.00	1813	9900 MNISM B	375154	1260000151 S2 2103 nop phi dịch vụ tháng 3	3750008963	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
539	11/03/2025 08:48:40	11/03/2025	DD	0.00	91,800.00	538,221,017.00	1814	9900 MNISM B	375154	1260000151 S2 2103 nop phi gui 1 xe dap 01 xe may	3750008963	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
540	11/03/2025 09:23:26	11/03/2025	DD	0.00	1,464,450.00	539,685,467.00	1815	990CT LNH4	990000	TKThe :0974025105 tại VPBank. S2-12A07 - Thanh toán tiền dịch vụ Tháng 03-2025 -CTLNHIDI000011301272303-1/1-CRE-002	0974025105	BUI THI VAN	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
541	11/03/2025 09:49:27	11/03/2025	DD	0.00	636,900.00	540,322,367.00	1816	9900 MNISM B	452152	1260000151 can ho s3.05.16 tt phi dịch vụ tháng 3.2025	4520357676	NGUYEN THI NHAI	BIDV
542	11/03/2025 09:50:08	11/03/2025	DD	0.00	129,905.00	540,452,272.00	1817	9900 MNISM B	452152	1260000151 can ho s3.05.16 tt phi gui xe may tháng 3	4520357676	NGUYEN THI NHAI	BIDV
543	11/03/2025 09:52:54	11/03/2025	DD	0.00	766,500.00	541,218,772.00	1818	990B2 BIN	990000	TKThe :0971802318 tại MSCBVNVX. S4 604 TTDV va gui xe may t32025 -B2B0200970422031109525320252QS86609034	0971802318	PHUNG THI THUY DUONG	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
544	11/03/2025 10:00:53	11/03/2025	DD	0.00	1,211,550.00	542,430,322.00	1819	990CT LNH4	990000	TKThe :7286666 tại Techcombank. D.3608 Thanh toán tiền đv Tháng 03.2025 FT25070409558229 -CTLNHIDI000011301541155-1/1-CRE-002	7286666	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
545	11/03/2025 11:52:15	11/03/2025	DD	0.00	1,601,775.00	544,032,097.00	1820	990CT LNH4	990000	TKThe :01102354001 tại Tienphongbank. d2303 tt tien dv tháng 3-2025 -CTLNHIDI000011302368692-1/1-CRE-002	01102354001	TPBANK	NH TMCP Tien Phong
546	11/03/2025 12:12:04	11/03/2025	DD	0.00	922,800.00	544,954,897.00	1821	990CT LNH4	990000	TKThe :366196 tại ACB. D2002 THANH TOAN PHI QUAN LI XE MAY THANG 3/2025.11.3.25-110325-12:12:04 289434 -CTLNHIDI000011302522127-1/1-CRE-002	366196	PERS7708696	NH TMCP A Chau
547	11/03/2025 12:34:29	11/03/2025	DD	0.00	1,062,600.00	546,017,497.00	1822	990CT LNH4	990000	TKThe :020004977093 tại Sacombank. IBFT S2 1004 phi dvu tháng 3 2025 -CTLNHIDI000011302679912-1/1-CRE-002	020004977093	SACOMBANK CK tu SACOMBANK	NH TMCP Sai Gon Thuong tin
548	11/03/2025 17:13:12	11/03/2025	DD	0.00	922,800.00	546,940,297.00	1823	990CT LNH4	990000	TKThe :0962834265 tại VPBank. D3502 thanh toán tiền dịch vụ xe may tháng 3 2025 -CTLNHIDI000011304564331-1/1-CRE-002	0962834265	LUONG THI HOAI	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
549	11/03/2025 17:57:41	11/03/2025	DD	0.00	1,373,550.00	548,313,847.00	1824	990B2 BIN	990000	TKThe :9915921624 tại BFTVVNVX. MBVCB.8785855852.327843.D2 901 thanh toán phi gui xe tháng 03.CT tu 9915921624 DOAN THI LA toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE-B2B020097043603111757412025DBzq327843	9915921624	DOAN THI LA	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
550	11/03/2025 19:05:20	11/03/2025	DD	0.00	717,000.00	549,030,847.00	1825	990CT LNH4	990000	TKThe :19032445559555 tại Techcombank. S3.0501 thanh toán dịch vụ tháng 3 nam 2025 FT25070009385284 -CTLNHIDI000011305491623-1/1-CRE-002	19032445559555	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
551	11/03/2025 19:53:13	11/03/2025	DD	0.00	1,190,625.00	550,221,472.00	1826	990CT LNH4	990000	TKThe :11520635718019 tại Techcombank. D.1204 TT phi dịch vụ va phi xe dap tháng 3.2025 FT25070764756504 -CTLNHIDI000011305841246-1/1-CRE-002	11520635718019	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
552	11/03/2025 20:14:44	11/03/2025	DD	0.00	949,800.00	551,171,272.00	1827	990B2 BIN	990000	TKThe :0510173659006 tại MSCBVNVX. D2307 thanh toán DV tien phi xe may xe dap tháng 0325 -B2B020097042203112014432025I0LE250944	0510173659006	TRAN THI HUYEN	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
553	11/03/2025 21:17:00	11/03/2025	DD	0.00	858,000.00	552,029,272.00	1828	990B2 BIN	990000	TKThe :108872418782 tại ICBVVNVX. QR - D12B02 thanh toán tiền dịch vụ tháng 3-2025 B2B0200970415031121170020 255JCB234020	108872418782	HOANG THI THU HA	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
554	11/03/2025 21:52:36	11/03/2025	DD	0.00	1,404,450.00	553,433,722.00	1829	990B2 BIN	990000	TKThe :0011000380967 tại BFTVVNVX. MBVCB.8788720807.201279.s2. 1809 tt phi dv th3.2025.CT tu 0011000380967 PHAM THI THU QUYEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPH- B2B0200970436031121524020 25DBmp201279	0011000380967	PHAM THI THU QUYEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
555	11/03/2025 22:22:53	11/03/2025	DD	0.00	1,401,225.00	554,834,947.00	1830	990CT LNH4	990000	TKThe :011704060129989 tại VIB. D.2905 Thanh toán phí quản lý phí gửi xe máy phí gửi xe điện Tháng: 03-2025 -CTLNHID000011306724177-1/1-CRE-002	011704060129989	ACC 970418	NH TMCP Quốc Tế
556	11/03/2025 22:32:29	11/03/2025	DD	0.00	831,000.00	555,665,947.00	1831	990CT LNH4	990000	TKThe :19032460699886 tại Techcombank. S3.3004 Thanh toán tiền dịch vụ tháng 03.2025 FT25071150098658 -CTLNHID000011306758891-1/1-CRE-002	19032460699886	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
557	12/03/2025 10:04:10	12/03/2025	DDM	110,000.00	0.00	555,555,947.00	1832	990QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T03 2025			
558	12/03/2025 10:13:25	12/03/2025	DD	0.00	921,150.00	556,477,097.00	1833	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000258271 tại BFTVVNVX. MBVCB.8791834417.195640.S3. 12A03 thanh toán phí dịch vụ quan lý xe máy tháng 3/25.CT tu 0451000258271 NGUYEN THI MAI HANH toi 1260000151 BAN- B2B0200970436031210132520 25DBjm195640	0451000258271	NGUYEN THI MAI HANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
559	12/03/2025 13:43:13	12/03/2025	DD	0.00	1,276,350.00	557,753,447.00	1834	990O MNISM B	122000	1260000151 D12a08 nop tien phi dich vu vs gui xe may	1220369046	LAI MINH BAO	BIDV
560	12/03/2025 15:35:19	12/03/2025	DD	0.00	697,575.00	558,451,022.00	1835	990O MNISM B	425000	1260000151 toa s3 can ho 2912A thanh toán phí quản lý và phí gửi xe máy tháng 03.2025	4251458565	NGUYEN DUC HUNG	BIDV
561	12/03/2025 16:18:10	12/03/2025	DD	0.00	800,000.00	559,251,022.00	1836	990CT LNH4	990000	TKThe :19031680527011 tại Techcombank. S3 1204 thanh toán phí dịch vụ tháng 03.2025 FT25071048066972 -CTLNHID000011310868741-1/1-CRE-002			
562	12/03/2025 17:18:58	12/03/2025	DD	0.00	841,450.00	560,092,472.00	1837	990O MNISM B	217000	1260000151 PHAM THI THANH Chuyen tien PDV T3 2025 CH 3315 S4 Nguyen Thi Nhoc Thuy	2170003655	PHAM THI THANH	BIDV
563	12/03/2025 17:36:24	12/03/2025	DD	0.00	1,266,225.00	561,358,697.00	1838	990CT LNH4	990000	TKThe :19168017696666 tại MSB. D0904 thanh toán tiền dịch vụ và gửi xe tháng 03/2025 -CTLNHID000011311522058-1/1-CRE-002			
564	12/03/2025 20:10:51	12/03/2025	DD	0.00	932,700.00	562,291,397.00	1839	990B2 BIN	990000	TKThe :107868846918 tại ICBVVNVX. QR - S2 1001 thanh toán tiền dịch vụ tháng 03-2025 B2B0200970415031220105020 2521TB100982	107868846918	CAO BINH PHUONG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
565	12/03/2025 21:17:34	12/03/2025	DD	0.00	699,225.00	562,990,622.00	1840	990CT LNH4	990000	TKThe :19036327631018 tại Techcombank. S3.0512 thanh toán tiền dịch vụ tháng 03.2025 FT25072988691906 -CTLNHID000011313343570-1/1-CRE-002			
566	13/03/2025 06:25:43	13/03/2025	DD	0.00	796,425.00	563,787,047.00	1841	990CT LNH4	990000	TKThe :102026666 tại VIB. S3.1512A TTDV T2.2025 -CTLNHID000011314220339-1/1-CRE-002	102026666	ACC 970418	NH TMCP Quốc Tế
567	13/03/2025 09:12:51	13/03/2025	DD	0.00	372,600.00	564,159,647.00	1842	990CT LNH4	990000	TKThe :5859999859999 tại VPBank. S31616 thanh toán nước t32025 -CTLNHID000011315024495-1/1-CRE-002	5859999859999	DANG VIET QUANG	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
568	13/03/2025 09:14:19	13/03/2025	DD	0.00	765,675.00	564,925,322.00	1843	990CT LNH4	990000	TKThe :5859999859999 tại VPBank. S31616 ttdv t32025 -CTLNHID000011315036670-1/1-CRE-002	5859999859999	DANG VIET QUANG	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
569	13/03/2025 09:18:18	13/03/2025	DD	0.00	770,550.00	565,695,872.00	1844	990O MNISM B	425000	1260000151 phi dich vu T3 can 310753	4250337768	NGUYEN THI HONG NHUNG	BIDV
570	13/03/2025 09:19:26	13/03/2025	DD	0.00	899,325.00	566,595,197.00	1845	990B2 BIN	990000	TKThe :0700100396666 tại MSCBVNVX. S3.1114 thanh toán phí dịch vụ và phí gửi xe máy t3.2025 B2B0200970422031309192520 25Z91L266415	0700100396666	TRAN THI THUY	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
571	13/03/2025 09:30:17	13/03/2025	DD	0.00	635,250.00	567,230,447.00	1846	990CT LNH4	990000	TKThe :03147955301 tại Tienphongbank. s32108 thanh toán phí dịch vụ t3.2025 -CTLNHID000011315169521-1/1-CRE-002	03147955301	TPBANK	NH TMCP Tiên Phong

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
572	13/03/2025 10:18:15	13/03/2025	DD	0.00	775,125.00	568,005,572.00	1847	990B2 BIN	99000 0	TKThe :103003385163 tại ICBVVNVX. QR - Toa S3 can ho 1610 TT phi dich vu thang 3 nam 2025 - B2B0200970415031310181420 25bUvp229387	10300338 5163	LE THI HONG NHUNG	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
573	13/03/2025 10:47:58	13/03/2025	DD	0.00	763,200.00	568,768,772.00	1848	990CT LNH4	99000 0	TKThe :168652275 tại VPBank. S42811 tt phi dich vu T032025 -CTLNHID1000011315711725-1/1-CRE-002	16865227 5	KHUAT HONG MINH	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
574	13/03/2025 13:16:05	13/03/2025	DD	0.00	633,600.00	569,402,372.00	1849	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19032501958999 tại Techcombank. S3 412A pdv t3 FT25072999305215 -CTLNHID1000011316728417-1/1-CRE-002	19032501 958999	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
575	13/03/2025 14:02:26	13/03/2025	DDM	715,000.00	0.00	568,687,372.00	1850	990TP BSMS	12615 2	PHI BSMS T02.2025. MA KH14259016.			
576	13/03/2025 15:33:47	13/03/2025	DD	0.00	766,500.00	569,453,872.00	1851	990CT LNH4	99000 0	TKThe :102977882 tại VPBank. S4 0904 thanh toan tien dich vu va tien xe may thang 3/2025 -CTLNHID1000011317569213-1/1-CRE-002	10297788 2	TRAN NGOC KHANH	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
577	13/03/2025 17:31:01	13/03/2025	DD	0.00	770,550.00	570,224,422.00	1852	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0611001957870 tại BFTVVNVX. MBVCB.8807482416.310933.CH S3.1115 TT tien phi quan ly T3/2025. CT tu 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG- B2B0200970436031317310520 25DBac310933	06110019 57870	HOANG VAN VUONG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
578	13/03/2025 17:32:44	13/03/2025	DD	0.00	118,800.00	570,343,222.00	1853	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0611001957870 tại BFTVVNVX. MBVCB.8807499609.328258.CH S3.1115 TT tien xe may + xe dap T3/2025. CT tu 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA B2B0200970436031317324420 25DBkc328258	06110019 57870	HOANG VAN VUONG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
579	13/03/2025 19:34:35	13/03/2025	DD	0.00	997,875.00	571,341,097.00	1854	9900 MNISM B	21615 2	1260000151 S1.12A06 tien phi dich vu xe may thang 3.2025	21600370 00	TRAN THI DIEM HUONG	BIDV
580	13/03/2025 19:44:37	13/03/2025	DD	0.00	1,303,200.00	572,644,297.00	1855	990CT LNH4	99000 0	TKThe :0945208155 tại VPBank. s2 0503 thanh toan tien dich vu thang 03 2025 -CTLNHID1000011319576787-1/1-CRE-002	09452081 55	DO THI LOAN	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
581	13/03/2025 20:03:09	13/03/2025	DD	0.00	1,029,750.00	573,674,047.00	1856	9900 MNISM B	45215 1	1260000151 s3.0514 thanh toan tien dich vu thang 3.2025	45201734 65	NGUYEN VIET HUNG	BIDV
582	13/03/2025 20:19:45	13/03/2025	DD	0.00	1,060,200.00	574,734,247.00	1857	990CT LNH4	99000 0	TKThe :03501012723622 tại MSB. S2.1108 thanh toan tien dich vu+xe may thang 3/2025 -CTLNHID1000011319820739-1/1-CRE-002	03501012 723622	MARITIME BANK 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
583	13/03/2025 20:35:31	13/03/2025	DD	0.00	800,000.00	575,534,247.00	1858	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19032004756029 tại Techcombank. s4 2413 thanh toan phi dich vu thang 3 FT25072632735693 -CTLNHID1000011319925103-1/1-CRE-002	19032004 756029	FROMTCB VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
584	14/03/2025 10:36:46	14/03/2025	DD	0.00	899,325.00	576,433,572.00	1859	990CT LNH4	99000 0	TKThe :04262769999 tại Tienphongbank. S3.1607 tt phi dv t3.2025 -CTLNHID1000011322654577-1/1-CRE-002	04262769 999	DONG THANH SON	NH TMCP Tien Phong
585	14/03/2025 11:30:37	14/03/2025	DD	0.00	891,150.00	577,324,722.00	1860	990B2 BIN	99000 0	TKThe :100866668888 tại MSCBVNVX. S3.0305 tt phi dich vu thang 3/2025 - B2B0200970422031411303520 25BMMI563075	10086666 8888	LE THI HUONG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
586	14/03/2025 12:36:55	14/03/2025	DD	0.00	1,174,425.00	578,499,147.00	1861	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19030712141686 tại Techcombank. D2904 thanh toan phi dich vu va xe may thang 3/2025 FT25073684921520 -CTLNHID1000011323546978-1/1-CRE-002	19030712 141686	VND-TGTT- PHAM BA TUAN ANH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
587	14/03/2025 21:08:00	14/03/2025	DD	0.00	700,050.00	579,199,197.00	1862	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0898148549 tại MSCBVNVX. S31604 thanh toan phi dich vu thang 3/2025 - B2B0200970422031421075920 25R3CE849912	08981485 49	BUI THI THUY	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
588	14/03/2025 21:28:09	14/03/2025	DD	0.00	632,775.00	579,831,972.00	1863	990CT LNH4	99000 0	TKThe :04168390201 tại Tienphongbank. S4 3408 tt pdv t3 2025 -CTLNHID1000011327423612-1/1-CRE-002	04168390 201	NGUYEN NGUYEN HOANG	NH TMCP Tien Phong
589	14/03/2025 21:44:40	14/03/2025	DD	0.00	1,136,625.00	580,968,597.00	1864	990CT LNH4	99000 0	TKThe :069704060001810 tại VIB. D1804 thanh toan phi dich vu thang 3.2025 -CTLNHID1000011327517423-1/1-CRE-002	06970406 0001810	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
590	15/03/2025 09:12:56	15/03/2025	DD	0.00	1,733,325.00	582,701,922.00	1865	990B2 BIN	990000	TKThe :0491000403851] tại BFTVVNVX. MBVCB.8824590232.481201.D. 2304 thanh toán tiền dịch vụ 3/2025.CT tu 0491000403851 TRAN VAN CHUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG-B280200970436031509125620 25DBfb481201	0491000403851	TRAN VAN CHUONG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
591	15/03/2025 09:15:11	15/03/2025	DD	0.00	725,400.00	583,427,322.00	1866	990CT LNH4	990000	TKThe :19032624280016] tại Techcombank. S3.1205 noph dich vu thang 3 FT25074517975097 -CTLNHIDI000011329136706-1/1-CRE-002	19032624280016	VND-TGTT-GIAP THI LO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
592	15/03/2025 09:39:28	15/03/2025	DD	0.00	767,325.00	584,194,647.00	1867	990CT LNH4	990000	TKThe :1080007257500000] tại PVcomBank. S4 2317 thanh toán tiền dịch vụ tháng 3 2025 -CTLNHIDI000011329301518-1/1-CRE-002	108000725750	BUI MINH QUANG HA NOI	NH TMCP Dai chung Viet nam
593	15/03/2025 09:53:22	15/03/2025	DD	0.00	922,800.00	585,117,447.00	1868	990CT LNH4	990000	TKThe :1010216090] tại SHB. Toa Diamond can ho D3406 thanh toán tiền dịch vụ và xe máy tháng 3.2025 -CTLNHIDI000011329401827-1/1-CRE-002	1010216090	SHBMB 77THD	NH TMCP Sai Gon Ha Noi
594	15/03/2025 09:57:18	15/03/2025	DD	0.00	900,375.00	586,017,822.00	1869	990B2 BIN	990000	TKThe :0011004043105] tại BFTVVNVX. MBVCB.8825043464.759821.11 1454 ck phi dich vu+phi xe may thang 3 nam 2025.CT tu 0011004043105 PHAM HUONG GIAN toi 1260000151 BAN QUAN TR-B280200970436031509572120 25DBqj759821	0011004043105	PHAM HUONG GIANG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
595	15/03/2025 09:57:31	15/03/2025	DD	0.00	1,080,825.00	587,098,647.00	1870	990CT LNH4	990000	TKThe :1121648432015] tại Techcombank. S3.0602 TT tien dich vu 03-2025 FT25074230046770 -CTLNHIDI000011329432116-1/1-CRE-002	1121648432015	VND-TGTT-VU MINH TAN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
596	15/03/2025 10:40:45	15/03/2025	DD	0.00	900,150.00	587,998,797.00	1871	990CT LNH4	990000	TKThe :297919725] tại VPBank. Toa S3 can ho 1606 thanh toán phi dich vu thang 3 2025 -CTLNHIDI000011329737986-1/1-CRE-002	297919725	BUI TRONG DUC HIEU	NH TMCP Viet Nam Thanh Vuong
597	15/03/2025 13:45:12	15/03/2025	DD	0.00	949,800.00	588,948,597.00	1872	990 MNISM B	260152	1260000151 D3902 thanh toán phi quan ly/ xe may/ xe dap t03.2025	2600539059	PHAM THI HONG NHUNG	BIDV
598	15/03/2025 13:48:22	15/03/2025	DD	0.00	987,600.00	589,936,197.00	1873	990CT LNH4	990000	TKThe :19028561849024] tại Techcombank. 3307D FT25074757504194 -CTLNHIDI000011330947732-1/1-CRE-002	19028561849024	VND-TGTT-LE THI HOAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
599	15/03/2025 19:22:13	15/03/2025	DD	0.00	1,168,200.00	591,104,397.00	1874	990CT LNH4	990000	TKThe :03301010701376] tại MSB. S2.12B08 thanh toán tiền dịch vụ tháng 3.2025 (tru Tien nuoc) -CTLNHIDI000011333313676-1/1-CRE-002	03301010701376	NGUYEN THANH CHUNG 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
600	15/03/2025 19:30:53	15/03/2025	DD	0.00	954,150.00	592,058,547.00	1875	990B2 BIN	990000	TKThe :0120100014861] tại MSCBVNVX. S3.2907 thanh toán phi dich vu thang 3 2025 -B280200970422031519305220 256B01500791	0120100014861	NGUYEN THI KIM OANH	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
601	15/03/2025 21:57:08	15/03/2025	DD	0.00	697,575.00	592,756,122.00	1876	990B2 BIN	990000	TKThe :107868056821] tại ICBVVNVX. s3.0911 dong tien dich vu thang 3-2025 -B280200970415031521570720 25MTNw721591	107868056821	VU HANH HOP	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
602	16/03/2025 09:32:17	16/03/2025	DD	0.00	763,200.00	593,519,322.00	1877	990B2 BIN	990000	TKThe :0491000046933] tại BFTVVNVX. MBVCB.8835712445.770317.To a S3 Can ho 3712 Thanh toán phi dich vu thang 3/2025.CT tu 0491000046933 VU NGOC BAO toi 1260000151 BAN QUAN T-B280200970436031609321620 25DBnv770317	0491000046933	VU NGOC BAO	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
603	16/03/2025 12:04:21	16/03/2025	DD	0.00	763,200.00	594,282,522.00	1878	990B2 BIN	990000	TKThe :105004321989] tại ICBVVNVX. QR - 54.1611 thanh toán phi dich vu thang 3.2025 -B280200970415031612042020 25iskY907777	105004321989	HO VAN LONG	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
604	16/03/2025 20:56:39	16/03/2025	DD	0.00	761,550.00	595,044,072.00	1879	990TT HDOL	177000	REM Tfr Ac:1770260769 O@L 080005 211601_0_0 8750 29713 81802721786 0763462828 S3 0812A Thanh toán tiền dịch vụ và phí gửi xe máy tháng 3 2025	1770260769	CONG TY CP DỊCH VỤ ĐI ĐÔNG TRỰC TUYẾN	BIDV
605	17/03/2025 01:21:54	17/03/2025	DD	0.00	1,052,400.00	596,096,472.00	1880	990CT LNH4	990000	TKThe :19029689028011] tại Techcombank. D3602 noph dich vu t3 2025 FT250766640654481 -CTLNHIDI000011340922657-1/1-CRE-002; thời gian GD:17/03/2025 00:02:38	19029689028011	VND-TGTT-VU THU HANG VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
606	17/03/2025 09:04:30	17/03/2025	DD	0.00	1,050,750.00	597,147,222.00	1881	990B2 BIN	990000	TKThe :8200114319005 tại MSCBVNVX. s3 1703 đồng tiền phi dv 03 2025 B2B0200970422031709042920253WZG526528	8200114319005	NGUYEN DOAN HOA	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
607	17/03/2025 10:15:00	17/03/2025	DD	0.00	926,425.00	598,073,647.00	1882	990CT LNH4	990000	TKThe :03801019920689 tại MSB. D807 thanh toán tiền dv t03.2025 -CTLNHIDI000011342396268-1/1-CRE-002	03801019920689	DINH THI HANH 88 LANG HA	NH TMCP Hàng Hải Việt Nam
608	17/03/2025 19:38:27	17/03/2025	DD	0.00	635,250.00	598,708,897.00	1883	990CT LNH4	990000	TKThe :03801011878382 tại MSB. S3.1804 thanh toán tiền dịch vụ tháng 2/2025 -CTLNHIDI000011346590284-1/1-CRE-002	03801011878382	TRAN THI HUONG 88 LANG HA	NH TMCP Hàng Hải Việt Nam
609	17/03/2025 22:26:03	17/03/2025	DD	0.00	698,400.00	599,407,297.00	1884	9900 MNISM B	215152	1260000151 S4.0613 thanh toán tiền dịch vụ tháng 3.2025	2151646004	NGUYEN THI BINH MINH	BIDV
610	18/03/2025 02:44:25	18/03/2025	DD	0.00	829,650.00	600,236,947.00	1885	990B2 BIN	990000	TKThe :1012825692 tại BFTVVNVX. MBVCB.8855495784.755180.s4-1616 tt phi dịch vụ va phi gui xe T03.25.CT tu 1012825692 NGUYEN THI OANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG - B2B020097043603180244242025DBip755180	1012825692	NGUYEN THI OANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
611	18/03/2025 16:08:03	18/03/2025	DD	0.00	635,250.00	600,872,197.00	1886	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000399031 tại BFTVVNVX. MBVCB.8861158859.396904.S3 3708 thanh toán phi DV T3 2025.CT tu 0451000399031 NGUYEN THU HANG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU S- B2B020097043603181608022025DBkr396904	0451000399031	NGUYEN THU HANG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
612	18/03/2025 18:00:39	18/03/2025	DD	0.00	646,223.00	601,518,420.00	1887	990B2 BIN	990000	TKThe :0491001936605 tại BFTVVNVX. MBVCB.8862588544.349816.s3.1514 thanh toán phi dịch vụ tháng 3/2025.CT tu 0491001936605 HOANG HUU THANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA - B2B020097043603181800392025DBkg349816	0491001936605	HOANG HUU THANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
613	18/03/2025 18:55:05	18/03/2025	DD	0.00	1,016,025.00	602,534,445.00	1888	990CT LNH4	990000	TKThe :19033935636015 tại Techcombank. s3 3302 phi dv FT25077000683526 -CTLNHIDI000011352869150-1/1-CRE-002	19033935636015	VND-TGTT-LE THI THUONG THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
614	18/03/2025 19:03:04	18/03/2025	DD	0.00	858,001.00	603,392,446.00	1889	990CT LNH4	990000	TKThe :682768688 tại ACB. D2007 THANH TOAN PHI DV THANG 3. PHI XE MAY THANH TOAN NHAM CHO TNPM-180325-19:03:03 985203 -CTLNHIDI000011352927980-1/1-CRE-002	682768688	NGUYEN TAI TO	NH TMCP A Chau
615	18/03/2025 20:30:53	18/03/2025	DD	0.00	913,765.00	604,306,211.00	1890	990CT LNH4	990000	TKThe :19850309001 tại Tienphongbank. S3.1007 tt phi dv tháng 3.2025 -CTLNHIDI000011353524918-1/1-CRE-002	19850309001	LE TRUNG KIEN	NH TMCP Tien Phong
616	18/03/2025 21:05:49	18/03/2025	DD	0.00	1,043,025.00	605,349,236.00	1891	990CT LNH4	990000	TKThe :03301010876135 tại MSB. S3.12a02s3 ck tiền phi dịch vụ tháng 3 -CTLNHIDI000011353736141-1/1-CRE-002	03301010876135	NGUYEN THI TRANG NHUNG 88 LANG HA	NH TMCP Hàng Hải Việt Nam
617	18/03/2025 21:51:07	18/03/2025	DD	0.00	1,173,600.00	606,522,836.00	1892	990CT LNH4	990000	TKThe :0987270582 tại VPBank. 12B0352 thanh toán tiền dịch vụ T32025 -CTLNHIDI000011353971220-1/1-CRE-002	0987270582	CAO MANH HUNG	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vương
618	18/03/2025 23:32:27	18/03/2025	DD	0.00	769,800.00	607,292,636.00	1893	9900 MNISM B	220000	1260000151 0517 S3 thanh toán phi quan ly va phi gui xe may tháng 3.2025	2206752737	NGUYEN VAN QUYET	BIDV
619	19/03/2025 11:34:46	19/03/2025	DD	0.00	974,325.00	608,266,961.00	1894	990CT LNH4	990000	TKThe :19033937069010 tại Techcombank. S3.1803 tt tiền dvu.nuoc.phi gui xe t3.25 FT25078303398152 -CTLNHIDI000011356337892-1/1-CRE-002	19033937069010	VND-TGTT-TONG THI HANG NGA VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Việt Nam
620	19/03/2025 14:16:41	19/03/2025	DD	0.00	769,725.00	609,036,686.00	1895	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000289484 tại BFTVVNVX. MBVCB.8870372048.470678.S3-2015- TT PHI DỊCH VỤ T3/2025.CT tu 0451000289484 NGUYEN THI THU HUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG C- B2B020097043603191416412025DByw470678	0451000289484	NGUYEN THI THU HUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
621	19/03/2025 15:47:18	19/03/2025	DD	0.00	1,016,025.00	610,052,711.00	1896	990CT LNH4	990000	TKThe :03601018914292 tại MSB. Can ho 2702.s3 thanh toán tiền dịch vụ tháng 3/2025 -CTLNHIDI000011357892455-1/1-CRE-002	03601018914292	MAI THI HUE 88 LANG HA	NH TMCP Hàng Hải Việt Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
622	19/03/2025 22:27:20	19/03/2025	DD	0.00	1,150,000.00	611,202,711.00	1897	990B2 BIN	990000	TKThe :0011000708305] tại BFTVVNVX. MBVCB.8875712651.985676.CH 0511 S2 phi DV T3/2025. CT tu 0011000708305 CAO TIEN NAM toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT-B2B0200970436031922272020 25DBqp985676	0011000708305	CAO TIEN NAM	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
623	20/03/2025 01:04:45	20/03/2025	DD	0.00	822,600.00	612,025,311.00	1898	990B2 BIN	990000	TKThe :0541000198998] tại BFTVVNVX. MBVCB.8876019149.200490.s3. 3812 thanh toan dich vu T3/2025. CT tu 0541000198998 TRAN ANH QUAN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SA-B2B0200970436031923455420 25DBqh200490; thoi gian GD:19/03/2025 23:45:50	0541000198998	TRAN ANH QUAN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
624	20/03/2025 08:35:57	20/03/2025	DD	0.00	634,425.00	612,659,736.00	1899	990CT LNH4	990000	TKThe :19034490616015] tại Techcombank. S3 0208 Thanh toan phi dv thang 3 2025 FT25079063009178 -CTLNHIDI000011361687352-1/1-CRE-002	19034490616015	VND-TGTT-HOANG AN MAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
625	20/03/2025 08:36:56	20/03/2025	DD	0.00	129,600.00	612,789,336.00	1900	990CT LNH4	990000	TKThe :19034490616015] tại Techcombank. S3 0208 Thanh toan phi gui xe may thang 3 2025 FT25079588660763 -CTLNHIDI000011361693076-1/1-CRE-002	19034490616015	VND-TGTT-HOANG AN MAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
626	20/03/2025 09:06:46	20/03/2025	DD	0.00	32,500,000.00	645,289,336.00	1901	182377	990000	REM 9901CI250320000002375 B/O TNPM F/O-1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KHU DO THI GOLDMARK CITY DTLS- REF/2025032010100110000055 01302001 THANH TOAN TIEN THU LAO THANG 02/2025 VAO QUY BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE- GOLDMARK CITY Bank Charge .00 VAT .00	0310101020352	TNPM	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
627	20/03/2025 12:36:51	20/03/2025	DD	0.00	1,057,105.00	646,346,441.00	1902	9900 MNISM B	126152	1260000151 0616 S3 TT PDV Thang 3 2025	1261476983	TRAN VAN LAM	BIDV
628	20/03/2025 13:14:26	20/03/2025	DD	0.00	632,775.00	646,979,216.00	1903	9900 MNISM B	211000	1260000151 S33412A thanh toan tien dich vu thang 032025	2110713785	NGUYEN NGOC TUNG	BIDV
629	20/03/2025 13:15:51	20/03/2025	DD	0.00	64,800.00	647,044,016.00	1904	9900 MNISM B	211000	1260000151 S33412A thanh toan tien gui xe may thang 032025	2110713785	NGUYEN NGOC TUNG	BIDV
630	20/03/2025 14:23:02	20/03/2025	DD	0.00	1,113,225.00	648,157,241.00	1905	990B2 BIN	990000	TKThe :0978156804] tại MSCB/VNVX. S3.3602 Thanh toan phi dich vu T32025 - B2B0200970422032014230120 25T081146660	0978156804	NGUYEN HUONG THUY	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
631	20/03/2025 16:27:34	20/03/2025	DD	0.00	861,525.00	649,018,766.00	1906	990B2 BIN	990000	TKThe :0945698785] tại MSCB/VNVX. s3.2614 thanh toan phi dich vu thang 3.2025 B2B0200970422032016273220 251YCP849224	0945698785	NGUYEN THI HUYEN TRANG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
632	20/03/2025 19:56:34	20/03/2025	DD	0.00	700,050.00	649,718,816.00	1907	990CT LNH4	990000	TKThe :2903199869] tại Techcombank. S3.3709 thanh toan dich vu thang 3.2025 FT25079501029771 -CTLNHIDI000011366529744-1/1-CRE-002	2903199869	NGUYEN TRUNG HIEU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
633	24/03/2025 11:00:44	24/03/2025	DW	166,261,925.00	0.00	483,456,891.00	1908	176634	217000	REF217A253143KJFZZL B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCPTD VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BOT NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 1 THANG 3/2025	03101010639008	CTCPDT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
634	24/03/2025 11:00:44	24/03/2025	DDM	73,156.00	0.00	483,383,735.00	1909	176634	217000	REF217A253143KJFZZL B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCPTD VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BOT NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 1 THANG 3/2025			
635	25/03/2025 01:15:55	25/03/2025	IIPD	0.00	81,672.00	483,465,407.00	1910		0	Thanh toan lai thang 03/2025			
636	04/04/2025 14:33:56	04/04/2025	DW	1,440,765.00	0.00	482,024,642.00	1911	176634	217000	REF217A25405EDNY95W B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCPTD VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BOT NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 2 THANG 03/2025	03101010639008	CTCPDT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
637	04/04/2025 14:33:56	04/04/2025	DDM	22,000.00	0.00	482,002,642.00	1912	176634	217000	REF217A25405EDNY95W B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCPTD VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BOT NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 2 THANG 03/2025			

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
638	06/04/2025 08:08:22	06/04/2025	DD	0.00	638,550.00	482,641,192.00	1913	990B2 BIN	99000 0	TKThe :8888351888888 tại MSCBVNVX. s4 3109 thanh toán phí dịch vụ tháng 4 2025 B2B0200970422040608082120259Q50909547	888835188888	DINH HUNG MANH	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
639	06/04/2025 10:06:09	06/04/2025	DD	0.00	790,200.00	483,431,392.00	1914	9900 MNISM B	43215 3	1260000151 s3 3711 thanh toán tiền dịch vụ tháng 04 2025	4321080508	NGUYEN THI DIEU LINH	BIDV
640	06/04/2025 10:59:19	06/04/2025	DD	0.00	949,800.00	484,381,192.00	1915	990CT LNH4	99000 0	TKThe :020013043461 tại Sacombank. IBFT D3506 TT PHI DỊCH VỤ T4 2025 -CTLNHID000011480832466-1/1-CRE-002	020013043461	SACOMBANK CK tu SACOMBANK	NH TMCP Sai Gon Thương tin
641	06/04/2025 11:58:53	06/04/2025	DD	0.00	765,675.00	485,146,867.00	1916	990CT LNH4	99000 0	TKThe :002704060254590 tại VIB. S3.2216 thanh toán phí quản lý phí gửi xe T04.2025 -CTLNHID000011481301167-1/1-CRE-002	002704060254590	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
642	06/04/2025 13:34:02	06/04/2025	DD	0.00	987,600.00	486,134,467.00	1917	990CT LNH4	99000 0	TKThe :01266027001 tại Tienphongbank. D0607 Thanh toán phí dịch vụ tháng 03.2025 -CTLNHID000011481917399-1/1-CRE-002	01266027001	LE THANH TU	NH TMCP Tien Phong
643	06/04/2025 13:47:35	06/04/2025	DD	0.00	987,600.00	487,122,067.00	1918	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19039264147012 tại Techcombank. D1507 thanh toán tiền dịch vụ tháng 4.2025 FT25098205638143 -CTLNHID000011481997523-1/1-CRE-002	19039264147012	VND-TGTT-LE NGOC HAN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
644	06/04/2025 14:24:50	06/04/2025	DD	0.00	636,075.00	487,758,142.00	1919	990CT LNH4	99000 0	TKThe :00302581001 tại Tienphongbank. 12a16 s3 thanh toán phí dịch vụ t4.2025 -CTLNHID000011482223561-1/1-CRE-002	00302581001	TONG THANH THUY	NH TMCP Tien Phong
645	06/04/2025 15:07:12	06/04/2025	DD	0.00	987,600.00	488,745,742.00	1920	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0560105182002 tại MSCBVNVX. Toa D can 3007 TT phí dịch vụ tháng 042025 B2B020097042204061507112025ULLJ374475	0560105182002	NGUYEN VAN TINH	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
646	06/04/2025 18:02:01	06/04/2025	DD	0.00	1,276,350.00	490,022,092.00	1921	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19032592038013 tại Techcombank. D3601 tt tien phi Dv va xe may thang 4 2025 FT25098034407046 -CTLNHID000011484016969-1/1-CRE-002	19032592038013	VND-TGTT-HA THI TUYET NHUNG VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
647	06/04/2025 18:07:54	06/04/2025	DD	0.00	1,303,350.00	491,325,442.00	1922	990CT LNH4	99000 0	TKThe :01750579501 tại Tienphongbank. Phi dich vu D3308 thang 4-2025 -CTLNHID000011484069902-1/1-CRE-002	01750579501	TRAN THI THANH HUONG	NH TMCP Tien Phong
648	06/04/2025 18:08:27	06/04/2025	DD	0.00	1,117,200.00	492,442,642.00	1923	9900 MNISM B	12615 1	1260000151 D.0602 nop phi dich vu va xe may T4 . 2025	1260894652	TAO NGOC ANH	BIDV
649	06/04/2025 19:03:27	06/04/2025	DD	0.00	1,266,225.00	493,708,867.00	1924	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0860100040009 tại MSCBVNVX. Toa nha D can ho 3604 thanh toán tiền phí dịch vụ tháng 42025 B2B020097042204061903262025HJG3921139	0860100040009	NGUYEN QUANG HUNG	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
650	06/04/2025 19:05:06	06/04/2025	DD	0.00	632,000.00	494,340,867.00	1925	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19035068657015 tại Techcombank. s3 2111 phi dv thang 4 FT25098571635131 -CTLNHID000011484526083-1/1-CRE-002	19035068657015	VND-TGTT-LE QUYNH ANH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
651	06/04/2025 19:47:18	06/04/2025	DD	0.00	949,800.00	495,290,667.00	1926	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0510173659006 tại MSCBVNVX. D2307 thanh toán tiền DV và phí gửi xe máy xe dap thang 0425 B2B0200970422040619471720252174271021	0510173659006	TRAN THI HUYEN	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
652	06/04/2025 20:03:11	06/04/2025	DD	0.00	1,190,000.00	496,480,667.00	1927	990CT LNH4	99000 0	TKThe :10520206507014 tại Techcombank. S2 12b11 thanh toán phí dịch vụ nước t4.2025 FT25098041705285 -CTLNHID000011484984949-1/1-CRE-002	10520206507014	VND-TGTT-NGUYEN THI THU THUY VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
653	06/04/2025 20:56:22	06/04/2025	DD	0.00	1,492,350.00	497,973,017.00	1928	9900 MNISM B	21500 0	1260000151 D0801 phí dịch vụ va xe may xe dap thang 4 2025	2152906297	NGO THI THU HUYEN	BIDV
654	06/04/2025 21:32:27	06/04/2025	DD	0.00	698,400.00	498,671,417.00	1929	990CT LNH4	99000 0	TKThe :152731922 tại VPBank. 3611s3 đồng tiền dv và gửi xe may t4 2025 -CTLNHID000011485624004-1/1-CRE-002	152731922	DANG THI YEN	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
655	06/04/2025 21:32:31	06/04/2025	DD	0.00	622,500.00	499,293,917.00	1930	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1012934559 tại BFTVVNVX. MBVCB.9065928588.292942.To a S3 can ho 4001 thanh toán phí dịch vụ tháng 4/2025.CT tu 1012934559 NGUYEN THI THANH VAN toi 1260000151 BAN QUANG B2B020097043604062132352025DBno292942	1012934559	NGUYEN THI THANH VAN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
656	06/04/2025 21:32:33	06/04/2025	DD	0.00	1,193,850.00	500,487,767.00	1931	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1015537839 tại BFTVVNVX. MBVCB.9065928136.292512.S2. 509 thanh toán phí dv+xe may T4/2025. CT tu 1015537839 PHAM THI HIEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAP. B2B020097043604062132372025DBvj292512	1015537839	PHAM THI HIEN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank



STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
657	06/04/2025 21:55:10	06/04/2025	DD	0.00	701,700.00	501,189,467.00	1932	990B2 BIN	99000 0	TKThe :106878257746] tại ICBVVNVX. s3.1017 thanh toán tiền dịch vụ và tiền xe t4.2025 B2B0200970415040621550920 25CrqV405879	10687825 7746	NGUYEN THI MINH HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
658	06/04/2025 22:08:53	06/04/2025	DD	0.00	1,140,625.00	502,330,092.00	1933	9900 MNISM B	22000 0	1260000151 PHAN THUY DUNG Chuyen tien D3304 thanh toán phi dv thang 4.2025 da tru phi nuoc	22065258 14	PHAN THUY DUNG	BIDV
659	06/04/2025 23:06:25	06/04/2025	DD	0.00	1,088,025.00	503,418,117.00	1934	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19028649563015] tại Techcombank. 523308 tt pdv thang4 2025 FT25098771817752 -CTLNHIDI000011486066359-1/1-CRE-002	19028649 563015	VND-TGTT-LA THI NHAM VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
660	07/04/2025 07:57:18	07/04/2025	DD	0.00	993,600.00	504,411,717.00	1935	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1462207014796] tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151:1407 S4 ck phi T42025 - B2B0200970405040707571720 254LKQ056145	14622070 14796	BUI THI HUONG LAN	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Viet Nam Agribank
661	07/04/2025 09:16:26	07/04/2025	DD	0.00	922,800.00	505,334,517.00	1936	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0451000322916] tại BFTVVNVX. MBVCB.9068317869.894979.D3 402 Thanh Toán Dịch Vụ+ xe may t4/2025.CT tu 0451000322916 NGUYEN VAN NGHI toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHU - B2B0200970436040709162620 25DBoq894979	04510003 22916	NGUYEN VAN NGHI	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
662	07/04/2025 14:48:34	07/04/2025	DD	0.00	1,211,550.00	506,546,067.00	1937	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0570109603008] tại MSCBVNVX. PHAM DINH HOAN chuyen tien can ho D1808 thanh toán tiền phi dịch vụ và trong giuu xe may T42025 - B2B0200970422040714483320 25PAG0813846	05701096 03008	PHAM DINH HOAN	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
663	07/04/2025 15:21:12	07/04/2025	DD	0.00	1,023,225.00	507,569,292.00	1938	990CT LNH4	99000 0	TKThe :0989336322] tại SHB. S2-2008 TTDV T42025 -CTLNHIDI000011489389394-1/1-CRE-002	09893363 22	SHBMB 77THD	NH TMCP Sài Gòn Hà Nội
664	07/04/2025 17:43:03	07/04/2025	DD	0.00	920,352.00	508,489,644.00	1939	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19121300649990] tại Techcombank. 53 0703 tt tien phi dich vu/ phi gui 01 xe may thang 4 2025 FT25098124942881 -CTLNHIDI000011490430103-1/1-CRE-002	19121300 649990	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH HIEU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
665	07/04/2025 18:59:13	07/04/2025	DD	0.00	1,211,550.00	509,701,194.00	1940	990CT LNH4	99000 0	TKThe :7286666] tại Techcombank. D.3608 Thanh toán tiền dvu Thang 04.2025 FT25098837006147 -CTLNHIDI000011491006893-1/1-CRE-002	72866666	NGUYEN THI THUY VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
666	07/04/2025 19:37:14	07/04/2025	DD	0.00	1,024,875.00	510,726,069.00	1941	990B2 BIN	99000 0	TKThe :109004517037] tại ICBVVNVX. DANG THI THU HUYEN chuyen tien dich vu 0311 S2 thang 4 nam 2025 B2B0200970415040719371420 258sG2984632	10900451 7037	DANG THI THU HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
667	07/04/2025 19:44:04	07/04/2025	DD	0.00	1,381,855.00	512,107,924.00	1942	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0934943493] tại MSCBVNVX. S20505 thanh toán tiền dịch vụ T4.2025 - B2B0200970422040719440320 25H68K985506	09349434 93	NGUYEN THI BICH	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
668	07/04/2025 20:44:33	07/04/2025	DD	0.00	636,075.00	512,743,999.00	1943	990B2 BIN	99000 0	TKThe :108867412632] tại ICBVVNVX. can s4 2604 đồng phi dv thang 4 - B2B0200970415040720443320 25hiQK279289	10886741 2632	DANG THI THUY	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
669	07/04/2025 20:53:50	07/04/2025	DD	0.00	926,140.00	513,670,139.00	1944	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19035067268015] tại Techcombank. 180153 tt tien dich vu T4.2025 FT25098439660467 -CTLNHIDI000011491784957-1/1-CRE-002	19035067 268015	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH NGA VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
670	07/04/2025 21:05:21	07/04/2025	DD	0.00	987,600.00	514,657,739.00	1945	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19035300795012] tại Techcombank. D2906 thanh toán phi dịch vụ và gui xe thang 4 nam 2025 FT25098504167451 -CTLNHIDI000011491855600-1/1-CRE-002	19035300 795012	VND-TGTT-VU THI PHUONG QUYNH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
671	07/04/2025 21:14:31	07/04/2025	DD	0.00	639,375.00	515,297,114.00	1946	990CT LNH4	99000 0	TKThe :9922558989] tại Techcombank. TRAN THI TAM S3.2017 chuyen tien phi dich vu thang 03-2025 theo thông báo dán của can ho S3.2017 ngày 05-04-2025 FT25098005182006 -CTLNHIDI000011491909312-1/1-CRE-002	99225589 89	TRAN THI TAM VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
672	07/04/2025 21:48:03	07/04/2025	DD	0.00	1,211,550.00	516,508,664.00	1947	990CTLNH4	990000	TKThe :381666 tại Techcombank. PHAM DINH THAI D.2908 thanh toán phí DV T4-2025 FT25098441946316 -CTLNHIDI000011492090372-1/1-CRE-002	381666	PHAM DINH THAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
673	07/04/2025 23:10:52	07/04/2025	DD	0.00	1,052,400.00	517,561,064.00	1948	990CTLNH4	990000	TKThe :19029689028011 tại Techcombank. VU THU HANG chuyen can ho D3602 nop tien dich vu thang 4 nam 2025 FT25098251094141 -CTLNHIDI000011492391682-1/1-CRE-002	19029689028011	VND-TGTT-VU THU HANG VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
674	08/04/2025 07:46:07	08/04/2025	DD	0.00	884,475.00	518,445,539.00	1949	990B2BIN	990000	TKThe :1507205265619 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151:2416 toa S3 tt phi dv thang 4 nam 2025 B2B0200970405040807460720 259B0H072409	1507205265619	NGUYEN VAN NGOC	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank
675	08/04/2025 11:13:22	08/04/2025	DD	0.00	788,550.00	519,234,089.00	1950	990CTLNH4	990000	TKThe :01683676001 tại Tienphongbank. 12a05 s3 ck tien dvu t4 2025 -CTLNHIDI000011494650400-1/1-CRE-002	01683676001	TRAN THAI HA	NH TMCP Tien Phong
676	08/04/2025 12:15:11	08/04/2025	DD	0.00	1,238,550.00	520,472,639.00	1951	9900MNISM B	116000	1260000151 D3301 nop phi dv Thang 3	1160127540	NGUYEN THI NGAN	BIDV
677	08/04/2025 13:11:50	08/04/2025	DD	0.00	764,850.00	521,237,489.00	1952	9900MNISM B	450192	1260000151 s4 0808 phi dich vu thang 4 2025	4505336092	DANG DINH TAN	BIDV
678	08/04/2025 13:22:07	08/04/2025	DD	0.00	1,014,600.00	522,252,089.00	1953	9900MNISM B	260154	1260000151 d2306 tt dich vu thang 4 2025	2601277954	PHAM THI BICH	BIDV
679	08/04/2025 14:03:26	08/04/2025	DD	0.00	1,052,400.00	523,304,489.00	1954	990B2BIN	990000	TKThe :0021000349274 tại BFTVVNVX. MBVCB.9081581540.656415.To a S5 can ho 3207 thanh toán tien dich vu thang 4 nam 2025.CT tu 0021000349274 NGUYEN HAI HA toi 1260000151 BAN-B2B0200970436040814032520 25DBmk656415	0021000349274	NGUYEN HAI HA	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
680	08/04/2025 14:56:14	08/04/2025	DD	0.00	763,200.00	524,067,689.00	1955	990B2BIN	990000	TKThe :0491000046933 tại BFTVVNVX. MBVCB.9082143918.999743.To a S3 Can Ho 3712 Thanh toán phi dich vu thang 4/2025.CT tu 0491000046933 VU NGOC BAO toi 1260000151 BAN QUAN T-B2B0200970436040814561420 25DBvt999743	0491000046933	VU NGOC BAO	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
681	08/04/2025 15:27:41	08/04/2025	DD	0.00	1,016,025.00	525,083,714.00	1956	9900MNISM B	501153	1260000151 LE DUY LUC 2902 S3 Chuyen tien dich vu thang 4 nam 2025	5010509881	LE DUY LUC	BIDV
682	08/04/2025 15:39:37	08/04/2025	DD	0.00	1,363,425.00	526,447,139.00	1957	990CTLNH4	990000	TKThe :2061979999 tại Techcombank. DANG THI KIM NHUNG D3404 FT25098387194554 -CTLNHIDI000011496483667-1/1-CRE-002	2061979999	DANG THI KIM NHUNG VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
683	08/04/2025 18:03:59	08/04/2025	DD	0.00	700,050.00	527,147,189.00	1958	990B2BIN	990000	TKThe :0898148549 tại MSCBVNVX. s31604 dong phi dich vu thang 42025 B2B0200970422040818035820 25HZAB620751	0898148549	BUI THI THUY	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
684	08/04/2025 20:50:10	08/04/2025	DD	0.00	861,000.00	528,008,189.00	1959	9900MNISM B	217000	1260000151 PHAM THI THANH Chuyen tien DV T4 2025 CH 3315 S4 Nguyen Thi Ngoc Thuy	2170003655	PHAM THI THANH	BIDV
685	08/04/2025 20:53:20	08/04/2025	DD	0.00	1,093,725.00	529,101,914.00	1960	990CTLNH4	990000	TKThe :19033337381010 tại Techcombank. S3 2414 thanh toán phi dv va gui xe t4 2025 FT25098076348059 -CTLNHIDI000011499370611-1/1-CRE-002	19033337381010	VND-TGTT-HOANG THI LY VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
686	08/04/2025 21:11:54	08/04/2025	DD	0.00	763,000.00	529,864,914.00	1961	990CTLNH4	990000	TKThe :03801019920344 tại MSB. s3 2105 thanh toán phi dich vu t4 2025 -CTLNHIDI000011499488290-1/1-CRE-002	03801019920344	NGO THI THU 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
687	08/04/2025 21:12:07	08/04/2025	DD	0.00	932,700.00	530,797,614.00	1962	990B2BIN	990000	TKThe :107868846918 tại ICBVVNVX. QR - S2 1001 thanh toán dich vu thang 04-2025 -B2B0200970415040821120720 25eNcA698787	107868846918	CAO BINH PHUONG	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
688	08/04/2025 21:15:20	08/04/2025	DD	0.00	765,675.00	531,563,289.00	1963	990B2BIN	990000	TKThe :1017223896 tại BFTVVNVX. MBVCB.9086997021.179971.S3. 0508 thanh toán tien dich vu thang 04/2025.CT tu 1017223896 DOAN BA HIEU toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG C-B2B0200970436040821151920 25DBuj179971	1017223896	DOAN BA HIEU	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
689	08/04/2025 21:50:28	08/04/2025	DD	0.00	1,182,675.00	532,745,964.00	1964	990B2 BIN	990000	TKThe :0691000379694 tại BFTVVNVX. MBVCB.9087316040.391025.s2_2703 Thanh toán phí dịch vụ 04/2025.CT tu 0691000379694 BUI THANH AN tại 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU-B2B0200970436040821502720 25DBxh391025	0691000379694	BUI THANH AN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
690	09/04/2025 07:48:45	09/04/2025	DD	0.00	987,600.00	533,733,564.00	1965	990B2 BIN	990000	TKThe :104867417140 tại ICBVVNVX. toa diamond can ho d2602 thanh toán phí dịch vụ tháng4.2025 B2B0200970415040907484020 25yJEp374056	104867417140	DO VAN LUC	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
691	09/04/2025 08:11:32	09/04/2025	DD	0.00	922,800.00	534,656,364.00	1966	990CT LNH4	990000	TKThe :9232222222 tại Techcombank. D12A02 TT PHI QUAN LY VA PHI GUI XE MAY T4.2025 FT25099574004304 -CTLNHIDI000011500909407-1/1-CRE-002	9232222222	PHAM NGOC LONG VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
692	09/04/2025 08:49:09	09/04/2025	DD	0.00	832,950.00	535,489,314.00	1967	990CT LNH4	990000	TKThe :29831989 tại ACB. S4.3009 THANH TOAN PHI DỊCH VỤ VA XE MAY THANG 4/2025-090425-08-49:09 813180 -CTLNHIDI000011501148611-1/1-CRE-002	29831989	LY VAN LOC	NH TMCP A Chau
693	09/04/2025 08:57:16	09/04/2025	DD	0.00	1,080,825.00	536,570,139.00	1968	990CT LNH4	990000	TKThe :19032575865666 tại Techcombank. s3 1002 đồng tiền dv t4 2025 FT25099099099479 -CTLNHIDI000011501202360-1/1-CRE-002	19032575865666	VND-TGTT-NGUYEN MINH CHAU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
694	09/04/2025 09:08:00	09/04/2025	DD	0.00	776,100.00	537,346,239.00	1969	990O MNISM B	125000	1260000151 S2 1601 TT PHI DV T 4.2025	1251028411	NGUYEN THI HUYEN	BIDV
695	09/04/2025 09:47:36	09/04/2025	DD	0.00	1,350,000.00	538,696,239.00	1970	990CT LNH4	990000	TKThe :19032575865666 tại Techcombank. NGUYEN MINH CHAU chuyển FT25099404754902 -CTLNHIDI000011501559484-1/1-CRE-002	19032575865666	VND-TGTT-NGUYEN MINH CHAU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
696	09/04/2025 10:04:03	09/04/2025	DD	0.00	731,700.00	539,427,939.00	1971	990CT LNH4	990000	TKThe :45399998 tại VPBank. LE SY TRUNG S3 2309 thanh toán phí dịch vụ tháng 4 -CTLNHIDI000011501679355-1/1-CRE-002	45399998	LE SY TRUNG	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vương
697	09/04/2025 11:07:50	09/04/2025	DD	0.00	1,601,775.00	541,029,714.00	1972	990CT LNH4	990000	TKThe :01102354001 tại Tienphongbank. d2303 tt phi dv tháng 4-2025 -CTLNHIDI000011502146362-1/1-CRE-002	01102354001	LE THI DUYEN	NH TMCP Tien Phong
698	09/04/2025 11:25:50	09/04/2025	DD	0.00	697,575.00	541,727,289.00	1973	990O MNISM B	425000	1260000151 Toa S3 can ho 2912a thanh toán phí dịch vụ va xe may tháng 4.2025	4251458565	NGUYEN DUC HUNG	BIDV
699	09/04/2025 12:14:59	09/04/2025	DD	0.00	639,375.00	542,366,664.00	1974	990CT LNH4	990000	TKThe :19031952114666 tại Techcombank. S4 4009 đồng phi quan ly hang tháng FT25099101040067 -CTLNHIDI000011502666086-1/1-CRE-002	19031952114666	VND-TGTT-LE THI TUYEN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
700	09/04/2025 12:27:25	09/04/2025	DD	0.00	1,303,200.00	543,669,864.00	1975	990CT LNH4	990000	TKThe :0945208155 tại VPBank. s2 0503 thanh toán dịch vụ tháng 4-2025 -CTLNHIDI000011502755257-1/1-CRE-002	0945208155	DO THI LOAN	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vương
701	09/04/2025 12:41:46	09/04/2025	DD	0.00	194,400.00	543,864,264.00	1976	990CT LNH4	990000	TKThe :19031952114666 tại Techcombank. S4 4009 đồng phi xe may hang tháng FT25099958020323 -CTLNHIDI000011502848536-1/1-CRE-002	19031952114666	VND-TGTT-LE THI TUYEN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
702	09/04/2025 20:26:12	09/04/2025	DD	0.00	893,925.00	544,758,189.00	1977	990CT LNH4	990000	TKThe :1617091985 tại Techcombank. S3.0510 thanh toán tiền dịch vụ tháng 4.2025 FT25099409215789 -CTLNHIDI000011506355381-1/1-CRE-002	1617091985	DAO THI THUY VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
703	09/04/2025 21:18:12	09/04/2025	DD	0.00	1,190,625.00	545,948,814.00	1978	990CT LNH4	990000	TKThe :11520635718019 tại Techcombank. D.12B04 TT phi dịch vụ va 03 xe dap tháng 4.2025 FT25100430500021. -CTLNHIDI000011506699794-1/1-CRE-002	11520635718019	VND-TGTT-DO QUOC KHANH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
704	09/04/2025 21:25:01	09/04/2025	DD	0.00	796,425.00	546,745,239.00	1979	990CT LNH4	990000	TKThe :102026666 tại VIB. S3.1512A TTDV T4.2025 -CTLNHIDI000011506740800-1/1-CRE-002	102026666	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
705	10/04/2025 01:08:36	10/04/2025	DD	0.00	770,550.00	547,515,789.00	1980	990O MNISM B	425000	1260000151 3107s3 ck phi dịch vụ t4; thời gian GD:09/04/2025 23:47:55	4250337768	NGUYEN THI HONG NHUNG	BIDV
706	10/04/2025 01:22:39	10/04/2025	DD	0.00	775,125.00	548,290,914.00	1981	990B2 BIN	990000	TKThe :103003385163 tại ICBVVNVX. toa S3 can ho 1610 thanh toán tiền dịch vụ tháng 4 2025 B2B0200970415041000411020 25XDX450258; thời gian GD:10/04/2025 00:41:11	103003385163	LE THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
707	10/04/2025 09:00:23	10/04/2025	DD	0.00	922,800.00	549,213,714.00	1982	990O MNISM B	220150	1260000151 Diamond D12A06 đồng phi dịch vụ tháng 4.2025	2200190454	DO MANH CUONG	BIDV
708	10/04/2025 16:02:20	10/04/2025	DD	0.00	633,600.00	549,847,314.00	1983	990CT LNH4	990000	TKThe :03801019916057 tại MSB. 4012A S3 tt phi dv t4 -CTLNHIDI000011511747518-1/1-CRE-002	03801019916057	LUU THI DUNG 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
709	10/04/2025 16:41:51	10/04/2025	DD	0.00	834,525.00	550,681,839.00	1984	990CTLNH4	990000	TKThe :19029970163017] tại Techcombank. ch 2506 s3 tt phi dv th4 FT25100758159676 -CTLNHID000011512126584-1/1-CRE-002	19029970163017	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
710	10/04/2025 20:51:22	10/04/2025	DD	0.00	699,225.00	551,381,064.00	1985	990CTLNH4	990000	TKThe :19036327631018] tại Techcombank. S3.0512 Thanh toán tien dich vu thang 04.2025 FT25100507097871 -CTLNHID000011514535241-1/1-CRE-002	19036327631018	VND-TGTT-PHAM MINH HAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
711	10/04/2025 21:10:18	10/04/2025	DD	0.00	1,282,425.00	552,663,489.00	1986	990CTLNH4	990000	TKThe :186997368] tại VPBank. D4004 tt phi dich vu t4 -CTLNHID000011514685795-1/1-CRE-002	186997368	LE HONG GIANG	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
712	10/04/2025 21:30:30	10/04/2025	DD	0.00	1,159,350.00	553,822,839.00	1987	990CTLNH4	990000	TKThe :19022818423025] tại Techcombank. S1 0810 nop tien phi Dv gui xe may xe dap thang 4-2025 FT25101592468360 -CTLNHID000011514837117-1/1-CRE-002	19022818423025	VND-TGTT-VU THI THANH MINH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
713	10/04/2025 22:47:16	10/04/2025	DD	0.00	767,325.00	554,590,164.00	1988	990CTLNH4	990000	TKThe :19034697616015] tại Techcombank. S3.0817 thanh toán phi quan ly va gui xe may thang 4.2025 FT25101077693200 -CTLNHID000011515259285-1/1-CRE-002	19034697616015	VND-TGTT-DANG DUY VIET VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
714	11/04/2025 08:46:08	11/04/2025	DD	0.00	987,600.00	555,577,764.00	1989	990CTLNH4	990000	TKThe :403909999] tại VIB. D2106 thanh toán phi dich vu va gui xe may t4.2025 -CTLNHID000011516635778-1/1-CRE-002	403909999	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
715	11/04/2025 10:23:22	11/04/2025	DD	0.00	1,014,600.00	556,592,364.00	1990	990B2BIN	990000	TKThe :108872418782] tại ICBVNVX. D12B02 thanh toán toan dich vu thang 4-2025 B2B0200970415041110232120 25Vpzz254103	108872418782	HOANG THI THU HA	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
716	11/04/2025 15:26:09	11/04/2025	DD	0.00	987,600.00	557,579,964.00	1991	990CTLNH4	990000	TKThe :19028561849024] tại Techcombank. 3307D thanh toán phi dich vu FT25101333704326 -CTLNHID000011519577337-1/1-CRE-002	19028561849024	VND-TGTT-LE THI HOAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
717	11/04/2025 16:07:15	11/04/2025	DD	0.00	766,500.00	558,346,464.00	1992	990B2BIN	990000	TKThe :0971802318] tại MSCBVNVX. S4 0604 TTDV va gui xe may t4 2025 B2B0200970422041116071320 25I649874168	0971802318	PHUNG THI THUY DUONG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
718	11/04/2025 17:18:35	11/04/2025	DD	0.00	1,017,675.00	559,364,139.00	1993	990B2BIN	990000	TKThe :0451001284161] tại BFTVNVX. MBVCB.9120854535 026434.S4 0402 nop phi T4/2025. CT tu 0451001284161 BUI MANH HUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT - B2B0200970436041117184020 25DBif026434	0451001284161	BUI MANH HUNG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
719	11/04/2025 17:20:36	11/04/2025	DD	0.00	767,325.00	560,131,464.00	1994	990B2BIN	990000	TKThe :0301000299324] tại BFTVNVX. MBVCB.9120884516.043432.S3. 3609 thanh toán phi quan ly va phi gui xe may thang 4/2025. CT tu 0301000299324 LE XUAN PHUC toi 1260000151 BA- B2B0200970436041117203620 25DByt043432	0301000299324	LE XUAN PHUC	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
720	11/04/2025 19:48:14	11/04/2025	DD	0.00	954,150.00	561,085,614.00	1995	990B2BIN	990000	TKThe :0120100014861] tại MSCBVNVX. s3.2907 thanh toán phi dich vu thang 4-2025 B2B0200970422041119481320 25IDK8600969	0120100014861	NGUYEN THI KIM OANH	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
721	11/04/2025 21:37:12	11/04/2025	DD	0.00	1,109,625.00	562,195,239.00	1996	990CTLNH4	990000	TKThe :069704060001810] tại VIB. D1804 dong tien phi quan ly thang 4 -CTLNHID000011522910562-1/1-CRE-002	069704060001810	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
722	11/04/2025 21:43:33	11/04/2025	DD	0.00	1,368,150.00	563,563,389.00	1997	990B2BIN	990000	TKThe :0491000059663] tại BFTVNVX. MBVCB.9124740214.573797.To a D can ho 0701 Thanh toán phi dich vu thang 4/2025. CT tu 0491000059663 THE HAI NAM toi 1260000151 BAN QUAN TR- B2B0200970436041121433320 25DBpg573797	0491000059663	THE HAI NAM	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
723	12/04/2025 11:09:00	12/04/2025	DD	0.00	1,277,000.00	564,840,389.00	1998	9900MNIAMB	124153	1260000151 d0808 tt phi dich vu va gui xe may thang 4 nam 2025	1242180089	NGUYEN THI TRANG	BIDV
724	12/04/2025 11:12:18	12/04/2025	DD	0.00	899,325.00	565,739,714.00	1999	990B2BIN	990000	TKThe :0700100396666] tại MSCBVNVX. S3.1114 thanh toán phi dich vu va phi gui xe may t4.2025 B2B0200970422041211121720 25RL62426707	0700100396666	TRAN THI THUY	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
725	12/04/2025 11:29:49	12/04/2025	DD	0.00	646,223.00	566,385,937.00	2000	990CTLNH4	990000	TKThe :03101011749511] tại MSB. S3.1514 thanh toán tien phi dich vu thang 4/2025 -CTLNHID000011525740212-1/1-CRE-002	03101011749511	HOANG HUU THANH 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
726	12/04/2025 12:14:32	12/04/2025	DD	0.00	711,975.00	567,097,912.00	2001	990CTLNH4	990000	TKThe :19031773461019 tại Techcombank. Phi dịch vụ 231054 tháng 4 FT25102860280501-CTLNHIDI000011526079259-1/1-CRE-002	19031773461019	VND-TGTT-NGUYEN THI BINH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
727	12/04/2025 13:05:02	12/04/2025	DD	0.00	1,202,000.00	568,299,912.00	2002	990B2BIN	990000	TKThe :0011000708305 tại BFTVVNVX. MBVCB.9130321557.266405.CH0511 S2 phi DV T4/2025.CT tu 0011000708305 CAO TIEN NAM toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT-B2B020097043604121305062025DBml266405	0011000708305	CAO TIEN NAM	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
728	12/04/2025 15:53:17	12/04/2025	DD	0.00	1,276,350.00	569,576,262.00	2003	9900MNISM B	122000	1260000151 D12A08 thanh toan tien dich vu vs xe may t4 2025	1220369046	LAI MINH BAO	BIDV
729	12/04/2025 19:53:54	12/04/2025	DD	0.00	697,575.00	570,273,837.00	2004	9900MNISM B	486000	1260000151 S4.2513 thanh tien dich vu t4.2025	4860090668	NGUYEN DANG KHUE	BIDV
730	12/04/2025 22:13:34	12/04/2025	DD	0.00	1,552,750.00	571,826,587.00	2005	990B2BIN	990000	TKThe :0981881666 tại MSCBVNVX. D4008 nop tien phi dich vu thang 42005 - B2B020097042204122213332025XIZH531673	0981881666	NGUYEN HAI HA	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
731	13/04/2025 00:36:35	13/04/2025	DD	0.00	1,079,400.00	572,905,987.00	2006	990B2BIN	990000	TKThe :1200209334323 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151:D3206 thanh toan tien dich vu thang 4 2025 - B2B020097040504122346272025AUY5095781; thời gian GD:12/04/2025 23:46:27	1200209334323	LUU NGOC TUAN	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank
732	13/04/2025 05:44:05	13/04/2025	DD	0.00	1,117,875.00	574,023,862.00	2007	9900MNISM B	37514	1260000151 S22103 nop phi dichj vu thang 4	3750008963	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
733	13/04/2025 05:45:31	13/04/2025	DD	0.00	91,800.00	574,115,662.00	2008	9900MNISM B	37514	1260000151 S2 2103 nop phi gui xe dap xe may	3750008963	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
734	13/04/2025 09:18:06	13/04/2025	DD	0.00	698,400.00	574,814,062.00	2009	9900MNISM B	471000	1260000151 S3.1105 TT phi dich vu 04.2025	4710694451	TRAN TRUNG KIEN	BIDV
735	13/04/2025 13:17:28	13/04/2025	DD	0.00	767,325.00	575,581,387.00	2010	990CTLNH4	990000	TKThe :1080007257500000 tại PVcomBank. 2317 S4 thanh toan tien dich vu thang 4 2025 -CTLNHIDI000011533148171-1/1-CRE-002	108000725750	BUI MINH QUANG HA NOI	NH TMCP Dai chung Viet nam
736	13/04/2025 18:00:01	13/04/2025	DD	0.00	635,250.00	576,216,637.00	2011	990CTLNH4	990000	TKThe :03147955301 tại Tienphongbank. s32108 thanh toan phi dich vu t4.2025 -CTLNHIDI000011534996354-1/1-CRE-002	03147955301	PHUNG THI HANH	NH TMCP Tien Phong
737	13/04/2025 18:06:20	13/04/2025	DD	0.00	1,464,450.00	577,681,087.00	2012	990CTLNH4	990000	TKThe :0974025105 tại VPBank. S2-12A07 - Thanh toan tien phi dich vu Thang 04-2025 -CTLNHIDI000011535047971-1/1-CRE-002	0974025105	BUI THI VAN	NH TMCP Viet Nam Tinh Vuong
738	13/04/2025 18:46:08	13/04/2025	DD	0.00	1,331,025.00	579,012,112.00	2013	990B2BIN	990000	TKThe :1014258540 tại BFTVVNVX. MBVCB.9145309674.288745.thanh toan tien phi dich vu phi xe dap xe may thang 04/2025.CT tu 1014258540 TRAN HOANG MINH toi 1260000151 BAN QU-B2B020097043604131846132025DBmb288745	1014258540	TRAN HOANG MINH	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
739	13/04/2025 21:17:17	13/04/2025	DD	0.00	900,150.00	579,912,262.00	2014	990ACHIN	990000	TKThe :170810301001011 tại EXIMBANK. ACH/Toa 53 can ho 1606 thanh toan phi dich vu thang 4 2025 - ACH0200970431041321171320250726376327	170810301001011	BUI TRONG DUC HIEU	NGAN HANG TMCP XUAT NHAP KHAU VIET NAM - EXIMBANK
740	14/04/2025 08:43:00	14/04/2025	DD	0.00	1,080,825.00	580,993,087.00	2015	990CTLNH4	990000	TKThe :11121648432015 tại Techcombank. S3.0602 TT tien dich vu 04-2025 FT25104042938060 -CTLNHIDI000011537984972-1/1-CRE-002	11121648432015	VND-TGTT-VU MINH TAN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
741	14/04/2025 08:55:50	14/04/2025	DD	0.00	834,525.00	581,827,612.00	2016	990B2BIN	990000	TKThe :2579898888 tại MSCBVNVX. s3.2715 thanh toan tien dich vu thang 42025 - B2B020097042204140855482025JE2M676027	2579898888	TRINH THI HUE	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
742	14/04/2025 09:40:52	14/04/2025	DD	0.00	1,052,400.00	582,880,012.00	2017	990B2BIN	990000	TKThe :0451001323492 tại BFTVVNVX. MBVCB.9150375164.619925.D2806 thanh toan phi dich vu thang 4/2025.CT tu 0451001323492 PHAM THI HONG NHUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NH-B2B020097043604140940522025DBmu619925	0451001323492	PHAM THI HONG NHUNG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
743	14/04/2025 09:58:20	14/04/2025	DD	0.00	899,325.00	583,779,337.00	2018	990CTLNH4	990000	TKThe :04262769999 tại Tienphongbank. S3.1607 tt phi dv 4.2025 -CTLNHIDI000011538525024-1/1-CRE-002	04262769999	DONG THANH SON	NH TMCP Tien Phong
744	14/04/2025 17:41:42	14/04/2025	DD	0.00	997,875.00	584,777,212.00	2019	9900MNISM B	216152	1260000151 S1.12A06 thanh toan phi dich vu xe may thang 4.2025	2160037000	TRAN THI DIEM HUONG	BIDV

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
745	14/04/2025 19:34:25	14/04/2025	DD	0.00	698,400.00	585,475,612.00	2020	9900 MNISM B	460155	1260000151 S3.4011 TT PDV. gui xe may T4.2025	4603479392	NGUYEN THE CHIEN	BIDV
746	14/04/2025 22:13:35	14/04/2025	DD	0.00	861,525.00	586,337,137.00	2021	990B2 BIN	990000	TKThe :0945698785 tại MSCBVNVX. s32614 thanh toán phí dịch vụ tháng 4 - B2B0200970422041422133420 25V0H2889700	0945698785	NGUYEN THI HUYEN TRANG	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
747	15/04/2025 09:02:36	15/04/2025	DD	0.00	698,400.00	587,035,537.00	2022	990B2 BIN	990000	TKThe :100870971232 tại ICBVVNVX. QR - s3-3105 đồng phí dịch vụ + xe may tháng 4-2025 - B2B0200970415041509023520 254EA4956255	100870971232	NGUYEN VAN TRUONG	Ngân hàng TMCP Công Thương Viet Nam VietinBank
748	15/04/2025 09:19:39	15/04/2025	DD	0.00	1,113,225.00	588,148,762.00	2023	990B2 BIN	990000	TKThe :0978156804 tại MSCBVNVX. S3.3602 Thanh toán phi T42025 - B2B0200970422041509193820 258RNM461398	0978156804	NGUYEN HUONG THUY	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
749	15/04/2025 09:42:04	15/04/2025	DD	0.00	921,150.00	589,069,912.00	2024	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000258271 tại BFTVVNVX. MBVCB.9162146224.309262.S3.12A03 thanh toán phí dịch vụ-giuxe may tháng 4/25.CT tu 0451000258271 NGUYEN THI MAI HANH toi 1260000151 BAN - B2B0200970436041509420320 25DBtb309262	0451000258271	NGUYEN THI MAI HANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
750	15/04/2025 11:32:39	15/04/2025	DDM	110,000.00	0.00	588,959,912.00	2025	990QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T04 2025			
751	15/04/2025 14:20:33	15/04/2025	DD	0.00	987,600.00	589,947,512.00	2026	990CT LNH4	990000	TKThe :19028561849024 tại Techcombank. 3307D FT25105703982195 -CTLNHIDI000011547676674-1/1-CRE-002	19028561849024	VND-TGTT-LE THI HOAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
752	15/04/2025 18:24:14	15/04/2025	DD	0.00	635,250.00	590,582,762.00	2027	990B2 BIN	990000	TKThe :0451000399031 tại BFTVVNVX. MBVCB.9168492782.448995.S3 3708 nop phi dv T4 2025.CT tu 0451000399031 NGUYEN THU HANG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE- B2B0200970436041518241420 25DBla448995	0451000399031	NGUYEN THU HANG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
753	15/04/2025 18:35:52	15/04/2025	DD	0.00	900,975.00	591,483,737.00	2028	990B2 BIN	990000	TKThe :0011004043105 tại BFTVVNVX. MBVCB.9168666681.567273.ca n ho 111454 goldmarkcity ck phi quan ly+ gui xe may tháng 4/2025.CT tu 0011004043105 PHAM HUONG GIAN toi 12600- B2B0200970436041518355620 25DBvu567273	0011004043105	PHAM HUONG GIANG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
754	15/04/2025 21:57:36	15/04/2025	DD	0.00	1,174,425.00	592,658,162.00	2029	990CT LNH4	990000	TKThe :19030712141686 tại Techcombank. D2904 thanh toán phí dịch vụ va xe may t42025 FT25106047875572 -CTLNHIDI000011551507063-1/1-CRE-002	19030712141686	VND-TGTT- PHAM BA TUAN ANH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
755	15/04/2025 22:39:37	15/04/2025	DD	0.00	1,401,225.00	594,059,387.00	2030	990CT LNH4	990000	TKThe :011704060129989 tại VIB. D.2905 Thanh toán tiền phí quan ly phi gui xe may phí gui xe dien Tháng: 04-2025 -CTLNHIDI000011551727469-1/1-CRE-002	011704060129989	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
756	16/04/2025 07:29:56	16/04/2025	DD	0.00	1,330,350.00	595,389,737.00	2031	990B2 BIN	990000	TKThe :8310106986008 tại MSCBVNVX. Can D.2001 thanh toán phi DV. phi xe dap. phi xe may tháng 4.2025 - B2B0200970422041607295520 256DV4757291	8310106986008	CHU THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
757	16/04/2025 09:03:57	16/04/2025	DD	0.00	761,550.00	596,151,287.00	2032	990CT LNH4	990000	TKThe :19031911299996 tại Techcombank. S3 2011 THANH TOAN PHI DỊCH VỤ T425 FT25106834773838 -CTLNHIDI000011553230586-1/1-CRE-002	19031911299996	VND-TGTT-TRAN THUY NGAN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
758	16/04/2025 09:38:06	16/04/2025	DD	0.00	1,016,025.00	597,167,312.00	2033	990CT LNH4	990000	TKThe :19033935636015 tại Techcombank. s3 3302 phi dv FT25106962802082 -CTLNHIDI000011553481563-1/1-CRE-002	19033935636015	VND-TGTT-LE THI PHUONG THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
759	16/04/2025 10:02:45	16/04/2025	DD	0.00	765,675.00	597,932,987.00	2034	990CT LNH4	990000	TKThe :585999859999 tại VPBank. S31616 ttdv t42025 -CTLNHIDI000011553666224-1/1-CRE-002	585999859999	DANG VIET QUANG	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vuong
760	16/04/2025 10:14:56	16/04/2025	DD	0.00	922,800.00	598,855,787.00	2035	990CT LNH4	990000	TKThe :366196 tại ACB. D2002 THANH TOAN PHI DỊCH VỤ THANG 4/2025.16425-160425-10:14:56 751424 -CTLNHIDI000011553759343-1/1-CRE-002	366196	PHAM THI NGA	NH TMCP A Chau
761	16/04/2025 19:19:50	16/04/2025	DD	0.00	1,060,200.00	599,915,987.00	2036	990CT LNH4	990000	TKThe :03501012723622 tại MSB. S2.1108 thanh toán tiền dịch vụ+xe tháng 4/2025 -CTLNHIDI000011557883166-1/1-CRE-002	03501012723622	TRAN THI HANH PHUC 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
762	16/04/2025 19:25:02	16/04/2025	DD	0.00	949,800.00	600,865,787.00	2037	9900 MNISM B	260152	1260000151 D3902 thanh toán phí quan ly xe may xe dap t04.2025	2600539059	PHAM THI HONG NHUNG	BIDV

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
763	16/04/2025 22:52:43	16/04/2025	DD	0.00	1,857,525.00	602,723,312.00	2038	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0491000403851 tại BFTVVNVX. MBVCB.9183689844.405606.D. 2304 thanh toán tiền dịch vụ 04/2025. CT từ 0491000403851 TRAN VAN CHUONG tại 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUN- B2B0200970436041622524320 25DBfh405606	04910004 03851	TRAN VAN CHUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
764	17/04/2025 09:33:43	17/04/2025	DD	0.00	1,070,750.00	603,794,062.00	2039	990B2 BIN	99000 0	TKThe :8200114319005 tại MSCBVNVX. s3 1703 đồng phi dv 04 2025 B2B0200970422041709334220 25Y7AN706769	82001143 19005	NGUYEN DOAN HOA	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
765	17/04/2025 13:02:47	17/04/2025	DD	0.00	829,650.00	604,623,712.00	2040	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1012825692 tại BFTVVNVX. MBVCB.9188518343.578906.S4. 1616 tt phi dịch vụ va tien gui xe T04.25. CT tu 1012825692 NGUYEN THI OANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG- B2B0200970436041713025120 25DBqx578906	10128256 92	NGUYEN THI OANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
766	17/04/2025 14:44:40	17/04/2025	DD	0.00	1,158,710.00	605,782,422.00	2041	990CT LNH4	99000 0	TKThe :0987270582 tại VPBank. S2-12B03 tra tien dich vu T42025 -CTLNHIDI000011562874632- 1/1-CRE-002	09872705 82	CAO MANH HUNG	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vương
767	17/04/2025 17:09:27	17/04/2025	DD	0.00	632,775.00	606,415,197.00	2042	990CT LNH4	99000 0	TKThe :04168390201 tại Tienphongbank. S4 3408 tt pdv t4 2025 -CTLNHIDI000011563993074- 1/1-CRE-002	04168390 201	NGUYEN NGUYEN HOANG	NH TMCP Tiên Phong
768	17/04/2025 20:24:58	17/04/2025	DD	0.00	1,043,025.00	607,458,222.00	2043	990O MNISM B	12600 0	1260000151 NGUYEN THI TRANG NHUNG Chuyen tien	12609985 90	NGUYEN THI TRANG NHUNG	BIDV
769	18/04/2025 11:19:27	18/04/2025	DD	0.00	639,375.00	608,097,597.00	2044	990O MNISM B	26015 4	1260000151 HOANG THI KIM DUNG S3.1809 thanh toán tien dich vu thang 4 nam 2025	26008137 53	HOANG THI KIM DUNG	BIDV
770	18/04/2025 11:44:02	18/04/2025	DDM	715,000.00	0.00	607,382,597.00	2045	990TP BSMS	12615 2	PHI BSMS T03.2025. MA KH14259016.			
771	18/04/2025 12:29:10	18/04/2025	DD	0.00	822,600.00	608,205,197.00	2046	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0541000198998 tại BFTVVNVX. MBVCB.9199440160.790712.s3. 3812 thanh toán dịch vụ 4/25. CT từ 0541000198998 TRAN ANH QUAN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPH- B2B0200970436041812291020 25DBhh790712	05410001 98998	TRAN ANH QUAN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
772	18/04/2025 13:45:00	18/04/2025	DD	0.00	960,775.00	609,165,972.00	2047	990CT LNH4	99000 0	TKThe :85743899 tại VPBank. S30803 thanh toán tien dich vu thang 4 -CTLNHIDI000011569681889- 1/1-CRE-002	85743899	NGUYEN T VAN HA	NH TMCP Viet Nam Thịnh Vương
773	18/04/2025 18:44:43	18/04/2025	DD	0.00	770,550.00	609,936,522.00	2048	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0611001957870 tại BFTVVNVX. MBVCB.9203619457.553364.S3. 1115 Thanh toán phi dịch vụ T4/2025. CT từ 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG- B2B0200970436041818444220 25DBqp553364	06110019 57870	HOANG VAN VUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
774	18/04/2025 18:46:13	18/04/2025	DD	0.00	183,600.00	610,120,122.00	2049	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0611001957870 tại BFTVVNVX. MBVCB.9203642099.569378.S3. 1115 TT phi giu xe may+xe dap T4/2025. CT từ 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHU- B2B0200970436041818461320 25DBhw569378	06110019 57870	HOANG VAN VUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
775	18/04/2025 20:07:06	18/04/2025	DD	0.00	638,550.00	610,758,672.00	2050	990CT LNH4	99000 0	TKThe :9021048431268 tại BVBank Timo. S3.12A17 thanh toán tien phi dich vu T4.2025 -CTLNHIDI000011572708458- 1/1-CRE-002	90210484 31268	TRAN THI THU HIEN 412 NTMK	BVBank Timo
776	18/04/2025 21:19:22	18/04/2025	DD	0.00	1,239,225.00	611,997,897.00	2051	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0711000229784 tại BFTVVNVX. MBVCB.9205477789.794943.D. 0905 thanh toán tien dich vu thang 4.2025. CT từ 0711000229784 VU TRONG DAI toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CH- B2B0200970436041821192220 25DBvu794943	07110002 29784	VU TRONG DAI	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
777	19/04/2025 09:14:39	19/04/2025	DD	0.00	698,400.00	612,696,297.00	2052	990O MNISM B	21515 2	1260000151 S4.0613 thanh toán tien dich vu T4.2025	21516460 04	NGUYEN THI BINH MINH	BIDV
778	19/04/2025 12:47:45	19/04/2025	DD	0.00	858,001.00	613,554,298.00	2053	990CT LNH4	99000 0	TKThe :682768688 tại ACB. D2007 THANH TOAN PHI DV 4.2025-190425-12:47:44 920852 -CTLNHIDI000011576893136- 1/1-CRE-002	68276868 8	NGUYEN TAI TO	NH TMCP A Châu

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
779	19/04/2025 20:07:54	19/04/2025	DD	0.00	634,425.00	614,188,723.00	2054	990B2 BIN	990000	TKThe :06001346866666 tại MSCBVNVX_S3 0208 Thanh toan phi dv T4 2025 -B2B0200970422041920075320 2546UG109630	0600134686666	HOANG AN MAI	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
780	19/04/2025 20:09:05	19/04/2025	DD	0.00	129,600.00	614,318,323.00	2055	990B2 BIN	990000	TKThe :06001346866666 tại MSCBVNVX. HOANG AN MAI chuyen tien -B2B0200970422041920090420 2555E4966919	0600134686666	HOANG AN MAI	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
781	20/04/2025 01:26:58	20/04/2025	DD	0.00	1,153,575.00	615,471,898.00	2056	990CT LNH4	990000	TKThe :19033937069010 tại Techcombank_S3.1803 tt tien duu thang 4.25 FT25111561500440 -CTLNHIDI000011581424677-1/1-CRE-002; thoi gian GD:20/04/2025 00:32:13	19033937069010	VND-TGTT-TONG THI HANG NGA VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
782	20/04/2025 12:25:41	20/04/2025	DD	0.00	1,168,200.00	616,640,098.00	2057	990B2 BIN	990000	TKThe :0011003093305 tại BFTVVNVX. MBVCB.9221384848.555945.S2. 12B08 thanh toan tien dich vu thang 4.2025 (tru tien nuoc).CT tu 0011003093305 NGUYEN THANH CHUNG toi 1260000-B2B0200970436042012254120 25DBdz555945	0011003093305	NGUYEN THANH CHUNG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
783	20/04/2025 15:42:20	20/04/2025	DD	0.00	769,800.00	617,409,898.00	2058	9900 MNISM B	220000	1260000151 0517 S3 thanh toan phi quan ly va phi gui xe may thang 4.2025	2206752737	NGUYEN VAN QUYET	BIDV
784	20/04/2025 18:52:42	20/04/2025	DD	0.00	700,500.00	618,110,398.00	2059	990CT LNH4	990000	TKThe :2903199869 tại Techcombank_S3.3709 thanh toan phi dich vu t42025 FT25111166106545 -CTLNHIDI000011586820248-1/1-CRE-002	2903199869	NGUYEN TRUNG HIEU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
785	21/04/2025 10:58:42	21/04/2025	DW	129,470,255.00	0.00	488,640,143.00	2060	17663 4	217000	REF217A2540Z5R0ZWPW B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 1 THANG 4/2025	03101010639008	CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
786	21/04/2025 10:58:42	21/04/2025	DDM	56,967.00	0.00	488,583,176.00	2061	17663 4	217000	REF217A2540Z5R0ZWPW B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 1 THANG 4/2025			
787	21/04/2025 10:59:12	21/04/2025	DW	1,350,000.00	0.00	487,233,176.00	2062	17663 4	217000	REF217A2540Z5SLRUJP B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 0902416396 NGUYEN MINH CHAU NHH01311001 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY HOAN TRA PHI DICH VU CAN HO S3.1002 CHUYEN DU THANG 3.2025	0902416396	NGUYEN MINH CHAU	NHTMCP QUAN DOI-HOI SO CHINH-HA NOI (MB)
788	21/04/2025 10:59:12	21/04/2025	DDM	22,000.00	0.00	487,211,176.00	2063	17663 4	217000	REF217A2540Z5SLRUJP B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 0902416396 NGUYEN MINH CHAU NHH01311001 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY HOAN TRA PHI DICH VU CAN HO S3.1002 CHUYEN DU THANG 3.2025			
789	21/04/2025 15:46:32	21/04/2025	DD	0.00	955,750.00	488,166,926.00	2064	990CT LNH4	990000	TKThe :03886011111189 tại MSB. D807 thanh toan tien dich vu T4.2025 -CTLNHIDI000011593070379-1/1-CRE-002	03886011111189	DINH THI HANH 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
790	22/04/2025 16:39:54	22/04/2025	DD	0.00	32,500,000.00	520,666,926.00	2065	990CT LNH4	990000	TKThe :03101010020352 tại MSB. TT Thu lao BOT khu S thang 03/2025 tại GMC -CTLNHIDI000011600772599-1/1-CRE-002	0310101020352	CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
791	23/04/2025 14:02:41	23/04/2025	DD	0.00	324,000.00	520,990,926.00	2066	9900 MNISM B	220000	1260000151 PHAN THUY DUNG Chuyen tien D3304 tt Phi dv thang 4.25 con thieu	2206525814	PHAN THUY DUNG	BIDV
792	23/04/2025 19:30:56	23/04/2025	DD	0.00	635,250.00	521,626,176.00	2067	990CT LNH4	990000	TKThe :03801011878382 tại MSB. S3.1804 thanh toan tien dich vu thang 4/2025 -CTLNHIDI000011609095957-1/1-CRE-002	03801011878382	TRAN THI HUONG 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
793	25/04/2025 00:38:20	25/04/2025	IIPD	0.00	90,170.00	521,716,346.00	2068		0	Thanh toan lai thang 04/2025			

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
794	28/04/2025 13:18:25	28/04/2025	DW	8,027,501.00	0.00	513,688,845.00	2069	176634	217000	REF217A2541APNHXSTS B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLKMARK CITY PHI DỊCH VỤ LAN 2 THANG 04/2025	03101010639008	CTCP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
795	28/04/2025 13:18:25	28/04/2025	DDM	22,000.00	0.00	513,666,845.00	2070	176634	217000	REF217A2541APNHXSTS B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTCP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLKMARK CITY PHI DỊCH VỤ LAN 2 THANG 04/2025			
796	29/04/2025 14:45:17	29/04/2025	DD	0.00	769,725.00	514,436,570.00	2071	990CTLNH4	990000	TKThe :19036667054015] tại Techcombank. S3-2015 TT PHI DỊCH VỤ T4-2025 FT25119914948924 -CTLNHIDI000011650122310-1/1-CRE-002	19036667054015	VND-TGTT-NGUYEN THI THU HUONG VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
797	01/05/2025 14:54:14	01/05/2025	DD	0.00	1,238,550.00	515,675,120.00	2072	990MNMISMB	116000	1260000151 D3301 nop phi dv T5	1160127540	NGUYEN THI NGAN	BIDV
798	02/05/2025 20:10:12	02/05/2025	DD	0.00	636,075.00	516,311,195.00	2073	990B2BIN	990000	TKThe :108867412632] tại ICBVVNVX. s4 2604 dong phi dv thang 5 B2B0200970415050220101220 255NO1304796	108867412632	DANG THI THUY	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
799	07/05/2025 15:14:53	07/05/2025	DDM	715,000.00	0.00	515,596,195.00	2074	990TPBSMS	126152	PHI BSMS T04.2025. MA KH14259016.			
800	08/05/2025 09:46:12	08/05/2025	DDM	110,000.00	0.00	515,486,195.00	2075	990QLTKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T05 2025			
801	09/05/2025 09:52:43	09/05/2025	DD	0.00	949,800.00	516,435,995.00	2076	990CTLNH4	990000	TKThe :020013043461] tại Sacombank. IBFT D3506 TT TIEN DV T5 2025 -CTLNHIDI000011719532837-1/1-CRE-002	020013043461	SACOMBANK CK tu SACOMBANK	NH TMCP Sai Gon Thuong tin
802	09/05/2025 10:19:28	09/05/2025	DD	0.00	636,075.00	517,072,070.00	2077	990CTLNH4	990000	TKThe :00302581001] tại Tienphongbank. 12a1653 thanh toan phi dich vu T5.2025 -CTLNHIDI000011719743235-1/1-CRE-002	00302581001	TONG THANH THUY	NH TMCP Tien Phong
803	09/05/2025 10:26:44	09/05/2025	DD	0.00	697,575.00	517,769,645.00	2078	990MNMISMB	425000	1260000151 Toa S3 can ho 2912A thanh toan phi dich vu va phi gui xe may thang 5.2025	4251458565	NGUYEN DUC HUNG	BIDV
804	09/05/2025 11:21:37	09/05/2025	DD	0.00	767,325.00	518,536,970.00	2079	990B2BIN	990000	TKThe :0301000299324] tại BFTVVNVX. MBVCB.9430359140.514145.S3. 3609 thanh toan phi quan ly va phi gui xe may thang 5/2025.CT tu 0301000299324 LE XUAN PHUC toi 1260000151 BA-B2B0200970436050911213620 25DBbs514145	0301000299324	LE XUAN PHUC	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
805	09/05/2025 11:40:01	09/05/2025	DD	0.00	1,239,225.00	519,776,195.00	2080	990B2BIN	990000	TKThe :0711000229784] tại BFTVVNVX. MBVCB.9430610496.674217.D0 905 thanh toan tien dich vu thang 5.2025.CT tu 0711000229784 VU TRONG DAI toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUN-B2B0200970436050911400120 25DBhy674217	0711000229784	VU TRONG DAI	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
806	09/05/2025 12:15:00	09/05/2025	DD	0.00	639,375.00	520,415,570.00	2081	990CTLNH4	990000	TKThe :19031952114666] tại Techcombank. S4 4009 dong phi quan ly hang thang FT25129075540725 -CTLNHIDI000011720693929-1/1-CRE-002	19031952114666	VND-TGTT-LE THI TUYEN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
807	09/05/2025 12:41:46	09/05/2025	DD	0.00	194,400.00	520,609,970.00	2082	990CTLNH4	990000	TKThe :19031952114666] tại Techcombank. S4 4009 dong phi xe may hang thang FT25129750714744 -CTLNHIDI000011720886091-1/1-CRE-002	19031952114666	VND-TGTT-LE THI TUYEN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
808	09/05/2025 12:53:03	09/05/2025	DD	0.00	987,600.00	521,597,570.00	2083	990CTLNH4	990000	TKThe :01266027001] tại Tienphongbank. D0607 Thanh toan phi dich vu thang 05.2025 -CTLNHIDI000011720954571-1/1-CRE-002	01266027001	LE THANH TU	NH TMCP Tien Phong
809	09/05/2025 15:51:48	09/05/2025	DD	0.00	884,475.00	522,482,045.00	2084	990CTLNH4	990000	TKThe :15030819841977] tại VPBank. CH2416 toa S3 nop phi dich vu thang 5 nam 2025 -CTLNHIDI000011722247504-1/1-CRE-002	15030819841977	NGUYEN VAN NGOC	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
810	09/05/2025 16:50:32	09/05/2025	DD	0.00	761,550.00	523,243,595.00	2085	990CTLNH4	990000	TKThe :19031911299996] tại Techcombank. 532011 THANH TOAN TIEN DỊCH VỤ T525 FT25129938006078 -CTLNHIDI000011722813892-1/1-CRE-002	19031911299996	VND-TGTT-TRAN THUY NGAN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
811	09/05/2025 17:35:53	09/05/2025	DD	0.00	765,675.00	524,009,270.00	2086	990CTLNH4	990000	TKThe :002704060254590] tại VIB. S3.2216 thanh toan phi quan ly phi gui xe T05.2025 -CTLNHIDI000011723285137-1/1-CRE-002	002704060254590	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te



STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
812	09/05/2025 17:46:41	09/05/2025	DD	0.00	1,436,625.00	525,445,895.00	2087	9900 MNISM B	22000 0	1260000151 PHAN THUY DUNG Chuyen tien D3304 tt phi dv thang 5. 2025. da tru phi nuoc	2206525814	PHAN THUY DUNG	BIDV
813	09/05/2025 19:50:16	09/05/2025	DD	0.00	632,000.00	526,077,895.00	2088	9900 CT LN4	99000 0	TKThe :19035068657015] tai Techcombank. s3 2111 phi dv thag 5 FT25129014152273 -CTLNHIDIO00011724620929-1/1-CRE-002	19035068657015	VND-TGTT-LE QUYNH ANH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
814	09/05/2025 22:33:13	09/05/2025	DD	0.00	920,325.00	526,998,220.00	2089	9900 CT LN4	99000 0	TKThe :19121300649990] tai Techcombank. s3 0703 thanh toan phi dich vu va gui xe may thang 5 2025 FT25130805043794 -CTLNHIDIO00011725752948-1/1-CRE-002	19121300649990	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH HIEU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
815	10/05/2025 06:00:59	10/05/2025	DD	0.00	932,700.00	527,930,920.00	2090	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :107868846918] tai ICBVVNVX. QR - S2 1001 thanh toan tien dich vu thang 05-2025 B2B0200970415051006005920 2589xP737642	107868846918	CAO BINH PHUONG	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
816	10/05/2025 07:33:27	10/05/2025	DD	0.00	1,305,625.00	529,236,545.00	2091	9900 CT LN4	99000 0	TKThe :31114113119] tai VPBank. D4004 toan phi dvu t5 -CTLNHIDIO00011726657907-1/1-CRE-002	31114113119	LE BINH	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
817	10/05/2025 08:49:50	10/05/2025	DD	0.00	904,725.00	530,141,270.00	2092	9900 CT LN4	99000 0	TKThe :8787237] tai ACB. S3 4010 THANH TOAN PHI DỊCH VỤ VA GIUI XE THANG 5 2025-100525-08:49:49 844064 -CTLNHIDIO00011727114338-1/1-CRE-002	8787237	HO THI PHUONG	NH TMCP A Chau
818	10/05/2025 11:17:57	10/05/2025	DD	0.00	797,000.00	530,938,270.00	2093	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :0946598683] tai MSCBVNVX. toa s34008 thanh toa tien dv 52025 B2B0200970422051011175620 25DVF5951355	0946598683	DAO THI TRANG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
819	10/05/2025 12:56:05	10/05/2025	DD	0.00	1,159,350.00	532,097,620.00	2094	9900 CT LN4	99000 0	TKThe :19022818423025] tai Techcombank. S1 0810 nop Phi dv tien gui xe may xe dap thang 5 FT25130261082440 -CTLNHIDIO00011729053491-1/1-CRE-002	19022818423025	VND-TGTT-VU THI THANH MINH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
820	10/05/2025 13:02:33	10/05/2025	DD	0.00	701,700.00	532,799,320.00	2095	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :106878257746] tai ICBVVNVX. s3.1017 thanh toan tien dich vu va tien xe t5.2025 B2B0200970415051013023220 25oMN6975350	106878257746	NGUYEN THI MINH HUYEN	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
821	10/05/2025 17:22:27	10/05/2025	DD	0.00	987,600.00	533,786,920.00	2096	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :104867417140] tai ICBVVNVX. toa diamond can ho d2602 thanh thanh toan phi dich vu thang 5.2025 B2B0200970415051017222720 25gCAD874241	104867417140	DO VAN LUC	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
822	10/05/2025 17:40:23	10/05/2025	DD	0.00	1,266,225.00	535,053,145.00	2097	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :5623062501930] tai MSCBVNVX. Toa nha D can ho 3604 thanh toan tien phi dich vu thang 52025 B2B0200970422051017402220 25EYWQ199716	5623062501930	TKTC NGUYEN QUANG HUNG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
823	10/05/2025 19:18:21	10/05/2025	DD	0.00	622,500.00	535,675,645.00	2098	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :1012934559] tai BFTVVNVX. MBVCB.9449508231.075561.To a S3 can ho 4001 thanh toan phi dich vu thang 5/2025.CT tu 1012934559 NGUYEN THI THANH VAN toi 1260000151 BAN QUA- B2B0200970436051019182120 25DBby075561	1012934559	NGUYEN THI THANH VAN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
824	10/05/2025 22:57:12	10/05/2025	DD	0.00	1,276,350.00	536,951,995.00	2099	9900 MNISM B	12200 0	1260000151 D12A08 thanh toan tien dich vu vs xe may t5 2025	1220369046	LAI MINH BAO	BIDV
825	11/05/2025 11:48:07	11/05/2025	DD	0.00	1,211,550.00	538,163,545.00	2100	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :0570109603008] tai MSCBVNVX. PHAM DINH HOAN chuyen tien can ho D1808 thanh toan phi dich vu va trong giu xe may thang 5 2025 B2B0200970422051111480620 25K0VF383738	0570109603008	PHAM DINH HOAN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
826	11/05/2025 21:00:51	11/05/2025	DD	0.00	1,211,550.00	539,375,095.00	2101	9900 CT LN4	99000 0	TKThe :381666] tai Techcombank. Pham Dinh Thai D.2908 thanh toan phi DV T5-2025 FT25132904870044 -CTLNHIDIO00011740363933-1/1-CRE-002	381666	PHAM DINH THAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
827	12/05/2025 09:41:18	12/05/2025	DD	0.00	775,125.00	540,150,220.00	2102	9900 B2 BIN	99000 0	TKThe :103003385163] tai ICBVVNVX. toa s3 can ho 1610 thanh toan phi quan ly va phi xe may thang 5 2025 B2B0200970415051209411820 25hJAQ323935	103003385163	LE THI HONG NHUNG	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
828	12/05/2025 12:05:20	12/05/2025	DD	0.00	698,400.00	540,848,620.00	2103	9900 MNISM B	47100 0	1260000151 S3.1105 TT phi dich vu th05.2025	4710694451	TRAN TRUNG KIEN	BIDV

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
829	12/05/2025 16:11:27	12/05/2025	DD	0.00	788,550.00	541,637,170.00	2104	9900CTLNH4	990000	TKThe :0976085892 tại CAKE by VPBank. 12a05 s3 tt tien dvu t5 2025 -CTLNHIDI000011745767340-1/1-CRE-002	0976085892	TRAN THAI HA 136 ho tung mauVietnam	Ngan hang so CAKE by VPBank
830	12/05/2025 17:38:35	12/05/2025	DD	0.00	893,925.00	542,531,095.00	2105	9900CTLNH4	990000	TKThe :1617091985 tại Techcombank. S3.0510 thanh toán dịch vụ tháng 5.2025 FT25132300950624 -CTLNHIDI000011746639563-1/1-CRE-002	1617091985	DAO THI THUY VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
831	12/05/2025 17:39:39	12/05/2025	DD	0.00	700,050.00	543,231,145.00	2106	9900B2BIN	990000	TKThe :0898148549 tại MSCBVNX. S3.1604 thanh toán phí dịch vụ và xe tháng 52025 B2B020097042205121739382025PAP2670958	0898148549	BUI THI THUY	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
832	12/05/2025 20:31:39	12/05/2025	DD	0.00	1,052,400.00	544,283,545.00	2107	9900MNISMB	126151	1260000151 D.0602 nop tien DV va xe may T5. 2025	1260894652	TAO NGOC ANH	BIDV
833	12/05/2025 20:38:40	12/05/2025	DD	0.00	834,525.00	545,118,070.00	2108	9900B2BIN	990000	TKThe :2579898888 tại MSCBVNX. Can 2715 toa S3. phi dich vu thang 52025 B2B020097042205122038392025ARVG641451	2579898888	TRINH THI HUE	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
834	12/05/2025 20:55:45	12/05/2025	DD	0.00	699,225.00	545,817,295.00	2109	9900CTLNH4	990000	TKThe :19036327631018 tại Techcombank. S3.0512 thanh toán phí dịch vụ tháng 05.2025 FT25132505082086 -CTLNHIDI000011748365174-1/1-CRE-002	19036327631018	VND-TGTT-PHAM MINH HAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
835	13/05/2025 08:22:49	13/05/2025	DD	0.00	1,295,885.00	547,113,180.00	2110	9900CTLNH4	990000	TKThe :19032628319014 tại Techcombank. VO THI THANH MAI chuyen tien FT25133548559686 -CTLNHIDI000011750166988-1/1-CRE-002	19032628319014	VND-TGTT-VO THI THANH MAI VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
836	13/05/2025 09:38:28	13/05/2025	DD	0.00	1,193,850.00	548,307,030.00	2111	9900B2BIN	990000	TKThe :1015537839 tại BFTVVNX. MBVCB.9479286156.985052.S2. 0509 thanh toán phí dv + gui xe tháng 5/2025. CT tu 1015537839 PHAM THI HIEN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUN-B2B020097043605130938282025DBpx985052	1015537839	PHAM THI HIEN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
837	13/05/2025 10:30:21	13/05/2025	DD	0.00	834,525.00	549,141,555.00	2112	9900CTLNH4	990000	TKThe :19029970163017 tại Techcombank. ch 2506 ck phi dv xe tháng 5 FT25133270014652 -CTLNHIDI000011751120962-1/1-CRE-002	19029970163017	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
838	13/05/2025 10:33:36	13/05/2025	DD	0.00	796,425.00	549,937,980.00	2113	9900CTLNH4	990000	TKThe :102026666 tại VIB. S3.1512A TTDV T5.2025 -CTLNHIDI000011751145514-1/1-CRE-002	102026666	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
839	13/05/2025 11:06:19	13/05/2025	DD	0.00	1,464,450.00	551,402,430.00	2114	9900CTLNH4	990000	TKThe :0974025105 tại VPBank. S2-12A07-Thanh toán tiền phí dịch vụ Tháng 05-2025 -CTLNHIDI000011751401114-1/1-CRE-002	0974025105	BUI THI VAN	NH TMCP Viet Nam Tinh Vuong
840	13/05/2025 12:08:49	13/05/2025	DD	0.00	1,492,350.00	552,894,780.00	2115	9900MNISMB	215000	1260000151 D 0801 tien phi dich vu va tien gui xe may xe dap tháng 5 2025	2152906297	NGO THI THU HUYEN	BIDV
841	13/05/2025 15:36:30	13/05/2025	DD	0.00	1,173,600.00	554,068,380.00	2116	9900CTLNH4	990000	TKThe :0987270582 tại VPBank. S212B03 tra tien phi quan ly va xe may T52025 -CTLNHIDI000011753264696-1/1-CRE-002	0987270582	CAO MANH HUNG	NH TMCP Viet Nam Tinh Vuong
842	13/05/2025 16:12:18	13/05/2025	DD	0.00	954,150.00	555,022,530.00	2117	9900B2BIN	990000	TKThe :0630117148888 tại MSCBVNX. S3.2907 thanh toán tiền dịch vụ tháng 52025 B2B020097042205131612172025IROK136581	0630117148888	NGUYEN THI LAN ANH	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
843	13/05/2025 19:25:40	13/05/2025	DD	0.00	1,174,425.00	556,196,955.00	2118	9900CTLNH4	990000	TKThe :19030712141686 tại Techcombank. D2904 ck tien phi dich vu va xe may t52025 FT25133229740082 -CTLNHIDI000011755253165-1/1-CRE-002	19030712141686	VND-TGTT-PHAM BA TUAN ANH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
844	13/05/2025 21:35:10	13/05/2025	DD	0.00	765,675.00	556,962,630.00	2119	9900B2BIN	990000	TKThe :1017223896 tại BFTVVNX. MBVCB.9487784937.645532.S3. 0508 thanh toán tiền dịch vụ tháng 05/2025. CT tu 1017223896 DOAN BA HIEU toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG C B2B020097043605132135102025DBes645532	1017223896	DOAN BA HIEU	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
845	14/05/2025 08:06:51	14/05/2025	DD	0.00	91,800.00	557,054,430.00	2120	9900MNISMB	375154	1260000151 S2 2103 nop phi gui xe dap xe may t5	3750008963	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
846	14/05/2025 08:07:34	14/05/2025	DD	0.00	1,117,875.00	558,172,305.00	2121	9900MNISMB	375154	1260000151 S2 2103 nop phi quan ly T5	3750008963	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
847	14/05/2025 08:24:56	14/05/2025	DD	0.00	1,080,825.00	559,253,130.00	2122	9900CTLNH4	990000	TKThe :19032575865666 tại Techcombank. s3 1002 dong tien dv t5 2025 FT25134205734669 -CTLNHIDI000011757691823-1/1-CRE-002	19032575865666	VND-TGTT-NGUYEN MINH CHAU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
848	14/05/2025 08:52:22	14/05/2025	DD	0.00	832,950.00	560,086,080.00	2123	990CTLNH4	990000	TKThe :29831989 tại ACB. S4.3009 THANH TOAN PHI DỊCH VỤ VA XE MÁY THANG 5/2025-140525-08:52:21 660878 -CTLNHID000011757882447-1/1-CRE-002	29831989	LY VAN LOC	NH TMCP A Chau
849	14/05/2025 09:14:38	14/05/2025	DD	0.00	922,800.00	561,008,880.00	2124	9900MNISM B	220150	1260000151 Diamond D12A06 đồng phí dịch vụ vs xe máy tháng 5.2025	2200190454	DO MANH CUONG	BIDV
850	14/05/2025 09:20:13	14/05/2025	DD	0.00	1,096,000.00	562,104,880.00	2125	990CTLNH4	990000	TKThe :3799819889 tại Techcombank. S2 12b11 thanh toán phí dịch vụ nước t5 FT2513462927929 -CTLNHID000011758081698-1/1-CRE-002	3799819889	NGUYEN THI THU THUY VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
851	14/05/2025 09:51:56	14/05/2025	DD	0.00	1,057,750.00	563,162,630.00	2126	990B2BIN	990000	TKThe :8200114319005 tại MSCBVNVX. s3 1703 thanh toán phí đv va gui xe 05 2025 B2B0200970422051409515420 25WJLX170353	8200114319005	NGUYEN DOAN HOA	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
852	14/05/2025 09:58:51	14/05/2025	DD	0.00	1,024,875.00	564,187,505.00	2127	990B2BIN	990000	TKThe :109004517037 tại ICBVVNVX. DANG THI THU HUYEN chuyen tien phi dich vu xe may xe dap 0311 S2 tháng 5 B2B0200970415051409585120 25FW5C313632	109004517037	DANG THI THU HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thuong Viet Nam VietinBank
853	14/05/2025 10:49:15	14/05/2025	DD	0.00	1,231,025.00	565,418,530.00	2128	990B2BIN	990000	TKThe :1014258540 tại BFTVVNVX. MBVCB.9491773809.293382.D1 205thanh toán phi dich vu phi xe may xe dap tháng 5/2025. CT to 1014258540 TRAN HOANG MINH toi 1260000151 BAN QUAN-B2B0200970436051410492120 25DBnx293382	1014258540	TRAN HOANG MINH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
854	14/05/2025 11:33:46	14/05/2025	DD	0.00	711,975.00	566,130,505.00	2129	990CTLNH4	990000	TKThe :19031773461019 tại Techcombank. 231054 Phi dich vu T5 FT25134329789003 -CTLNHID000011759097685-1/1-CRE-002	19031773461019	VND-TGTT-NGUYEN THI BINH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
855	14/05/2025 19:20:38	14/05/2025	DD	0.00	646,223.00	566,776,728.00	2130	990CTLNH4	990000	TKThe :03101011749511 tại MSB. S3.1514 thanh toán phi dich vu tháng 5/2025 -CTLNHID000011762655508-1/1-CRE-002	03101011749511	HOANG HUU THANH 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
856	14/05/2025 21:08:32	14/05/2025	DD	0.00	861,000.00	567,637,728.00	2131	9900MNISM B	217000	1260000151 PHAM THI THANH Chuyen tien DV T5 2025 CH 3315 S4 Nguyen Thi Ngoc Thuy	2170003655	PHAM THI THANH	BIDV
857	14/05/2025 21:24:54	14/05/2025	DD	0.00	769,725.00	568,407,453.00	2132	990B2BIN	990000	TKThe :0451000289484 tại BFTVVNVX. MBVCB.9499310921.329043.S3-2015 NOP PHI DỊCH VỤ THANG 5-2025. CT to 0451000289484 NGUYEN THI THU HUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CH- B2B0200970436051421245320 25DBlr329043	0451000289484	NGUYEN THI THU HUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
858	14/05/2025 22:05:21	14/05/2025	DD	0.00	763,200.00	569,170,653.00	2133	990B2BIN	990000	TKThe :0491000046933 tại BFTVVNVX. MBVCB.9499687527.576680.To a S3 Can Ho 3/12 Thanh toán phi dich vu tháng 5/2025. CT to 0491000046933 VU NGOC BAO toi 1260000151 BAN QUAN T- B2B0200970436051422052120 25DBtj576680	0491000046933	VU NGOC BAO	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
859	15/05/2025 08:13:37	15/05/2025	DD	0.00	899,325.00	570,069,978.00	2134	990CTLNH4	990000	TKThe :19850309001 tại Tienphongbank. S3.1007 tt phi dv -CTLNHID000011765073643-1/1-CRE-002	19850309001	LE TRUNG KIEN	NH TMCP Tien Phong
860	15/05/2025 08:13:56	15/05/2025	DD	0.00	899,325.00	570,969,303.00	2135	990CTLNH4	990000	TKThe :04262769999 tại Tienphongbank. S3.1607 tt phi dv t5.2025 -CTLNHID000011765076006-1/1-CRE-002	04262769999	DONG THANH SON	NH TMCP Tien Phong
861	15/05/2025 09:10:48	15/05/2025	DD	0.00	1,113,225.00	572,082,528.00	2136	990B2BIN	990000	TKThe :0978156804 tại MSCBVNVX. S3.3602 Thanh toán phi Dv T52025 - B2B0200970422051509104720 25GW84820124	0978156804	NGUYEN HUONG THUY	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
862	15/05/2025 12:42:33	15/05/2025	DD	0.00	937,525.00	573,020,053.00	2137	990CTLNH4	990000	TKThe :19035067268015 tại Techcombank. 180153 ck phi dv xe nước FT25135107211884 -CTLNHID000011767177619-1/1-CRE-002	19035067268015	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH NGA VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
863	15/05/2025 16:10:54	15/05/2025	DD	0.00	1,182,675.00	574,202,728.00	2138	990B2BIN	990000	TKThe :0691000379694 tại BFTVVNVX. MBVCB.9507104086.436956.s2_2703 Thanh toán phi dich vu 05/2025. CT to 0691000379694 BUI THANH AN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU- B2B0200970436051516105420 25DBj436956	0691000379694	BUI THANH AN	Ngân hàng TMCP Ngoại Thuong Viet Nam Vietcombank
864	16/05/2025 07:56:49	16/05/2025	DD	0.00	997,875.00	575,200,603.00	2139	9900MNISM B	216152	1260000151 S1.12A06 thanh toán phi dich vụ xe máy tháng 5.2025	2160037000	TRAN THI DIEM HUONG	BIDV

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
865	16/05/2025 08:51:45	16/05/2025	DD	0.00	1,016,550.00	576,217,153.00	2140	990B2 BIN	990000	TKThe :108005734544 tại ICBVVNVX. S4 0817 thanh toán dịch vụ tháng 5-2025 B2B020097041505160851442025ywrz258716	108005734544	NGUYEN THUY LINH	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
866	16/05/2025 12:21:48	16/05/2025	DD	0.00	768,000.00	576,985,153.00	2141	990CT LNHA	990000	TKThe :8425896969 tại Techcombank. S3.0817 thanh toán dịch vụ và gửi xe máy tháng 5 FT25136506709820-CTLNHIDI000011775148115-1/1-CRE-002	8425896969	DANG DUY VIET VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
867	16/05/2025 13:11:27	16/05/2025	DD	0.00	900,975.00	577,886,128.00	2142	990B2 BIN	990000	TKThe :0011004043105 tại BFTVVNVX. MBVCB.9517904897.583286. ca n ho 111454 ck phi dich vu+ phi gui xe may thang 5/2025. CT tu 0011004043105 PHAM HUONG GIAN toi 1260000151 BAN-B2B020097043605161311332025DBsj583286	0011004043105	PHAM HUONG GIANG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
868	16/05/2025 14:18:38	16/05/2025	DD	0.00	770,550.00	578,656,678.00	2143	9900 MNISM B	425000	1260000151 3107s3 ck phi dich vu t5	4250337768	NGUYEN THI HONG NHUNG	BIDV
869	17/05/2025 12:17:21	17/05/2025	DD	0.00	858,001.00	579,514,679.00	2144	990CT LNHA	990000	TKThe :682768688 tại ACB. D2007 THANH TOAN PHI DV THANG 5-170525-12:17:21 186546 -CTLNHIDI000011783282210-1/1-CRE-002	682768688	NGUYEN TAI TO	NH TMCP A Chau
870	17/05/2025 12:38:36	17/05/2025	DD	0.00	1,200,000.00	580,714,679.00	2145	990B2 BIN	990000	TKThe :0011000708305 tại BFTVVNVX. MBVCB.9529387974.285876. CH 0511 S2 phi DV T5/2025. CT tu 0011000708305 CAO TIEN NAM toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT-B2B020097043605171238422025DBkq285876	0011000708305	CAO TIEN NAM	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
871	17/05/2025 14:49:55	17/05/2025	DD	0.00	1,043,025.00	581,757,704.00	2146	9900 MNISM B	126000	1260000151 12a02s3 ck tien phi dich vu thang 5	1260998590	NGUYEN THI TRANG NHUNG	BIDV
872	17/05/2025 21:28:34	17/05/2025	DD	0.00	1,016,025.00	582,773,729.00	2147	990CT LNHA	990000	TKThe :19033935636015 tại Techcombank. s3 3302 phi dv t5 FT25139024000501 -CTLNHIDI000011787389841-1/1-CRE-002	19033935636015	VND-TGTT-LE THI PHUONG THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
873	18/05/2025 18:39:44	18/05/2025	DD	0.00	635,250.00	583,408,979.00	2148	990CT LNHA	990000	TKThe :03801011878382 tại MSB. S3.1804 thanh toán tiền dịch vụ tháng 5/2025 -CTLNHIDI000011793459516-1/1-CRE-002	03801011878382	TRAN THI HUONG 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
874	19/05/2025 08:42:19	19/05/2025	DD	0.00	1,601,775.00	585,010,754.00	2149	990CT LNHA	990000	TKThe :01102354001 tại Tienphongbank. d2303 tt phi dich vu thang 5-2025 -CTLNHIDI000011796503976-1/1-CRE-002	01102354001	LE THI DUYEN	NH TMCP Tien Phong
875	19/05/2025 09:44:55	19/05/2025	DD	0.00	1,060,200.00	586,070,954.00	2150	990CT LNHA	990000	TKThe :03501012723622 tại MSB. S2.1108 thanh toán tiền dịch vụ tháng 5.2025 -CTLNHIDI000011796996114-1/1-CRE-002	03501012723622	TRAN THI HANH PHUC 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
876	19/05/2025 10:56:44	19/05/2025	DD	0.00	1,201,425.00	587,272,379.00	2151	990CT LNHA	990000	TKThe :069704060001810 tại VIB. D1804 thanh toán phi dich vu T5.2025 -CTLNHIDI000011797568297-1/1-CRE-002	069704060001810	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
877	19/05/2025 13:29:26	19/05/2025	DD	0.00	633,600.00	587,905,979.00	2152	990CT LNHA	990000	TKThe :03801019916057 tại MSB. S3 4012A nop phi dv t5 -CTLNHIDI000011798661699-1/1-CRE-002	03801019916057	LUU THI DUNG 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
878	19/05/2025 21:12:02	19/05/2025	DD	0.00	1,168,200.00	589,074,179.00	2153	990CT LNHA	990000	TKThe :03301010701376 tại MSB. S2.12B08 thanh toán tiền dịch vụ tháng 5.2025 -CTLNHIDI000011802227993-1/1-CRE-002	03301010701376	NGUYEN THANH CHUNG 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
879	20/05/2025 09:30:58	20/05/2025	DD	0.00	1,795,425.00	590,869,604.00	2154	990B2 BIN	990000	TKThe :0491000403851 tại BFTVVNVX. MBVCB.9561124153.707182.D. 2304 thanh toán tiền dịch vụ 5/2025. CT tu 0491000403851 TRAN VAN CHUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG-B2B020097043605200930572025DBzq707182	0491000403851	TRAN VAN CHUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
880	20/05/2025 11:00:09	20/05/2025	DD	0.00	635,250.00	591,504,854.00	2155	990CT LNHA	990000	TKThe :03147955301 tại Tienphongbank. s32108 thanh toán phi dich vu t5.2025 -CTLNHIDI000011804982835-1/1-CRE-002	03147955301	PHUNG THI HANH	NH TMCP Tien Phong
881	20/05/2025 13:35:14	20/05/2025	DD	0.00	829,650.00	592,334,504.00	2156	990B2 BIN	990000	TKThe :1012825692 tại BFTVVNVX. MBVCB.9563749566.447440.S4. 1616 tt phi dich vu va phi gui xe may T5.25. CT tu 1012825692 NGUYEN THI OANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHU-B2B020097043605201335142025DBpa447440	1012825692	NGUYEN THI OANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
882	20/05/2025 14:06:14	20/05/2025	DD	0.00	790,200.00	593,124,704.00	2157	9900 MNISM B	432153	1260000151 s3 3711 thanh toán tiền dịch vụ tháng 5 2025	4321080508	NGUYEN THI DIEU LINH	BIDV

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
883	20/05/2025 16:06:31	20/05/2025	DD	0.00	638,550.00	593,763,254.00	2158	990CTLNH4	990000	TKThe :9021048431268 tại BVBank Timo. S3.12A17 thanh toán tiền phí dịch vụ T5.2025 -CTLNHIDI000011807112371-1/1-CRE-002	9021048431268	TRAN THI THU HIEN 412 NTMK	BVBank Timo
884	20/05/2025 16:36:11	20/05/2025	DD	0.00	634,425.00	594,397,679.00	2159	990CTLNH4	990000	TKThe :065704060070347 tại VIB. S3 0208 đồng phí đv tu t5 2025 -CTLNHIDI000011807356661-1/1-CRE-002	065704060070347	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
885	20/05/2025 16:38:13	20/05/2025	DD	0.00	129,600.00	594,527,279.00	2160	990CTLNH4	990000	TKThe :065704060070347 tại VIB. S3 0208 đồng tiền gửi xe t5 2025 -CTLNHIDI000011807374876-1/1-CRE-002	065704060070347	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
886	20/05/2025 16:58:58	20/05/2025	DD	0.00	945,950.00	595,473,229.00	2161	990CTLNH4	990000	TKThe :0986957007 tại Shinhan Bank V. D807 THANH TOAN PHI DỊCH VỤ T5.2025 -CTLNHIDI000011807563161-1/1-CRE-002	0986957007	DINH THI LAN SHBVN IBFT	NH TNHH MTV Shinhan Viet Nam
887	20/05/2025 21:58:26	20/05/2025	DD	0.00	954,150.00	596,427,379.00	2162	990B2BIN	990000	TKThe :0611001957870 tại BFTVVNVX. MBVCB.9569780805.529185.S3 1115 Thanh toán tiền PDV +Xe máy xe đạp T5/2025.CT tu 0611001957870 HOANG VAN VUONG toi 1260000151 BAN QUAN - B2B0200970436052021583120 25DBnh529185	0611001957870	HOANG VAN VUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
888	20/05/2025 22:05:03	20/05/2025	DD	0.00	899,325.00	597,326,704.00	2163	990B2BIN	990000	TKThe :0700100396666 tại MSCBVNVX. s3.1114 thanh toán phí dịch vụ va tiền gửi xe máy T5.2025 - B2B0200970422052022050220 25Z1KZ663370	0700100396666	TRAN THI THUY	Ngân hàng TMCP Quân đội MBBank
889	21/05/2025 01:42:49	21/05/2025	DD	0.00	1,052,400.00	598,379,104.00	2164	990CTLNH4	990000	TKThe :19029689028011 tại Techcombank. VU THU HANG chuyển phí dịch vụ can ho D3602 tháng 5 2025 FT25141010939003 -CTLNHIDI000011810513017-1/1-CRE-002	19029689028011	VND-TGTT-VU THU HANG VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
890	21/05/2025 07:40:56	21/05/2025	DD	0.00	947,325.00	599,326,429.00	2165	990CTLNH4	990000	TKThe :85743899 tại VPBank. S30803 tt phi dich vu thang 5 nam 2025 -CTLNHIDI000011811087370-1/1-CRE-002	85743899	NGUYEN T VAN HA	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
891	21/05/2025 08:12:29	21/05/2025	DD	0.00	1,014,600.00	600,341,029.00	2166	9900MNISM B	260154	1260000151 d2306 ct phi dich vu thang 5 2025	2601277954	PHAM THI BICH	BIDV
892	21/05/2025 11:07:48	21/05/2025	DW	80,835,959.00	0.00	519,505,070.00	2167	176634	217000	REF217A2550261ELRMU B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BQT NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DỊCH VỤ LAN 1 THANG 5.2025	03101010639008	CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
893	21/05/2025 11:07:48	21/05/2025	DDM	35,567.00	0.00	519,469,503.00	2168	176634	217000	REF217A2550261ELRMU B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BQT NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DỊCH VỤ LAN 1 THANG 5.2025			
894	21/05/2025 14:43:30	21/05/2025	DD	0.00	769,800.00	520,239,303.00	2169	9900MNISM B	220000	1260000151 0517 S3 thanh toán phí quản lý và phí gửi xe máy tháng 5.2025	2206752737	NGUYEN VAN QUYET	BIDV
895	21/05/2025 16:00:35	21/05/2025	DD	0.00	921,150.00	521,160,453.00	2170	990B2BIN	990000	TKThe :0451000258271 tại BFTVVNVX. MBVCB.9576867743.191436.S3. 12A03 thanh toán phí dịch vụ tháng 5/25.CT tu 0451000258271 NGUYEN THI MAI HANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI N- B2B0200970436052116004120 25DBor191436	0451000258271	NGUYEN THI MAI HANH	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
896	25/05/2025 01:11:42	25/05/2025	IIPD	0.00	88,227.00	521,248,680.00	2171		0	Thanh toán lai thang 05/2025			
897	28/05/2025 09:54:08	28/05/2025	DD	0.00	32,500,000.00	553,748,680.00	2172	990CTLNH4	990000	TKThe :03101010020352 tại MSB. TT Thu lao BQT khu S tháng 04/2025 tại GMC -CTLNHIDI000011864462794-1/1-CRE-002	0310101020352	CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
898	02/06/2025 15:35:03	02/06/2025	DW	8,354,175.00	0.00	545,394,505.00	2173	176634	217000	REF217A256027TNRG1L B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DỊCH VỤ LAN 2 THANG 5/2025	03101010639008	CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
899	02/06/2025 15:35:03	02/06/2025	DDM	22,000.00	0.00	545,372,505.00	2174	176634	21700	REF217A256027TNRG1L B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CT CP DT VA QUAN LY BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY PHI DICH VU LAN 2 THANG 5/2025			
900	04/06/2025 16:39:19	04/06/2025	DD	0.00	1,238,550.00	546,611,055.00	2175	9900 MNISM B	116000	1260000151 D3301 Nop phi dv T6.2025	1160127540	NGUYEN THI NGAN	BIDV
901	06/06/2025 09:06:33	06/06/2025	DDM	110,000.00	0.00	546,501,055.00	2176	9900 QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T06 2025			
902	06/06/2025 11:08:17	06/06/2025	DDM	715,000.00	0.00	545,786,055.00	2177	9900 TP BSMS	126152	PHI BSMS T05.2025. MA KH14259016.			
903	07/06/2025 17:29:52	07/06/2025	DD	0.00	1,241,150.00	547,027,205.00	2178	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0570109603008 tai MSCBVNVX. PHAM DINH HOAN chuyen tien can ho D1808 TT tien dich vu va trong giu xe may thang 6/2025 - B2B0200970422060717295120 25PZZE696588	0570109603008	PHAM DINH HOAN	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
904	07/06/2025 18:29:56	07/06/2025	DD	0.00	834,525.00	547,861,730.00	2179	9900 CT LN4	990000	TKThe :19029970163017 tai Techcombank. CH 2506 s3 ck phi dv thang 6 FT25158825622280 -CTLNHIDI000011946089746-1/1-CRE-002	19029970163017	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
905	07/06/2025 19:18:25	07/06/2025	DD	0.00	636,075.00	548,497,805.00	2180	9900 CT LN4	990000	TKThe :00302581001 tai Tienphongbank. 12a1653 thanh toan phi dich vu t6.2025 -CTLNHIDI000011946493530-1/1-CRE-002	00302581001	TONG THANH THUY	NH TMCP Tien Phong
906	08/06/2025 00:41:51	08/06/2025	DD	0.00	1,052,400.00	549,550,205.00	2181	9900 MNISM B	126151	1260000151 D.0602 nop phi DV va xe moto T6. 2025; thoi gian GD:07/06/2025 23:35:48	1260894652	TAO NGOC ANH	BIDV
907	08/06/2025 09:20:02	08/06/2025	DD	0.00	1,601,775.00	551,151,980.00	2182	9900 CT LN4	990000	TKThe :01102354001 tai Tienphongbank. d2303 tt tien dich vu thang 6-2025 -CTLNHIDI000011949360179-1/1-CRE-002	01102354001	LE THI DUYEN	NH TMCP Tien Phong
908	08/06/2025 10:23:35	08/06/2025	DD	0.00	797,000.00	551,948,980.00	2183	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0000107278363 tai MSCBVNVX. toa s34008 thanh toa tien dv 6/2025 - B2B0200970422060810233420 25KHR5106641	0000107278363	DAO THI TRANG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
909	08/06/2025 10:38:51	08/06/2025	DD	0.00	767,325.00	552,716,305.00	2184	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0301000299324 tai BFTVVNVX. MBVCB.9775949546.100949.53. 3609 thanh toan phi quan ly va phi gui xe may thang 6/2025. CT tu 0301000299324 LE XUAN PHUC toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tai BIDV - B2B0200970436060810385820 25DBwy100949	0301000299324	LE XUAN PHUC	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
910	08/06/2025 11:09:29	08/06/2025	DD	0.00	1,303,200.00	554,019,505.00	2185	9900 CT LN4	990000	TKThe :2019091299 tai Techcombank. s2.0503 thanh toan tien dich vu thang 06.2025 FT25160490203510 -CTLNHIDI000011950181091-1/1-CRE-002	2019091299	DO THI LOAN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
911	08/06/2025 16:25:16	08/06/2025	DD	0.00	1,017,675.00	555,037,180.00	2186	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0451001284161 tai BFTVVNVX. MBVCB.9779235376.282249.54 0402 nop phi dich vu + gui xe t6. CT tu 0451001284161 BUI MANH HUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tai BIDV - B2B0200970436060816251520 25DBbc282249	0451001284161	BUI MANH HUNG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
912	08/06/2025 21:21:59	08/06/2025	DD	0.00	622,500.00	555,659,680.00	2187	9900 B2 BIN	990000	TKThe :1012934559 tai BFTVVNVX. MBVCB.9782904096.776204. To a S3 can ho 4001 thanh toan phi dich vu thang 6/2025. CT tu 1012934559 NGUYEN THI THANH VAN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tai BIDV - B2B0200970436060821215920 25DBnk776204	1012934559	NGUYEN THI THANH VAN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
913	08/06/2025 22:19:32	08/06/2025	DD	0.00	763,200.00	556,422,880.00	2188	9900 B2 BIN	990000	TKThe :0491000046933 tai BFTVVNVX. MBVCB.9783364933.084557. To a S3 Can Ho 3712 Thanh toan phi dich vu thang 06/2025. CT tu 0491000046933 VU NGOC BAO toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tai BIDV - B2B0200970436060822193820 25DBIt084557	0491000046933	VU NGOC BAO	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
914	09/06/2025 09:16:53	09/06/2025	DD	0.00	954,450.00	557,377,330.00	2189	990B2 BIN	990000	TKThe :108005734544 tại ICBVVNVX. S4 0817 thanh toán dịch vụ tháng 6-2025 B2B020097041506090916522025UHQ101055	108005734544	NGUYEN THUY LINH	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
915	09/06/2025 10:28:37	09/06/2025	DD	0.00	775,125.00	558,152,455.00	2190	990B2 BIN	990000	TKThe :103003385163 tại ICBVVNVX. S3 1610 Thanh toán phí dịch vụ tháng 6 2025 B2B020097041506091028372025mzor327239	103003385163	LE THI HONG NHUNG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
916	09/06/2025 12:14:59	09/06/2025	DD	0.00	639,375.00	558,791,830.00	2191	990CT LNH4	990000	TKThe :19031952114666 tại Techcombank. S4 4009 đồng phí quản lý hàng tháng FT25160870434306 -CTLNHID000011957888377-1/1-CRE-002	19031952114666	VND-TGTT-LE THI TUYEN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
917	09/06/2025 12:41:46	09/06/2025	DD	0.00	194,400.00	558,986,230.00	2192	990CT LNH4	990000	TKThe :19031952114666 tại Techcombank. S4 4009 đồng phí xe máy hàng tháng FT25160190980570 -CTLNHID000011958089608-1/1-CRE-002	19031952114666	VND-TGTT-LE THI TUYEN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
918	09/06/2025 13:08:54	09/06/2025	DD	0.00	765,675.00	559,751,905.00	2193	990CT LNH4	990000	TKThe :002704060254590 tại VIB. S3.2216 thanh toán phí quản lý/ phí gửi xe T06.2025 -CTLNHID000011958253828-1/1-CRE-002	002704060254590	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
919	09/06/2025 20:00:17	09/06/2025	DD	0.00	1,460,625.00	561,212,530.00	2194	9900 MNISM B	220000	1260000151 PHAN THUY DUNG Chuyen tien D3304 tt tien dv tháng 6.2025	2206525814	PHAN THUY DUNG	BIDV
920	09/06/2025 21:11:08	09/06/2025	DD	0.00	954,150.00	562,166,680.00	2195	990B2 BIN	990000	TKThe :0120100014861 tại MSCBVNVX. S3.2907 thanh toán phí dịch vụ tháng 62025 B2B020097042206092111072025WLDE621826	0120100014861	NGUYEN THI KIM OANH	Ngân hàng TMCP Quan doi MBBank
921	10/06/2025 08:32:29	10/06/2025	DD	0.00	1,080,800.00	563,247,480.00	2196	990CT LNH4	990000	TKThe :19032575865666 tại Techcombank. s3 1002 đồng tiền dv t6 2025 FT25161300040006 -CTLNHID000011964023818-1/1-CRE-002	19032575865666	VND-TGTT-NGUYEN MINH CHAU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
922	10/06/2025 10:29:02	10/06/2025	DD	0.00	1,282,425.00	564,529,905.00	2197	990CT LNH4	990000	TKThe :31114113119 tại VPBank. D4004 toan phi dvu T6 -CTLNHID000011964956030-1/1-CRE-002	31114113119	LE BINH	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
923	10/06/2025 12:16:33	10/06/2025	DD	0.00	764,850.00	565,294,755.00	2198	9900 MNISM B	450159	1260000151 s4 0808 phí dịch vụ tháng 6 2025	4505336092	DANG DINH TAN	BIDV
924	10/06/2025 13:46:54	10/06/2025	DD	0.00	920,325.00	566,215,080.00	2199	990CT LNH4	990000	TKThe :19121300649990 tại Techcombank. S3 0703 tt phí dịch vụ và gửi xe máy tháng 6 2025 FT25161702712775 -CTLNHID000011966566949-1/1-CRE-002	19121300649990	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH HIEU VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
925	10/06/2025 14:16:12	10/06/2025	DD	0.00	832,950.00	567,048,030.00	2200	990CT LNH4	990000	TKThe :29831989 tại ACB. S4.3009 THANH TOAN PHI DỊCH VỤ GỬI XE MÁY THÁNG 6/2025-100625-14.16:12 311614 -CTLNHID000011966771688-1/1-CRE-002	29831989	LY VAN LOC	NH TMCP A Chau
926	10/06/2025 15:05:31	10/06/2025	DD	0.00	879,250.00	567,927,280.00	2201	990CT LNH4	990000	TKThe :9017041112145 tại BVBank Timo. Toa S3 can ho 3111 thanh toán phí dịch vụ tháng 6 2025 -CTLNHID000011967168681-1/1-CRE-002	9017041112145	VU QUANG NGOC 412 NTMK	BVBank Timo
927	10/06/2025 18:52:22	10/06/2025	DD	0.00	637,000.00	568,564,280.00	2202	9900 MNISM B	450151	1260000151 S4 2604 đồng phí dịch vụ tháng 6	4502821650	DANG THI DUONG	BIDV
928	10/06/2025 20:38:46	10/06/2025	DD	0.00	765,675.00	569,329,955.00	2203	990B2 BIN	990000	TKThe :1017223896 tại BFTVVNVX. MBVCB.9807462852.725488.S3.0508 thanh toán tiền dịch vụ tháng 06/2025.CT tu 1017223896 DOAN BA HIEU toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tại BIDV B2B020097043606102038462025DBvu725488	1017223896	DOAN BA HIEU	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank
929	10/06/2025 21:32:30	10/06/2025	DD	0.00	1,159,350.00	570,489,305.00	2204	990CT LNH4	990000	TKThe :19022818423025 tại Techcombank. S1 0810 nop Phi DV tháng 6 và tiền xe máy xe đạp FT25162949085928 -CTLNHID000011972136584-1/1-CRE-002	19022818423025	VND-TGTT-VU THI THANH MINH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
930	11/06/2025 08:39:21	11/06/2025	DD	0.00	1,000,000.00	571,489,305.00	2205	990CT LNH4	990000	TKThe :3799819889 tại Techcombank. NGUYEN THI THU THUY chuyen FT25162432550993 -CTLNHID000011974067650-1/1-CRE-002	3799819889	NGUYEN THI THU THUY VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
931	11/06/2025 09:45:39	11/06/2025	DD	0.00	834,525.00	572,323,830.00	2206	990CT LNH4	990000	TKThe :2579898888 tại MB. Can 2715 toa S3 gửi phí dịch vụ T62025 -CTLNHID000011974606390-1/1-CRE-002	2579898888	MBBANK IBFT Cat Linh Ba Dinh Ha Noi VN	NH TMCP Quan Doi

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
932	11/06/2025 18:47:05	11/06/2025	DD	0.00	1,024,875.00	573,348,705.00	2207	990B2 BIN	99000 0	TKThe :109004517037 tại ICBVVNVX. DANG THI THU HUYEN chuyen tien dich vu xe may xe dap thang 6 can 0311 S2 B2B0200970415061118470520 25Lrm0302124	10900451 7037	DANG THI THU HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
933	11/06/2025 20:16:25	11/06/2025	DD	0.00	701,700.00	574,050,405.00	2208	990B2 BIN	99000 0	TKThe :106878257746 tại ICBVVNVX. s3.1017 thanh toan tien dich vu va tien xe t6.2025 - B2B0200970415061120162520 257aZn614966	10687825 7746	NGUYEN THI MINH HUYEN	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam VietinBank
934	12/06/2025 07:03:06	12/06/2025	DD	0.00	887,400.00	574,937,805.00	2209	9900 MNISM B	43215 3	1260000151 s3 3711 thanh toan tien dich vu thang 5 2025	43210805 08	NGUYEN THI DIEU LINH	BIDV
935	12/06/2025 08:50:16	12/06/2025	DD	0.00	884,475.00	575,822,280.00	2210	990B2 BIN	99000 0	TKThe :1507205265619 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151;2416 toa S3 nop phi dv thang 6 nam 2025 - B2B0200970405061208501520 25Q72N009943	15072052 65619	NGUYEN VAN NGOC	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Viet Nam Agribank
936	12/06/2025 09:10:35	12/06/2025	DD	0.00	1,464,450.00	577,286,730.00	2211	990CT LNH4	99000 0	TKThe :0974025105 tại VPBank. S2 12A07 - Thanh toan tien phi dich vu Thang 06-2025 -CTLNHIDI000011982491962-1/1-CRE-002	09740251 05	BUI THI VAN	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
937	12/06/2025 09:23:50	12/06/2025	DD	0.00	796,425.00	578,083,155.00	2212	990CT LNH4	99000 0	TKThe :102026666 tại VIB. S3.1512A TTDV T6.2025 -CTLNHIDI000011982593243-1/1-CRE-002	10202666 6	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
938	12/06/2025 10:07:21	12/06/2025	DD	0.00	646,223.00	578,729,378.00	2213	990CT LNH4	99000 0	TKThe :03101011749511 tại MSB. S3.1514 thanh toan tien dich vu thang 6/2025 -CTLNHIDI000011982942087-1/1-CRE-002	03101011 749511	HOANG THANH 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
939	12/06/2025 14:01:01	12/06/2025	DD	0.00	635,250.00	579,364,628.00	2214	990CT LNH4	99000 0	TKThe :03147955301 tại Tienphongbank. s32108 thanh toan phi dich vu t6.2025 -CTLNHIDI000011984660015-1/1-CRE-002	03147955 301	PHUNG THI HANH	NH TMCP Tien Phong
940	12/06/2025 16:54:49	12/06/2025	DD	0.00	761,550.00	580,126,178.00	2215	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19031911299996 tại Techcombank. 2011 S3 TT TIEN PHI DICH VU VA GUI XE T5.25 FT25163449649042 -CTLNHIDI000011985987757-1/1-CRE-002	19031911 299996	VND-TGTT-TRAN THUY NGAN VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
941	12/06/2025 21:07:11	12/06/2025	DD	0.00	1,016,025.00	581,142,203.00	2216	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19033935636015 tại Techcombank. s3 3302 FT25163972133690 -CTLNHIDI000011988196427-1/1-CRE-002	19033935 636015	VND-TGTT-LE THI PHUONG THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
942	13/06/2025 01:05:04	13/06/2025	DD	0.00	773,725.00	581,915,928.00	2217	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19034697616015 tại Techcombank. S3.0817 thanh toan tien dich vu va gui xe may thang 6 FT25164400607104 -CTLNHIDI000011989149025-1/1-CRE-002; thoi gian GD:13/06/2025 00:13:46	19034697 616015	VND-TGTT-DANG DUY VIET VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
943	13/06/2025 08:31:11	13/06/2025	DD	0.00	1,795,426.00	583,711,354.00	2218	990B2 BIN	99000 0	TKThe :0491000403851 tại BFTVVNVX. MBVCB.9835215757.846395.D. 2304 thanh toan tien dich vu 6/2025.CT tu 0491000403851 TRAN VAN CHUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tại BIDV - B2B0200970436061308311120 25DBad846395	04910004 03851	TRAN VAN CHUONG	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Viet Nam Vietcombank
944	13/06/2025 15:10:10	13/06/2025	DD	0.00	37,500,000.00	621,211,354.00	2219	990CT LNH4	99000 0	TKThe :03101010020352 tại MSB. TT Thu lao BOT khu 5 thang 05/2025 tại GMC -CTLNHIDI000011993120773-1/1-CRE-002	03101010 020352	CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
945	13/06/2025 15:14:03	13/06/2025	DD	0.00	851,225.00	622,062,579.00	2220	9900 MNISM B	21700 0	1260000151 PHAM THI THANH Chuyen tien DV T6 2025 CH 3315 S4 Nguyen Thi Ngoc Thuy	21700036 55	PHAM THI THANH	BIDV
946	13/06/2025 16:50:30	13/06/2025	DD	0.00	632,000.00	622,694,579.00	2221	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19035068657015 tại Techcombank. s3 2111 phi dv t6 FT25164137294072 -CTLNHIDI000011993984675-1/1-CRE-002	19035068 657015	VND-TGTT-LE QUYNH ANH VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
947	14/06/2025 11:19:52	14/06/2025	DD	0.00	638,550.00	623,333,129.00	2222	990CT LNH4	99000 0	TKThe :9021606335108 tại BVBank Timo. S3.12A17 thanh toan tien phi dich vu T6.2025 -CTLNHIDI000012000150295-1/1-CRE-002	90216063 35108	TRAN THI THU HIEN 412 NTMK	BVBank Timo
948	14/06/2025 16:47:03	14/06/2025	DD	0.00	948,910.00	624,282,039.00	2223	990CT LNH4	99000 0	TKThe :19035067268015 tại Techcombank. 180153 ck phi Dv t6 phi xe nuoc T5 FT25165285750248 -CTLNHIDI000012002344832-1/1-CRE-002	19035067 268015	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH NGA VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
949	14/06/2025 19:39:28	14/06/2025	DD	0.00	1,326,000.00	625,608,039.00	2224	990CT LNH4	99000	TKThe :03501012723622 tại MSB. S1.1108 thanh toán phí dịch vụ tiền nước tháng 5.2025 -CTLNHIDI000012003893744-1/1-CRE-002	03501012723622	TRAN THI HANH PHUC 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
950	15/06/2025 08:13:16	15/06/2025	DD	0.00	899,325.00	626,507,364.00	2225	990CT LNH4	99000	TKThe :19850309001 tại Tienphongbank. S3.1007 tt phi dv -CTLNHIDI000012006317512-1/1-CRE-002	19850309001	LE TRUNG KIEN	NH TMCP Tien Phong
951	15/06/2025 14:55:35	15/06/2025	DD	0.00	788,550.00	627,295,914.00	2226	990CT LNH4	99000	TKThe :0976085892 tại CAKE by VPBank. 12a05 s3 tt tien dvu t6 2025 -CTLNHIDI000012009049861-1/1-CRE-002	0976085892	TRAN THAI HA 136 ho tung mauVietnam	Ngan hang so CAKE by VPBank
952	16/06/2025 07:38:04	16/06/2025	DD	0.00	899,325.00	628,195,239.00	2227	990CT LNH4	99000	TKThe :04262769999 tại Tienphongbank. S3.1607 tt phi dv 6.2025 -CTLNHIDI000012013346686-1/1-CRE-002	04262769999	DONG THANH SON	NH TMCP Tien Phong
953	16/06/2025 11:51:01	16/06/2025	DD	0.00	997,875.00	629,193,114.00	2228	9900 MNISM B	26000	1260000151 S1.12A06 thanh toán phí dịch vụ xe máy tháng 6.2025	2601258302	TRAN THI DIEM HUONG	BIDV
954	16/06/2025 13:34:09	16/06/2025	DD	0.00	861,525.00	630,054,639.00	2229	990B2 BIN	99000	TKThe :19876696666 tại MSCBVNVX. S3.2614 thanh toán tiền phí dịch vụ tháng 6 B2B0200970422061613340820 25WWM14994014	19876696666	NGUYEN THI HUYEN TRANG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
955	16/06/2025 15:09:17	16/06/2025	DD	0.00	1,182,675.00	631,237,314.00	2230	990B2 BIN	99000	TKThe :0691000379694 tại BFTVVNVX. MBVCB.9875048018.158195.s2_2703 Thanh toán phí dịch vụ 06/2025. CT tu 0691000379694 BUI THANH AN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tại BIDV - B2B0200970436061615091720 25DBJ158195	0691000379694	BUI THANH AN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
956	17/06/2025 09:03:49	17/06/2025	DD	0.00	769,800.00	632,007,114.00	2231	9900 MNISM B	22000	1260000151 0517 S3 thanh toán phí quản lý và phí gửi xe máy tháng 06.2025	2206752737	NGUYEN VAN QUYET	BIDV
957	17/06/2025 10:26:27	17/06/2025	DD	0.00	893,925.00	632,901,039.00	2232	990CT LNH4	99000	TKThe :1617091985 tại Techcombank. S3.0510 thanh toán phí dịch vụ tháng 6.2025 FT25168061050202 -CTLNHIDI000012023344761-1/1-CRE-002	1617091985	DAO THI THUY VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
958	17/06/2025 11:06:27	17/06/2025	DD	0.00	960,775.00	633,861,814.00	2233	990CT LNH4	99000	TKThe :85743899 tại VPBank. S38003 tt phi dich vu thang 6 nam 2025 -CTLNHIDI000012023687713-1/1-CRE-002	85743899	NGUYEN T VAN HA	NH TMCP Viet Nam Thinh Vuong
959	17/06/2025 13:10:14	17/06/2025	DD	0.00	633,600.00	634,495,414.00	2234	990CT LNH4	99000	TKThe :03801019916057 tại MSB. S34012A tt phi dv t6 -CTLNHIDI000012024687490-1/1-CRE-002	03801019916057	LUU THI DUNG 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
960	17/06/2025 18:55:09	17/06/2025	DD	0.00	921,150.00	635,416,564.00	2235	990B2 BIN	99000	TKThe :0451000258271 tại BFTVVNVX. MBVCB.9889546476.750851.S3. 12A03 tt phi dich vu-gui xe máy tháng 6/25. CT tu 0451000258271 NGUYEN THI MAI HANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tại BIDV - B2B0200970436061718551520 25DBxv750851	0451000258271	NGUYEN THI MAI HANH	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
961	17/06/2025 19:16:31	17/06/2025	DD	0.00	1,113,225.00	636,529,789.00	2236	990B2 BIN	99000	TKThe :0978156804 tại MSCBVNVX. S3.3602 Dong phi dich vu T62025 - B2B0200970422061719163020 25YLGU871287	0978156804	NGUYEN HUONG THUY	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
962	18/06/2025 09:37:26	18/06/2025	DD	0.00	770,550.00	637,300,339.00	2237	9900 MNISM B	42500	1260000151 can 3107S3 phi dich vu t6	4250337768	NGUYEN THI HONG NHUNG	BIDV
963	18/06/2025 15:44:13	18/06/2025	DD	0.00	1,168,200.00	638,468,539.00	2238	990B2 BIN	99000	TKThe :0011003093305 tại BFTVVNVX. MBVCB.9898263559.501555.S2. 12B 08 thanh toán tiền dịch vụ tháng 6.2025. CT tu 0011003093305 NGUYEN THANH CHUNG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tại BIDV - B2B0200970436061815441220 25DByy501555	0011003093305	NGUYEN THANH CHUNG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
964	19/06/2025 15:39:23	19/06/2025	DD	0.00	634,425.00	639,102,964.00	2239	990CT LNH4	99000	TKThe :065704060070347 tại VIB. S3 0208 Thanh toán Phi dv t6 2025 -CTLNHIDI000012041464184-1/1-CRE-002	065704060070347	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te
965	19/06/2025 15:40:15	19/06/2025	DD	0.00	129,600.00	639,232,564.00	2240	990CT LNH4	99000	TKThe :065704060070347 tại VIB. S3 0208 thanh toán phí gửi xe t6 2025 -CTLNHIDI000012041470750-1/1-CRE-002	065704060070347	ACC 970418	NH TMCP Quoc Te

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
966	20/06/2025 08:44:20	20/06/2025	DW	49,189,809.00	0.00	590,042,755.00	2241	160181	217000	REF217A2560XCFJ0A7G B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTPCPT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 1 THANG 6.2025	03101010639008	CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
967	20/06/2025 08:44:20	20/06/2025	DDM	22,000.00	0.00	590,020,755.00	2242	160181	217000	REF217A2560XCFJ0A7G B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTPCPT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 1 THANG 6.2025			
968	20/06/2025 14:34:57	20/06/2025	DD	0.00	1,117,875.00	591,138,630.00	2243	9900MNISM B	375154	1260000151 Can ho S2 2103 nop phi dich vu thang 6	3750008963	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
969	20/06/2025 14:37:07	20/06/2025	DD	0.00	156,600.00	591,295,230.00	2244	9900MNISM B	375154	1260000151 Can ho S2 2103 nop phi gui xe may xe dap T6	3750008963	PHAN THI HONG DIEP	BIDV
970	20/06/2025 15:47:21	20/06/2025	DD	0.00	1,077,750.00	592,372,980.00	2245	99082 BIN	990000	TKThe :8200114319005 tai MSCBVNVX. s3 1703 dong phi dv 06 2025 B2B0200970422062015472020255 1F681227	8200114319005	NGUYEN DOAN HOA	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
971	21/06/2025 02:30:26	21/06/2025	DD	0.00	829,650.00	593,202,630.00	2246	99082 BIN	990000	TKThe :1012825692 tai BFTVVNVX. MBVCB.9926185981.112298.54. 1616 tt phi dich vu va phi gui xe may T06.25.CT tu 1012825692 NGUYEN THI OANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tai BIDV B2B020097043606210230262025DBay112298	1012825692	NGUYEN THI OANH	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
972	22/06/2025 20:21:04	22/06/2025	DD	0.00	635,250.00	593,837,880.00	2247	9900CT LN H4	990000	TKThe :03801011878382 tai MSB. S3.1804 thanh toan tien dich vu thg 6/2025 -CTLNHIDI000012066482341-1/1-CRE-002	03801011878382	TRAN THI HUONG 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
973	23/06/2025 16:58:03	23/06/2025	DW	10,347,475.00	0.00	583,490,405.00	2248	163563	217000	REF217A25612UKWFQBF B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTPCPT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 2 THANG 06/2025	03101010639008	CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT	NHTMCP HANG HAI VN-HOI SO CHINH-HA NOI (MSB)
974	23/06/2025 16:58:03	23/06/2025	DDM	22,000.00	0.00	583,468,405.00	2249	163563	217000	REF217A25612UKWFQBF B/O 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 03101010639008 CTPCPT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT NHH01302001 PHI DỊCH VỤ LAN 2 THANG 06/2025			
975	25/06/2025 01:12:15	25/06/2025	IIPD	0.00	97,657.00	583,566,062.00	2250		0	Thanh toan lai thang 06/2025			
976	28/06/2025 18:04:05	28/06/2025	DD	0.00	1,238,550.00	584,804,612.00	2251	9900MNISM B	116000	1260000151 D3301 Nop phi dv T7.2025	1160127540	NGUYEN THI NGAN	BIDV
977	08/07/2025 08:36:27	08/07/2025	DD	0.00	834,525.00	585,639,137.00	2252	9900CT LN H4	990000	TKThe :19029970163017 tai Techcombank. Ch 2506 s3 ck phi dv xe th7 -FT25189990405456 -CTLNHIDI000012188603941-1/1-CRE-002	19029970163017	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
978	08/07/2025 11:18:44	08/07/2025	DDM	715,000.00	0.00	584,924,137.00	2253	9900TP BSMS	126152	PHI BSMS T06.2025. MA KH14259016.			
979	08/07/2025 13:10:36	08/07/2025	DDM	110,000.00	0.00	584,814,137.00	2254	9900QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T07 2025			
980	08/07/2025 16:06:26	08/07/2025	DD	0.00	764,850.00	585,578,987.00	2255	9900MNISM B	450159	1260000151 s4 0808 phi dich vu thang 7 2025	4505336092	DANG DINH TAN	BIDV
981	08/07/2025 16:06:36	08/07/2025	DD	0.00	701,700.00	586,280,687.00	2256	99082 BIN	990000	TKThe :106878257746 tai ICBVVNVX. s3.1017 thanh toan tien dich vu va tien xe t7.2025 -B2B020097041507081606362025hivr945768	106878257746	NGUYEN THI MINH HUYEN	Ngan hang TMCP Cong Thuong Viet Nam VietinBank
982	08/07/2025 17:44:49	08/07/2025	DD	0.00	636,075.00	586,916,762.00	2257	9900CT LN H4	990000	TKThe :00302581001 tai Tienphongbank. 12a16 s3 thanh toan phi dich vu t7.2025 -CTLNHIDI000012192917508-1/1-CRE-002	00302581001	TONG THANH THUY	NH TMCP Tien Phong
983	09/07/2025 01:17:16	09/07/2025	DD	0.00	926,140.00	587,842,902.00	2258	9900CT LN H4	990000	TKThe :19035067268015 tai Techcombank. 180153 ck tien phi nuoc va xe Th 7.2025 FT25190649682822 -CTLNHIDI000012195836391-1/1-CRE-002; thoi gian GD:09/07/2025 00:58:12	19035067268015	VND-TGTT-NGUYEN THI THANH NGA VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
984	09/07/2025 14:20:04	09/07/2025	DD	0.00	788,550.00	588,631,452.00	2259	990CTLNH4	990000	TKThe :0976085892 tại CAKE by VPBank. 12a05 s3 tt tien dvu t7 -CTLNHIDI000012199578789-1/1-CRE-002	0976085892	TRAN THAI HA 136 ho tung mauVietnam	Ngan hang so CAKE by VPBank
985	09/07/2025 17:15:32	09/07/2025	DD	0.00	797,000.00	589,428,452.00	2260	990B2BIN	990000	TKThe :0000107278363 tại MSCBVNVX. toa s34008 thanh toa tien dv 72025 - B2B020097042207091715312025BPEV448653	0000107278363	DAO THI TRANG	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
986	09/07/2025 18:32:19	09/07/2025	DD	0.00	637,000.00	590,065,452.00	2261	9900MNISM B	450151	1260000151 S4 2604 dong phi dich vu thang 7	4502821650	DANG THI DUONG	BIDV
987	10/07/2025 10:01:28	10/07/2025	DD	0.00	834,525.00	590,899,977.00	2262	990B2BIN	990000	TKThe :2579898888 tại MSCBVNVX. 2715.S3 phi quan ly dv t72025 - B2B020097042207101001262025ZTS8872195	2579898888	TRINH THI HUE	Ngan hang TMCP Quan doi MBBank
988	10/07/2025 21:55:00	10/07/2025	DD	0.00	622,500.00	591,522,477.00	2263	990B2BIN	990000	TKThe :1012934559 tại BFTVVNVX. MBVCB.10149274279.397330.T oa S3 can ho 4001 thanh toan phi dich vu thang 7/2025.CT tu 1012934559 NGUYEN THI THANH VAN toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tại BIDV - B2B020097043607102155002025DBzq397330	1012934559	NGUYEN THI THANH VAN	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
989	11/07/2025 14:41:44	11/07/2025	DD	0.00	47,500,000.00	639,022,477.00	2264	990CTLNH4	990000	TKThe :03101010020352 tại MSB. TT Thu lao BQT khu 5 thang 06/2025 tại GMC -CTLNHIDI000012219300341-1/1-CRE-002	03101010020352	CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
990	12/07/2025 16:22:09	12/07/2025	DD	0.00	1,016,055.00	640,038,532.00	2265	990CTLNH4	990000	TKThe :19033935636015 tại Techcombank. s3 3302 phi dv t7 FT25193629076444 -CTLNHIDI000012228785701-1/1-CRE-002	19033935636015	VND-TGTT-LE THI PHUONG THAO VIETNAM	NH TMCP Ky Thuong Viet Nam
991	12/07/2025 17:11:31	12/07/2025	DD	0.00	884,475.00	640,923,007.00	2266	990B2BIN	990000	TKThe :1507205265619 tại VBAAVNVX. BIDV:1260000151;CH 2416 toa S3 tt phi dv thang 7 nam 2025 - B2B020097040507121711312025CSEV089902	1507205265619	NGUYEN VAN NGOC	Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank
992	18/07/2025 06:32:13	18/07/2025	DD	0.00	829,650.00	641,752,657.00	2267	990B2BIN	990000	TKThe :1012825692 tại BFTVVNVX. MBVCB.10233220087.873152.s 4.1616 tt phi dich vu va phi gui xe T7.25.CT tu 1012825692 NGUYEN THI OANH toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tại BIDV - B2B020097043607180632132025DBV873152	1012825692	NGUYEN THI OANH	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
993	18/07/2025 15:59:27	18/07/2025	DD	0.00	1,795,425.00	643,548,082.00	2268	990B2BIN	990000	TKThe :0491000403851 tại BFTVVNVX. MBVCB.10238735957.490110.D . 2304 thanh toan tien dich vu 7/2025.CT tu 0491000403851 TRAN VAN CHUONG toi 1260000151 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G tại BIDV - B2B020097043607181559272025DBop490110	0491000403851	TRAN VAN CHUONG	Ngan hang TMCP Ngoai Thuong Viet Nam Vietcombank
994	25/07/2025 01:01:01	25/07/2025	IIPD	0.00	100,584.00	643,648,666.00	2269		0	Thanh toan lai thang 07/2025			
995	08/08/2025 13:40:14	08/08/2025	DDM	110,000.00	0.00	643,538,666.00	2270	990QLTKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T08 2025			
996	12/08/2025 13:17:19	12/08/2025	DDM	715,000.00	0.00	642,823,666.00	2271	990TPBSMS	126152	PHI BSMS T07.2025. MA KH14259016.			
997	25/08/2025 00:58:21	25/08/2025	IIPD	0.00	109,271.00	642,932,937.00	2272		0	Thanh toan lai thang 08/2025			
998	08/09/2025 10:30:53	08/09/2025	DDM	110,000.00	0.00	642,822,937.00	2273	990QLTKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T09 2025			
999	08/09/2025 11:48:45	08/09/2025	DDM	715,000.00	0.00	642,107,937.00	2274	990TPBSMS	126152	PHI BSMS T08.2025. MA KH14259016.			
1000	11/09/2025 22:44:16	11/09/2025	DD	0.00	1,350,000.00	643,457,937.00	2275	990IBFT2	990000	TKThe :0987270582 tại VPBank. 12B03-S2 tra tien xe oto T92025 -CTLNHIDI000012761912002-1/1-CRE-002			
1001	12/09/2025 18:24:28	12/09/2025	DD	0.00	130,000,000.00	773,457,937.00	2276	990IBFT2	990000	TKThe :03101010020352 tại MSB. TT Thu lao BQT khu 5 thang 7+8/2025 tại GMC -CTLNHIDI000012769465182-1/1-CRE-002			

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans. Date)	Ngày hiệu lực (EFD. Date)	Mã giao dịch (Trans. Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ (SEQ No.)	Mã GDV (Teller ID)	Mã CN (Branch)	Diễn giải (Txn. Description)	Tài khoản đối ứng (Correspondent Account)	Tên đối ứng (Correspondent Name)	Ngân hàng đối ứng (Correspondent Bank)
1002	25/09/2025 00:57:50	25/09/2025	IIPD	0.00	118,498.00	773,576,435.00	2277		0	Thanh toán lại tháng 09/2025			
1003	02/10/2025 17:05:24	02/10/2025	ZDWC	14,771,920.00	0.00	758,804,515.00	2278	28183	217000	PHAM KHANH HANG RUT TIEN MAT THEO BBH NGÀY 01.10.2025		Tien mat tai quy	
1004	02/10/2025 17:05:24	02/10/2025	DDM	22,000.00	0.00	758,782,515.00	2279	28183	217000	PHAM KHANH HANG RUT TIEN MAT THEO BBH NGÀY 01.10.2025			
1005	08/10/2025 15:05:31	08/10/2025	DD	0.00	26,500,000.00	785,282,515.00	2280	990IB FT2	990000	TKThe :03101010020352 tai MSB. TT Thu lao BQT khu 5 thang 09/2025 tai GMC -CTLNHIDI000013019443095-1/1-CRE-002			
1006	21/10/2025 10:12:34	21/10/2025	DW	110,000.00	0.00	785,172,515.00	2281	990QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T10 2025			
1007	21/10/2025 10:18:40	21/10/2025	DW	715,000.00	0.00	784,457,515.00	2282	990TP BSMS	126152	PHI BSMS T09.2025. MA KH14259016.			
1008	25/10/2025 00:53:24	25/10/2025	IIPD	0.00	127,749.00	784,585,264.00	2283		0	Thanh toán lại tháng 10/2025			
1009	06/11/2025 18:01:32	06/11/2025	DD	0.00	10,000.00	784,595,264.00	2286	990CT LN4	990000	TKThe :6388957 tai ACB. MAI THI DUNG CHUYEN KHOAN BUN-061125-18-01:32 734372 -CTLNHIDI000013317903893-1/1-CRE-002	6388957	MAI THI DUNG	NH TMCP A Chau
1010	08/11/2025 22:51:28	08/11/2025	DD	0.00	31,500,000.00	816,095,264.00	2287	990CT LN4	990000	TKThe :03101010020352 tai MSB. TT Thu lao BQT khu 5 thang 10/2025 tai GMC -CTLNHIDI000013340676271-1/1-CRE-002	0310101020352	CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT 88 LANG HA	NH TMCP Hang Hai Viet Nam
1011	13/11/2025 08:41:09	13/11/2025	DW	110,000.00	0.00	815,985,264.00	2288	990QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T11 2025			
1012	18/11/2025 10:06:14	18/11/2025	DW	1,001,000.00	0.00	814,984,264.00	2289	990TP BSMS	126152	PHI BSMS T10.2025. MA KH14259016.			
1013	25/11/2025 01:19:34	25/11/2025	IIPD	0.00	136,162.00	815,120,426.00	2290		0	Thanh toán lại tháng 11/2025			
1014	08/12/2025 10:01:08	08/12/2025	DW	110,000.00	0.00	815,010,426.00	2291	990QL TKDN	126152	PHI QUAN LY TAI KHOAN 126xxx151 T12 2025			
1015	11/12/2025 17:42:20	11/12/2025	DD	0.00	31,500,000.00	846,510,426.00	2292	990IB FT2	990000	TKThe :03101010020352 tai MSB. TT Thu lao BQT khu 5 thang 11 2025 tai GMC -CTLNHIDI000013706779983-1/1-CRE-002			
1016	12/12/2025 11:45:56	12/12/2025	DW	616,000.00	0.00	845,894,426.00	2293	990TP BSMS	126152	PHI BSMS T11.2025. MA KH14259016.			
1017	25/12/2025 01:49:08	25/12/2025	IIPD	0.00	136,355.00	846,030,781.00	2294		0	Thanh toán lại tháng 12/2025			
1018	31/12/2025 10:59:14	31/12/2025	DD	0.00	1,350,000.00	847,380,781.00	2295	9900 MNISM B	122000	1260000151 D12A08 dong tien gui oto t1 2026	1220369046	LAI MINH BAO	BIDV
Cộng phát sinh (Total Amount)				881,723,494.00	1,331,776,240.00								
Số dư cuối kỳ (Closing balance)						847,380,781.00							

Giao dịch viên/ Teller



Trần Thị Ngọc Ánh

Kiểm soát viên/ Supervisor



Cao Thu Trang